

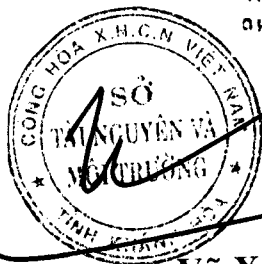
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018
HUYỆN KHÁNH SƠN – TỈNH KHÁNH HOÀ

Ngày..29..tháng 12 năm 2017

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

KT. GIÁM ĐỐC
QH. GIÁM ĐỐC



Vũ Xuân Thiêng

Ngày..29..tháng 12 năm 2017

CƠ QUAN LẬP KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Sửu

NĂM 2017

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018.....	1
2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn	2
3. Những tài liệu, bản đồ.....	4
4. Các phương pháp thực hiện	4
4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích.....	5
4.4. Phương pháp minh họa trên bản đồ	5
5. Tổ chức thực hiện	5
6. Các sản phẩm của dự án.....	5
I/ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	6
1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên.....	6
1.1.1. Vị trí địa lý.....	6
1.1.2. Địa hình	6
1.1.3. Khí hậu.....	7
1.1.4. Các nguồn tài nguyên.	7
1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội	9
1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	9
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	9
1.2.3. Dân số, lao động.....	11
1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.	11
1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.	11
1.3. Hiện trạng sử dụng đất 2017 và biến động sử dụng đất 2017 so với 2016	13
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	19
II/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN KHÁNH SƠN.....	21
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017	21
2.2. Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017	26
III/ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN.....	27
3.1. Khái quát Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Khánh Sơn	28
3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực	28
3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực.....	29
3.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017.....	39
3.5. Diện tích thu hồi đất năm 2018.....	39
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	40
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018	40
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018.....	44
IV/ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	45
4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	45
4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	45

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (*Điều 22*); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013 (*Khoản 3,4 Điều 40*), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*Khoản 3 Điều 7 và Khoản 4 Điều 9*), Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Khánh Sơn đã triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 31/12/2016.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa, của Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Khánh Sơn giao Phòng Tài nguyên & Môi trường phối hợp với Phân viện QH & TK Nông nghiệp miền Trung **Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn** trình UBND tỉnh phê duyệt.

1. Mục đích yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018

1.1. Mục đích

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016 -2020 của tỉnh Khánh Hòa phân bổ cho huyện Khánh Sơn đến địa bàn các xã, thị trấn.

- Đề xuất với UBND tỉnh việc phân bổ quỹ đất đai phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện.

- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Làm căn cứ pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018... theo quy định của Luật đất đai 2013.

- Giúp cơ quan quản lý nhà nước về đất đai xác định năm 2018 trên địa huyện sẽ triển khai thực hiện bao nhiêu công trình dự án có liên quan đến lĩnh vực đất đai; xác định được tổng diện tích cần phải thu hồi đất, diện tích chuyển mục đích, diện tích cho thuê đất đối với từng công trình, dự án... trên cơ sở đó xây dựng các phương án: hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bố trí tái định cư... và các vấn đề xã hội khác có liên quan.

1.2. Yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 phải xác định rõ nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, công trình phải thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2018;

- Các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2018 phải phù hợp với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và cấp tỉnh, quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

- Xác định rõ quy mô, diện tích, vị trí, ranh giới của các công trình dự án thực hiện năm 2018 (*xác định cụ thể trên bản đồ vị trí, diện tích, ranh giới các công trình dự án, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện năm 2018*);

- Các công trình, dự án đưa vào sử dụng trong năm 2018 đều phải có tính khả thi cao (*có chủ trương đầu tư, có kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư đối với các công trình, dự án sử dụng vốn ngân sách; có đơn xin chuyển mục đích, hoặc nhu cầu xin chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình cá nhân*).

2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất;
- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Khánh Sơn;
- Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn;
- Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn;
- Quyết định 30/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định giá đất năm 2015 ổn định 5 năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 31A/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 32A/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, xác định và điều chỉnh đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ các loại vật nuôi, cây trồng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Công văn số 4378/UBND-XDND ngày 06/7/2015 UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện;

- Văn bản số 4653/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện và danh mục công trình dự án phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2017;

Các văn bản khác có liên quan.

3. Những tài liệu, bản đồ

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Khánh Sơn đến năm 2020 và KHSD đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) và Dự thảo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn đã báo cáo thông qua UBND huyện Khánh Sơn.

- Kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của huyện Khánh Sơn.

- Kế hoạch phân bổ nguồn vốn ngân sách năm 2018 của huyện Khánh Sơn.

- Văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2018 của các ngành, và của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Khánh Sơn.

- Báo cáo sơ kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện 9 tháng đầu năm 2017; báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 -2020.

4. Các phương pháp thực hiện

4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu: gồm các phương pháp sau :

a. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại các xã và thị trấn Tô Hạp để xác định, khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018.

b. Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án trong kế hoạch năm 2017 chưa thực hiện chuyển sang thực hiện năm 2017; các công trình, dự án mới sẽ triển khai năm 2018.

4.2. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ: Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation, MapInfor...

4.3. Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê diện tích các công trình, dự án đã thực hiện theo kế hoạch; chưa thực hiện, hoặc đang thực hiện dở dang; tổng hợp, so sánh và phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án QH, KHSD đất. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong phương án QH, KHSD đất để tính tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch sử dụng đất.

4.4. Phương pháp minh họa trên bản đồ

Các loại đất chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2018 được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất cấp xã trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/10.000 (có lồng bản đồ địa chính các vùng đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép) thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, ranh giới sử dụng đất, diện tích, hiện trạng sử dụng đất,... Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, Mapinfor,...).

5. Tổ chức thực hiện

- Chủ quản dự án: UBND huyện Khánh Sơn;
- Chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan tư vấn: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp Miền Trung (Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Khánh Hòa.

6. Các sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, kèm theo các bảng biểu, phụ biểu tính toán, bản đồ thu nhỏ.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện, tỷ lệ 1/25.000.
- Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh, bảng biểu và bản đồ KHSD đất đã số hóa.

(Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, các sản phẩm mục a,b,c được lưu tại: UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường).

I/ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Khánh Sơn nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Khánh Hoà; cách thành phố Cam Ranh 40 km về phía Tây và cách thành phố Nha Trang 100 km theo đường bộ; huyện Khánh Sơn có toạ độ địa lý như sau:

Từ $108^{\circ}44'00''$ đến $109^{\circ}00'53''$ kinh độ Đông.

Từ $11^{\circ}54'43''$ đến $12^{\circ}10'05''$ vĩ độ Bắc.

Có đường ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Khánh Vĩnh.

+ Phía Đông giáp thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm.

+ Phía Tây và phía Nam giáp huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Với vị trí trên, huyện Khánh Sơn nằm tương đối biệt lập và cách xa trung tâm tỉnh Khánh Hoà (*thành phố Nha Trang*); địa hình phức tạp (*đồi núi cao, hiểm trở, độ dốc lớn*). Mọi hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá xã hội của huyện với các huyện khác trong và ngoài tỉnh duy nhất bằng tuyến Tỉnh lộ 9. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất trong giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện với các địa phương khác.

1.1.2. Địa hình

* *Địa hình đồi núi cao*: Diện tích 23.574,76 ha, chiếm 69,56% tổng diện tích toàn huyện; được tạo nên bởi các dãy núi macmaxit tạo thành một vòng bao quanh huyện. Độ cao phổ biến dạng địa hình này từ 1200 – 1500 m, độ dốc phổ biến trên 20° , bị chia cắt mạnh. Địa hình chủ yếu thích hợp cho phát triển lâm nghiệp.

* *Địa hình đồi thoải*: Diện tích có 5.078,04 ha, chiếm 15,0% diện tích tự nhiên của toàn huyện; dạng này có độ cao phổ biến từ 500 – 800m so với mặt nước biển. Phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện chạy dọc hai bên tỉnh lộ 9, có nền địa chất là đá trầm tích phân hoá thành đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs), độ dốc phổ biến từ 8 – 15° ; hiện trạng đang được sử dụng vào mục đích nông nghiệp (*trồng cây lâu năm, trồng hoa màu, một số diện tích trồng rừng sản xuất và rừng thông...*)

* *Địa hình bằng phẳng*: Diện tích có 4.619,0 ha chiếm 13,64% diện tích tự nhiên phân bố nhiều ở ven sông Tô Hạp, khu vực trung tâm (*Ba Cùm Bắc, Sơn Bình, TT Tô Hạp, Sơn Trung, Sơn Lâm*), dạng địa hình này có độ cao trung bình dưới 300m so với mặt nước biển, độ dốc phổ biến từ 0 – 8° . Đất đai của dạng địa hình trên được sử dụng để bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp (*chủ yếu là cây hàng năm*).

* *Sông suối MNCD*: Diện tích 609,07 ha, chiếm 1,80% diện tích tự nhiên.

1.1.3. Khí hậu

* *Nhiệt độ*: Nhiệt độ thường thấp hơn các huyện đồng bằng trong tỉnh từ 3 – 5°C trong cùng khoảng thời gian; nhiệt độ trung bình năm là 26°C, tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 1 (21,9°C), các tháng có nhiệt độ trung bình cao từ tháng 5 đến tháng 8 (26 - 28°C). Mức chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm tương đối lớn 8 – 9°C, số giờ nắng trung bình trong ngày 6-7 giờ, tổng tích ôn nhiệt 9500°C.

* *Lượng mưa*: Lượng mưa trung bình năm đạt 2200mm/năm, năm mưa nhiều đạt 2500mm. Mùa mưa thường kéo dài 7 tháng (*từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 12*), tháng có lượng mưa lớn thường tập trung vào tháng 10 và tháng 11; tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 1 và tháng 2. Về các tháng mùa mưa, lượng mưa thường chiếm từ 85 – 90% lượng mưa của cả năm.

* *Độ ẩm không khí*: Độ ẩm trung bình năm là 85 – 89%; độ ẩm trung bình cao nhất trên 90% tập trung vào các tháng mùa mưa; độ ẩm trung bình thấp nhất 75%, tập trung vào tháng 1 và tháng 2; lượng bốc hơi hàng năm đạt 1815mm, tập trung vào các tháng mùa khô.

* *Gió – bão*: Chế độ gió phân theo 2 mùa tương ứng với 2 hướng gió chính là: gió mùa Đông theo hướng Đông Bắc, gió mùa hè theo hướng Đông Nam. Bên cạnh đó còn có gió Tây – Tây Bắc và Tây – Tây Nam.

Tỉnh Khánh Hoà nói chung và huyện Khánh Sơn nói riêng nằm trong vùng ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão.

1.1.4. Các nguồn tài nguyên.

a. Tài nguyên đất

Căn cứ kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất của tỉnh Khánh Hoà tỷ lệ 1/100.000 do Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp xây dựng và kết quả điều tra chỉnh lý bản đồ đất huyện Khánh Sơn tỷ lệ 1/25.000 và bản đồ nông hoá thổ nhưỡng của các xã, thị trấn; trên địa bàn huyện có 3 nhóm đất với 5 đơn vị đất như sau:

* *Nhóm đất phù sa*: Diện tích có 598,4 ha, chiếm 1,77% diện tích tự nhiên toàn huyện (*trong đó đất phù sa được bồi có Pb có 301,98 ha, đất phù sa ngoài suối Py có 296,6 ha*). Loại đất này phân bố chủ yếu dọc 2 bên sông Tô Hạp khu vực trung tâm huyện nên hình thành dải đất dài ven sông Tô Hạp.

* *Nhóm đất đỏ vàng (F)*: Diện tích có 26.655,04 ha, chiếm 78,74% diện tích tự nhiên, bao gồm 2 loại đất chính là đất đỏ vàng trên macma xít (*Fa*) và đất đỏ vàng trên đá phiến sét (*Fs*).

- *Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fs)*: Diện tích có 7.239,55 ha, chiếm 21,42% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở địa hình đồi thoải đến núi cao, địa hình bị chia cắt nhẹ bởi các hợp thủy. Loại đất này phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn của huyện (*trừ xã Ba Cùm Nam*); đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, có nhiều đá lẫn.

- Đất vàng đỏ trên đá mác ma a xít (Fa): Diện tích có 19.415,49 ha, chiếm 57,29% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã trên địa bàn huyện nhưng tập trung nhiều ở các xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Ba Cùm Nam...

* *Đất mùn đỏ vàng trên núi (Ha)*: Diện tích có 5.991,36 ha, chiếm 17,7% diện tích tự nhiên, phân bố hầu hết ở các xã của huyện nhưng tập trung nhiều ở xã Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Ba Cùm Nam. Đây là loại đất phân bố trên núi cao, độ dốc lớn, ít có tác dụng cho sản xuất nông nghiệp, phần lớn diện tích đều là rừng tự nhiên.

* *Sông suối, mặt nước chuyên dùng*: Diện tích có 609,07 ha, chiếm 1,80% diện tích tự nhiên.

b. Tài nguyên nước

* *Nguồn nước mặt*: Nguồn nước mặt của huyện chủ yếu là từ hệ thống sông Tô Hạp. Hiện nay, trên hệ thống sông Tô Hạp và có 01 công trình thủy lợi nhỏ (*đập A Pa II xã Thành Sơn*) tưới cho 17,5 ha lúa và 13 công trình là cầu giao thông; ngoài công trình thủy lợi hiện có trên hệ thống sông Tô Hạp còn có thể xây dựng thêm một số công trình thủy lợi để bổ sung nước cho sinh hoạt và sản xuất như: hồ Sơn Trung, hồ Tà Lương, hồ Cô Lắc, một số các đập bồi ở các nhánh suối tưới cho 1 – 2ha lúa.

* *Nguồn nước ngầm*: Trong quá trình điều tra thực tế và khảo sát thực địa ở một số hộ gia đình ở các khu vực địa hình tương đối bằng đã khai thác nguồn nước ngầm vào sinh hoạt và sản xuất, mực nước ngầm nằm ở độ sâu phổ biến từ 12 – 15 m (*đối với khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng*), ở khu vực có địa hình cao, dốc mực nước ngầm nằm ở sâu hơn từ (25 – 30m), một số khu vực mạch nước nằm dưới tầng đá ngầm. Nhìn chung, nguồn nước ngầm của huyện ít được khai thác vào sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

c. Tài nguyên rừng: Tài nguyên rừng của Huyện khá phong phú về chủng loại gồm có rừng lá rộng thường xanh, rừng lá kim, rừng hỗn giao tre nứa, rừng hỗn giao lá rộng – lá kim...với nhiều loại cây gỗ quý có giá trị về mặt kinh tế và bảo tồn nguồn ghen như: thông 3 lá, trắc, dổi, pomu...các loại cây dược liệu; theo số liệu thống kê đến 9 năm 2016, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 21.387,96 ha, chiếm 63,18% diện tích tự nhiên.

e. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu điều tra nghiên cứu và quy hoạch khoáng sản của huyện đến năm 2020 trên địa bàn huyện có các loại khoáng sản sau:

- Đá xây dựng Granít XD: Có mỏ lớn tại xã Sơn Trung với tổng trữ lượng 8.280 triệu m³; Granit xây dựng ở huyện có thành phần khoáng vật chủ yếu là plagioclas, felspat kali, thạch anh, ít biotit, muscovit; ngoài ra còn có horbnlend, amphibol, khoáng vật quặng.

- Ryolit, andesit XD: Loại đá phun trào Ryolit, andesit XD gồm 1 mỏ lớn là andesit thị trấn Tô Hạp (*núi Dốc Gạo*) và các xã Sơn Bình, Ba Cùm Nam.

- Cát xây dựng: Cát xây dựng ở Khánh Sơn tập trung trong các thành tạo trầm tích sông, suối hiện đại, chủ yếu phân bố theo hệ thống sông Tô Hạp.

- Đất san lấp công trình: Trữ lượng có khoảng 64 triệu m³; hiện tại đã có 1 mỏ tại xã Sơn Trung đang khai thác.

1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng giá trị sản xuất năm 2016 so với năm 2015 ở mức 5,15%; dự kiến tăng trưởng giá trị sản xuất năm 2017 so với năm 2016 đạt 10%.

Cơ cấu kinh tế theo GTSX năm 2016 của huyện là nông lâm thủy sản giữ vai trò chủ đạo, tiếp đến công nghiệp – xây dựng và Thương mại dịch vụ, trong đó:

- Nông lâm – thủy sản: 59,4%;
- Công nghiệp – xây dựng: 24,9%;
- Thương mại – dịch vụ: 15,7%.

Dự kiến cơ cấu giá trị sản xuất năm 2017 là giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất (GTSX) ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2016 (giá so sánh năm 2010) đạt: 147.588 triệu đồng, tăng 5,15% so cùng kỳ, trong đó GTSX ngành nông nghiệp là: 133.111 triệu đồng, tăng 4,93%, GTSX lâm nghiệp là: 13.715 triệu đồng, tăng 7,12%, GTSX thủy sản: 762 triệu đồng, tăng 7,48%.

a.1. Sản xuất nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt: 2.508 ha; trong đó, cây lương thực 1.628 ha, cây chất bột 462 ha, cây thực phẩm 103 ha, cây công nghiệp hàng năm 311 ha, cây hàng năm khác 04 ha. So với cùng kỳ năm 2015; tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 6,10%, trong đó cây lương thực giảm 3,21%, cây chất bột giảm 11,32%, cây thực phẩm 0,96%, cây công nghiệp hàng năm giảm 11,4%.

Tổng diện tích cây lâu năm có: 2.359 ha, tăng 12,01% so với năm 2015. Trong đó một số loại cây trồng chủ yếu như: Cà phê 712 ha, Sầu riêng 457 ha, hồ tiêu 88 ha, chuối 740 ha, mít 164ha...

Tổng Sản lượng lương thực đạt: 4.942 tấn, tăng 18,43% so với cùng kỳ, trong đó: lúa 669 tấn, ngô 4.273 tấn.

Trong năm nhân dân thu hoạch xong một số diện tích các loại cây ăn quả cho sản phẩm như: 701 ha chuối, năng suất 59,25 tạ/ha, sản lượng 4.153 tấn; 397 ha sầu riêng, năng suất 68,74 tạ/ha, sản lượng 2.729 tấn; 138 ha mít và các loại cây ăn quả khác như Chôm chôm, măng cụt ... Tiếp tục thu hoạch diện tích mía tím, Cà phê, Hồ tiêu.

Tập trung triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho nhân dân, phối hợp với Viện cây ăn quả Miền Nam tổ chức 02 lớp hội thảo về cây Sầu riêng cho 300 lượt người tham dự, phối hợp với công ty Donatechno tổ chức 02 lớp hội thảo về cây sầu riêng và cây Hồ tiêu cho 250 lượt người tham dự. Phối hợp với Trung tâm khuyến nông Sở Nông nghiệp & PTNT đã tổ chức 01 lớp dạy nghề trồng tiêu cho 32 lao động nông thôn tại xã Sơn Hiệp, tổ chức 43 lớp tập huấn về cây trồng, vật nuôi với 1.720 lượt người tham gia.

* *Chăn nuôi*: Những năm qua ngành chăn nuôi của huyện đã có bước phát triển khá, tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho nhiều hộ dân.

Đàn gia súc, gia cầm phát triển bình thường. Duy trì tốt công tác kiểm dịch động vật kiểm soát giết mổ. Tăng cường củng cố hoạt động mạng lưới thú y cơ sở nhằm đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh và phát triển đàn gia súc, gia cầm. Toàn huyện có 162 con trâu, đạt 68,64% kế hoạch; đàn bò 4.547 con, đạt 82,67% kế hoạch; đàn heo 4.565 con, đạt 78,71% và đàn gia cầm: 31.825 con, đạt 87,91% kế hoạch.

a.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích trồng rừng là 573 ha, trong đó: Trồng rừng sản xuất theo Quyết định 147/2007/QĐ-TTg do nhà nước đầu tư hỗ trợ là 250 ha, đạt 100% kế hoạch tỉnh giao, người dân tự trồng rừng được 323 ha. Trong năm đã tổ chức 08 lớp tập huấn phổ biến chính sách, hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng trồng cho người dân với 240 lượt người tham gia. Cấp phát giống keo lai giâm hom hỗ trợ cho người dân trồng rừng kịp thời vụ hiện cây trồng sinh trưởng phát triển tốt. UBND huyện đã cho phép công ty Đại Thắng, tại thành phố Cam Ranh có thể mạnh trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sản phẩm lâm nghiệp liên kết trồng rừng và bao tiêu đầu ra cho người dân; cụ thể đã ký kết được 34 hộ diện tích 71,7 ha với số tiền hỗ trợ đầu tư là: 610 triệu đồng. Trong năm đã khai thác 14.520m³ từ rừng trồng.

Công tác quản lý bảo vệ rừng: Hướng dẫn cho các đơn vị chủ rừng Nhà nước lập Phương án phòng chống cháy rừng năm 2016 cho hơn 272,01 ha rẫy sát với diện tích rừng dễ cháy; hơn 2.995 ha rừng trọng điểm có nguy cơ cháy cao; kiện toàn 10 Ban chỉ huy, 44 tổ đội PCCCR và bảo vệ rừng cấp cơ sở với hơn 795 thành viên tham gia. Trong năm đã phát hiện và xử lý 20 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 34,552m³ gỗ các loại, 07 Ster củi đã bán nộp ngân sách 141,3 triệu đồng.

a.3. Thủy sản: Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi ở các ao nhỏ trong khu dân cư; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 có 10,47 ha; 9 tháng đầu năm 2016 duy trì diện tích nuôi ở trên.

b. Khu vực kinh tế công nghiệp

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 2010) là 35.903 triệu đồng, đạt 97,66% KH, trong đó, kinh tế nhà nước 251 triệu đồng, kinh tế ngoài nhà nước 3.398 triệu đồng, kinh tế cá thể 32.254 triệu đồng.

Theo số liệu thống kê năm 2016 toàn huyện có 102 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó nhà nước có 1 cơ sở, tư nhân có 2 cơ sở, cá thể có 99 cơ sở.

c. Khu vực kinh tế dịch vụ

Thương mại- Dịch vụ: Triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả và các hành vi kinh doanh trái pháp luật. Tổ chức 02 đợt kiểm tra kiểm soát thị trường, qua kiểm tra, nhìn chung các cơ sở, doanh nghiệp chấp hành tốt về ghi nhãn hàng hóa, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2016 là 127.070 triệu đồng; trong đó kinh tế nhà nước đạt: 11.440 triệu đồng, thành phần kinh tế cá thể đạt: 115.630 triệu đồng.

1.2.3. Dân số, lao động

a. Dân số: Theo niên giám thống kê, năm 2016 dân số của huyện có 23.680 người; thành thị có 4.594 người (chiếm 19,4%), nông thôn có 19.086 người, (chiếm 80,6%); nam có 11.892 người, nữ có 11.788 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,20%.

b. Lao động: Số người trong độ tuổi lao động của huyện có 13.308 người (chiếm 56,0% tổng dân số). Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế có 12.110 người; trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp có 9.377 người (chiếm 77,4%), lao động phi nông nghiệp có 2.734 người, chiếm 22,6 % tổng số lao động có việc làm.

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.

a. Thực trạng phát triển các khu đô thị: Thị trấn Tô Hạp hiện là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Khánh Sơn, nằm khu vực trung tâm huyện (chủ yếu dọc theo tỉnh lộ 9); với diện tích tự nhiên là 1625,17 ha, dân số năm 2016 có 4.594 nhân khẩu. Hiện cơ sở hạ tầng của thị trấn đang được đầu tư nâng cấp để đáp ứng được tiêu chuẩn đô thị loại IV.

b. Khu dân cư nông thôn: Tổng diện tích đất khu dân cư nông thôn năm 2015 có 2.833,51 ha, chiếm 8,3% diện tích tự nhiên (trong đó đất ở nông thôn có 110,54 ha). Các khu dân cư chủ yếu phân bố dọc theo các trục giao thông chính; đa số các công trình phục vụ cho đời sống, kinh tế, chính trị của các xã chủ yếu nằm trong khu dân cư nông thôn.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu trong các khu dân cư nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn tương đối lạc hậu; về đặc điểm phân bố đa số các khu dân cư phân bố tương đối hợp lý; bên cạnh đó vẫn có một số điểm dân cư cần chỉnh trang sắp xếp lại, một số điểm phải di dời một số hộ do nằm trong phạm vi giải toả khi xây dựng các công trình công cộng.

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.

a. Hệ thống giao thông

- Đường tỉnh lộ: Tỉnh lộ 9 (ĐT 656) bắt nguồn từ quốc lộ 1A (thành phố Cam Ranh) đi huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận; đoạn qua huyện có chiều dài 28 km chạy qua 6/8 xã thị trấn của huyện; tỉnh lộ 9 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV

miền núi, mặt đường rộng 5m, lề đường rộng 7m; đường tỉnh lộ 9 nhiều lần được duy tu bảo dưỡng.

- Đường nội thị: có 21 tuyến đường nội thị với chiều dài 24,56km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 21,28 km (*chiếm 86,6%*), đất có 3,28km (*chiếm 23,4%*); hiện nhiều đoạn của các tuyến đường huyện đã xuống cấp, cần được đầu tư nâng cấp.

- Đường huyện: Tổng số có 10 tuyến với tổng chiều dài 25,4 km, trong đó nhựa có 19,41 km (*chiếm 76,43%*), bê tông xi măng có 2 km (*chiếm 7,8%*), đất có 4km (*chiếm 15,7%*). Các tuyến đường huyện được đầu tư khá lâu, thêm vào đó địa hình hiểm trở và thường xuyên bị hư hỏng bởi các trận mưa và xói lở nên các tuyến đường huyện đã xuống cấp; những năm tới cần đầu tư nâng cấp.

- Đường xã: tổng chiều dài 75,0 km, trong đó nhựa có 6,26 km (*chiếm 8,43%*), bê tông xi măng có 40,84 km (*chiếm 54,45%*), đường đất có 27,9 km (*chiếm 37,2%*).

- Đường thôn: Tổng chiều dài 51,5km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 34,19km (*chiếm 66,4%*), đường đất có 17,3km (*chiếm 33,6%*).

- Đường sản xuất: Tổng chiều dài 38,24km, trong đó nhựa, bê tông xi măng có 0,8km (*chiếm 2,0%*), đường đất có 37,5 km (*chiếm 80%*).

b. *Thủy lợi*: Toàn huyện hiện có 30 công trình thủy lợi nhỏ (*chủ yếu là các đập dâng*), công suất thiết kế tưới cho khoảng 350 ha; tưới thực tế được 182 ha (*bằng 52% công suất thiết kế*), trong đó tưới cho lúa 134 ha, màu và cây công nghiệp 48 ha. Với các công trình thủy lợi hiện có thì huyện Khánh Sơn mới đáp ứng được 8% diện tích cây hàng năm; nếu tính diện tích đất sản xuất nông nghiệp thì mới đáp ứng nhu cầu nước tưới khoảng 4% diện tích. Diện tích còn lại chủ yếu sử dụng nước mưa hoặc người dân bơm tưới từ các sông, suối.

c. *Năng lượng, bưu chính viễn thông*:

- Năng lượng: Hầu hết địa bàn huyện Khánh Sơn được phủ lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 98%.

- Bưu chính viễn thông: Huyện đã có hệ thống cáp điện thoại đến tất cả các xã, thị trấn và hệ thống thu phát sóng di động, sóng điện thoại di động đã phủ kín trên địa bàn đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt. Các công trình bưu chính viễn thông của huyện gồm 1 bưu điện huyện, 1 trạm viễn thông và 7 bưu điện văn hoá xã. Nhìn chung, quỹ đất của ngành bưu chính viễn thông đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ thông tin liên lạc.

d. *Cơ sở văn hóa*:

Hiện trên địa bàn huyện có: Trung tâm văn hoá - thể thao, đài truyền thanh, truyền hình huyện... công trình văn hoá của xã như: khu văn hoá TT xã Sơn Bình, TT văn hóa xã Sơn Lâm, TT văn hoá xã Ba Cùm Nam, các nhà sinh hoạt cộng đồng của các thôn, làng; Các công trình văn hóa còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân.

e. *Cơ sở y tế*: Về cơ sở ngành y tế của huyện Khánh Sơn gồm: 1 Trung tâm y tế huyện ở xã Sơn Trung, diện tích 9851m² với 70 giường bệnh, 1 phòng

khám đa khoa khu vực tại xã Sơn Lâm, diện tích 3034m² có 10 giường bệnh; 8/8 xã thị trấn đều có trạm y tế xã đạt chuẩn.

g. Cơ sở giáo dục - đào tạo

- Giáo dục mầm non: Tổng số có 9 trường Mầm non công lập (*các xã thị trấn đều có trường mầm non*), với 71 lớp học, tổng số có 1943 Cháu mẫu giáo (*chiếm 7,1% dân số*); tổng số giáo viên cấp mầm non có 163 người; tổng quỹ đất cho cấp mầm non là 18.755m².

- Giáo dục tiểu học: Hiện có 07 trường (*ngoài ra có 01 trường Dân tộc nội trú*) với 142 phòng học và 138 lớp, số cán bộ giáo viên tiểu học có 195 người, tổng số học sinh tiểu học có 2.695 học sinh, chiếm 12,1% tổng dân số.

- Giáo dục phổ thông: Có 4 trường là Trung học cơ sở Ba Cùm Bắc, Trung học cơ sở Sơn Lâm, Trung học cơ sở Sơn Bình và Trung học cơ sở TT Tô Hạp với tổng số 42 phòng học/56 lớp học; tổng số học sinh có 1679 em (*chiếm 7,5% tổng dân số*), số giáo viên trung học cơ sở có 120 người. Huyện có 01 trường Phổ thông Trung học tại thị trấn Tô Hạp với 22 phòng học với 15 lớp học.

- Giáo dục dân tộc: Huyện đã xây dựng mới trường Dân tộc nội trú trong khu Trung tâm bảo trợ xã hội của huyện tại xã Ba Cùm Bắc, cơ sở vật chất khang trang đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc trong huyện; cơ sở cũ (*đường Lê Duẩn*) chuyển cho trường Trung học cơ sở thị trấn Tô Hạp quản lý sử dụng.

h. Văn hóa - thể thao

- Về hoạt động văn hóa: Các hoạt động văn hoá ngày càng phong phú và đa dạng như: tổ chức hội thi, hội diễn, hoạt động thông tin lưu động và văn nghệ quần chúng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cơ sở ngày càng hiệu quả. Phong trào thể dục – thể thao được duy trì và có nhiều tiến bộ, tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí nhất là các dịp lễ tết. Ngoài ra, ngành văn hoá – thông tin huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; kết hợp tuyên truyền hỗ trợ các chương trình khác như: y tế, dân số, môi trường...

Đã tổ chức thành công 12 giải thi đấu TDTT chính thức cấp huyện với hơn 1.100 vận động viên tham gia và tham gia 8 giải cấp tỉnh với 110 vận động viên tham gia; phong trào thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì thường xuyên tại nhà thi đấu đa năng với 3 CLB cầu lông, 2 CLB bóng chuyền, 3 CLB bóng đá, 2 CLB võ thuật... với hơn 100 lượt người tham gia luyện tập.

i. Chợ, trung tâm thương mại:

Quỹ đất hiện xây dựng hệ thống chợ của Khánh Sơn là 1,34 ha bao gồm 4 chợ là: chợ Tô Hạp, chợ Sơn Lâm, Chợ Sơn Bình và chợ Sơn Hiệp.

1.3. Hiện trạng sử dụng đất 2017, biến động sử dụng đất 2016-2017

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2017

Căn cứ vào kết quả thống kê đất đai năm 2016 và kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2016, tổng hợp được hiện trạng sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn như sau:

Tổng diện tích tự nhiên có 33.852,76 ha, trong đó: Diện tích đất đang được sử dụng cho các mục đích có 27.582,98 ha, chiếm 81,48% tổng diện tích tự nhiên, còn lại 6.269,78 ha đất chưa sử dụng, chiếm 18,52% tổng diện tích tự nhiên.

Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2017 huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.969,70	76,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA	162,00	0,62
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>158,63</i>	<i>0,61</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.317,29	5,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.110,42	11,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.872,74	45,72
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	7,25
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.609,10	29,30
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	0,06
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.613,28	4,77
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	42,82
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,05
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,06	0,07
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,04
2.5	Đất phát triển hạ tầng	DHT	248,02	15,37
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,41</i>	<i>0,97</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>22,07</i>	<i>8,90</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,55</i>	<i>1,43</i>
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	0,30
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	0,20
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,41	8,21
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	16,19	1,00
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,49	0,65
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,02
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	0,28
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	14,32	0,89
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,36	0,27
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,77	29,80
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,03
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.269,78	18,52
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,64	1,40
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.182,14	98,60

* Ghi chú: Số liệu hiện trạng trên là số liệu huyện dự kiến năm 2017; số chính thức sẽ được công bố sau khi thực hiện thống kê đất đai đến ngày 31/12/2017.

1.3.1.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp có 25.969,70 ha, chiếm 76,71 % tổng diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích 162,00 ha, chiếm 0,62% đất nông nghiệp, phân bố ở tất cả các xã, trong đó diện đất lúa phân bố nhiều nhất ở xã Ba Cạm Bắc

(52,28 ha), Sơn Trung (27,67 ha), Sơn Bình (27,32 ha) và ít nhất ở xã Sơn Lâm (6,11ha); chi tiết diện tích đất lúa phân bố ở các xã xem biểu 01/CH.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 1.317,29 ha, chiếm 5,07% đất nông nghiệp. Đất trồng cây hàng năm phân bố ở hầu hết các xã, được sử dụng để trồng đậu, bắp, sắn, mía, hoa màu các loại;

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 3.110,42 ha, chiếm 11,98% đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm phân bố ở tất cả các xã, thị trấn, được sử dụng trồng cà phê, sầu riêng, chuối và các loại cây ăn quả khác; diện tích phân bố nhiều nhất ở xã Ba Cùm Bắc (1195,84 ha), ít nhất ở xã Ba Cùm Nam (164,69 ha);

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 11.872,74 ha, chiếm 45,72% đất nông nghiệp; đất rừng phòng hộ phân bố ở tất cả các xã thị trấn nhưng tập trung nhiều nhất ở xã Thành Sơn (3.013,45 ha), ít nhất ở thị trấn Tô Hạp (29,05 ha).

- Đất rừng đặc dụng: 1.181,65 ha, chiếm 5,56% diện tích tự nhiên, diện tích trên thuộc khu bảo vệ của Vườn quốc gia Hòn Bà (*diện tích rừng đặc dụng thuộc Vườn Quốc gia Hòn Bà nằm trong ranh giới huyện Khánh Sơn được phân bố ở xã Sơn Hiệp, Sơn Trung và xã Sơn Bình*);

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 7.609,10 ha, chiếm 29,30% đất nông nghiệp, phân bố ở 8 xã thị trấn, trong đó diện tích phân bố nhiều ở các xã Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình, Ba Cùm Bắc.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 16,51 ha, chiếm 0,06% đất nông nghiệp, phân bố ở hầu hết các xã.

1.3.1.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp có 1.613,28 ha, chiếm 4,77% diện tích tự nhiên.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích 690,83 ha, chiếm 42,82% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh: Diện tích 0,78 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Lâm.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích 1,06 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố chủ yếu ở thị trấn Tô Hạp.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: Diện tích 0,64 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố ở thị trấn Tô Hạp.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích 248,02 ha. Trong loại đất này, đất sử dụng cho các mục đích giao thông và thủy lợi chiếm tỷ lệ lớn (trên 95%); các mục đích còn lại như đất cơ sở văn hóa, đất cơ sở y tế, đất cơ sở giáo dục - đào tạo,... chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Đất có danh lam thắng cảnh: Diện tích 4,80 ha, chiếm 0,30 % diện tích đất phi nông nghiệp (diện tích thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp).
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích 3,27 ha, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp; diện tích bãi tập kết xử lý rác thải của tại xã Sơn Trung, xã Ba Cạm Bắc, xã Thành Sơn, xã Sơn Hiệp, xã Sơn Lâm.
- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 132,41 ha, chiếm 8,21 % diện tích đất phi nông nghiệp; bình quân 1 hộ gia đình có 200 m² đất ở.
- Đất ở tại đô thị: Diện tích 16,19 ha chiếm 1,00 % diện tích đất phi nông nghiệp; bình quân 1 hộ gia đình có 150 m² đất ở đô thị.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 10,49 ha, chiếm 0,65 % diện tích đất phi nông nghiệp; diện tích của Huyện ủy, UBND huyện, các phòng ban chức năng của huyện và UBND các xã.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích 0,29 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích 4,49 ha, chiếm 0,28 % diện tích đất phi nông nghiệp (diện tích của chùa Khánh Sơn tại thị trấn Tô Hạp).
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích 14,32 ha, chiếm 0,89 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích 4,36 ha, chiếm 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích 480,77 ha, chiếm 29,80 % diện tích đất phi nông nghiệp.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích 0,56 ha, chiếm 0,03 % diện tích đất phi nông nghiệp.

1.3.1.3. Đất chưa sử dụng

Toàn huyện còn 6.269,78 ha đất chưa sử dụng, chiếm 18,52% diện tích tự nhiên. chủ yếu là đất đồi chưa sử dụng; diện tích đất chưa sử dụng phân bố nhiều ở các xã: Thành Sơn (3.007,96 ha), Sơn Lâm (1.513,96 ha), Ba Cạm Bắc (666,26 ha)... diện tích đất chưa sử dụng phân bố ở núi cao, chủ yếu dùng để trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng.

1.3.1.4. Đất đô thị

Toàn huyện có 1.167,47 ha đất đô thị, chiếm 4,69% diện tích tự nhiên của toàn huyện.

1.3.2. Biến động sử dụng đất 2017 – 2016

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp 2017 giảm 16,69 ha so với năm 2016, cụ thể:

- Đất trồng lúa: năm 2017 giảm 13,32 ha so với năm 2016.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước năm 2017 giảm 13,30 ha so với năm 2016; giảm do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất bằng trồng cây hàng năm khác 9,84 ha (xã Sơn Trung, Sơn Hiệp, Ba Cùm Bắc, Ba Cùm Nam), chuyển sang đất trồng cây lâu năm 3,40 ha (xã Sơn Trung), đất giao thông 0,02 ha, đất ở nông thôn 0,04 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích năm 2017 tăng 6,61 ha so với năm 2016; tăng do chuyển đất trồng lúa các khu vực kém hiệu quả, hạn chế về điều kiện tưới tiêu sang đất trồng cây hàng năm (chủ yếu trồng mía tím và một số loại hoa màu khác).

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích năm 2017 giảm 2,67 ha so với năm 2016; trong đó: diện tích thực tăng 3,40 ha do chuyển từ đất trồng lúa; diện tích giảm 6,07 ha do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp (bố trí dân cư, xây dựng hạ tầng kinh tế - kỹ thuật).

- Đất rừng sản xuất: Diện tích năm 2017 tăng 16,07 ha so với năm 2016; trong đó diện tích thực tăng 30,00 ha do chuyển từ đất đồi núi chưa sử dụng; diện tích giảm 13,93 do chuyển sang đất giao thông, thủy lợi và đất quốc phòng.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích năm 2017 tăng 10 ha so với năm 2016 tăng do khoanh nuôi rừng phòng hộ tại xã Thành Sơn.

- Đất rừng đặc dụng: Ổn định so với năm 2016;

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích năm 2017 ổn định so với năm 2016.

b. Đất phi nông nghiệp

Năm 2017 diện tích đất phi nông nghiệp tăng 24,08 ha so với năm 2016, cụ thể:

- Đất quốc phòng: Diện tích năm 2017 tăng 1,71 ha so với năm 2016, tăng do mở rộng trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện theo GCNQSD đất.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích năm 2017 tăng 0,99 ha so với năm 2016, tăng do mở rộng đất của nhà hàng Ánh Tuyết và công ty Phương Đài tại thị trấn Tô Hạp.

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích năm 2017 tăng 16,62 ha so với năm 2016. Các loại đất tăng gồm: đất cơ sở giáo dục tăng 0,24 ha (mở rộng trường Vành Khuyên xã Sơn Bình), đất giao thông 14,72 ha (đường lâm nghiệp phòng cháy chữa cháy rừng, đường D9 và các tuyến giao thông nông thôn khác...) đất thủy lợi tăng 1,41 ha (đập suối Mả), đất cơ sở nghiên cứu khoa học 3,61 ha (trại thực nghiệm giống nông nghiệp công nghệ cao tại xã Sơn Trung).

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 2017 tăng 4,79 ha so với năm 2016; diện tích tăng do thu hồi đất xây dựng khu tái định cư Dốc Trâu, chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn tại 7 xã.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2017 tăng 0,16 ha, do chuyển từ đất trồng cây hàng năm 0,14 ha, đất trồng cây lâu năm 0,03 ha và đất nông nghiệp khác 0,09 ha.

- Đất trụ sở cơ quan: tăng 0,35 ha so với năm 2016, tăng do giao đất xây dựng trụ sở UBND xã Thành Sơn;

- Đất cơ sở tôn giáo: tăng 0,5 ha so với năm 2016; tăng do giao đất xây dựng cơ sở tôn giáo tại xã Sơn Trung;

- Đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,16 ha, giảm do chuyển sang đất cơ sở giáo dục (mở rộng trường Vành Khuyên xã Sơn Bình).

- Đất sông suối: giảm 0,88 ha so với năm 2016, giảm do chuyển sang đất thủy lợi (xây dựng kè Tà Lương tại thị trấn Tô Hạp, đập suối Mả xã Sơn Lâm).

Các loại đất còn lại ổn định so với năm 2016.

c. Đất chưa sử dụng: Diện tích năm 2017 giảm 40,77 ha so với năm 2016; giảm do chuyển sang đất rừng sản xuất 30,00 ha, rừng phòng hộ 10 ha, đất quốc phòng 0,02 ha, đất giao thông 0,56 ha.

d. Đất đô thị: Không thay đổi so với năm 2016.

Bảng 02: Biến động sử dụng đất năm 2017 so với năm 2016 của huyện Khánh Sơn

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2016	Diện tích năm 2017	Tăng (+), giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		33.852,76	33.852,76	
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.953,01	25.969,70	16,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,32	162,00	-13,32
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,93</i>	<i>158,63</i>	<i>-13,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.310,68	1.317,29	6,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.113,09	3.110,42	-2,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,74	11.872,74	10,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.881,65	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.593,03	7.609,10	16,07
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16,51	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.589,20	1.613,28	24,08
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	690,83	1,71
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	1,06	0,99
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,64	
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	231,40	248,02	16,62
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>			
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>	
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>21,83</i>	<i>22,07</i>	<i>0,24</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,55</i>	<i>3,55</i>	
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	4,80	
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	3,27	
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	127,62	132,41	4,79
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,03	16,19	0,16
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,14	10,49	0,35
2.12	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,29	
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	4,49	0,50
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	14,32	14,32	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2016	Diện tích năm 2017	Tăng (+), giảm (-)
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,52	4,36	-0,16
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	481,65	480,77	-0,88
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.310,55	6.269,78	-40,77
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	87,83	87,64	-0,19
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	6.222,72	6.182,14	-40,58

Nguồn: - Kết quả thống kê đất đai năm 2016 - Phòng TN&MT.

- Kết quả điều tra tổng hợp thực hiện năm 2017

1.3.3. Đánh giá công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch trong năm 2017

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 – 2015) của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2013; Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Năm 2017 trên địa bàn huyện thực hiện: mở rộng nâng cấp được 13 tuyến đường giao thông nông thôn, xây dựng 2 công trình thủy lợi (kè Sơn Trung, đập suối Mả), thu hồi đất để xây dựng trụ sở UBND xã Thành Sơn, mở rộng trường Vành Khuyên xã Sơn Bình, chuyển mục đích của nhà hàng thương mại Ánh Tuyết, đất thương mại dịch vụ công ty Phương Đài, triển khai trồng được 40 ha rừng sản xuất và rừng phòng hộ trên đất chưa sử dụng, cho chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở... Các hạng mục công trình trên đều được thực hiện đúng theo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp đã được phê duyệt.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.4.1. Thuận lợi

- Là huyện miền núi của tỉnh Khánh Hoà, trong những năm tới huyện sẽ nhận được nhiều sự ưu đãi hơn đầu tư về phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội.

- Diện tích tự nhiên rộng, mật độ dân số ở mức thấp, nhu cầu về đất đai cũng như áp lực dân số về đất đai không lớn, là điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng các điểm dân cư, xây dựng các công trình phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mà không làm ảnh hưởng quá nhiều đến đời sống của nhân dân.

- Tài nguyên đất đai, khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng; khí hậu mát mẻ hơn các huyện thị khác trong tỉnh, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn là điều kiện để phát triển nhiều loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là các loại cây ăn trái, hình thành vùng cây ăn trái đặc sản có giá trị kinh tế cao của tỉnh Khánh Hoà.

- Diện tích rừng chiếm tỷ lệ lớn, bên cạnh đó sự phong phú về chủng loại rừng, vừa có giá trị về kinh tế vừa có giá trị về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Môi trường đất, nước, không khí còn khá trong lành, khí hậu mát mẻ quanh năm, thảm thực vật khá phong phú là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, thu hút khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng.

- Đặc điểm dân cư cộng đồng với nhiều dân tộc anh em có những nét văn hoá mang bản sắc riêng của từng dân tộc, từng vùng miền... tạo nên tính đa dạng về sắc thái văn hoá ... đây là một trong những thế mạnh để phát triển du lịch.

1.4.2. Khó khăn

- Khó khăn lớn nhất của Khánh Sơn là nằm tương đối biệt lập với các huyện khác trong tỉnh và trong vùng, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn; mọi hoạt động về giao lưu buôn bán và trao đổi hàng hoá với bên ngoài đều phụ thuộc vào tỉnh lộ 9; đường Tỉnh lộ 9 là tuyến đường hẹp, đi qua nhiều sông suối và đèo dốc, khi mùa mưa đến lũ trên đầu nguồn đổ về gây ngập lụt ở nhiều đoạn dẫn đến tình trạng huyện thường xuyên bị cô lập với bên ngoài vào mùa mưa lũ (*tuy nhiên thời gian bị cô lập thường không kéo dài*).

- Do địa hình bị chia cắt mạnh bởi nhiều sông, suối, đồi núi hiểm trở... nên việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần nguồn kinh phí lớn, đầu tư đồng bộ mới đáp ứng nhu cầu phát triển chung của Huyện.

- Lượng mưa lớn, cường độ mạnh có thể gây lũ cục bộ và sạt lở đất gây nhiều khó khăn thiệt hại cho sản xuất, đời sống dân cư cũng như việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trình độ dân trí thấp, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, nguồn lao động chủ yếu là lao động thủ công, lao động qua đào tạo còn thấp, khả năng tiếp cận nền kinh tế thị trường, tiếp thu ứng dụng khoa học công nghệ rất hạn chế. Việc giải quyết vấn đề về lao động có trình độ nhận thức và tay nghề, nhất là vùng đồng bào dân tộc gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, tạo điều kiện cho thúc đẩy nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu thị trường... Cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại như: chợ, cửa hàng, kho tàng, bến bãi và phương tiện vận tải phục vụ bán buôn còn yếu và thiếu...

- Thu ngân sách địa phương còn ở mức thấp nên khả năng chủ động nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn.

- Chủ trương lớn phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa được cụ thể hoá thành những chương trình để triển khai đồng bộ, còn lúng túng về nội dung xây dựng, thiếu quy hoạch và định hướng phát triển.

II/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN KHÁNH SƠN

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017

2.2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án đưa vào kế hoạch 2017

a. Kết quả thực hiện danh mục công trình dự án theo Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Theo Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn; Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch 2017 huyện Khánh Sơn. Theo các quyết định trên, tổng số công trình, dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 trên địa bàn huyện Khánh Sơn có 68 danh mục công trình dự án với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất là 137,07 ha; kết quả năm 2017 thực hiện được 33/68 hạng mục công trình dự án, với diện tích 93,68 ha (đạt 48,5% về số lượng công trình và đạt 70,93% về quy mô diện tích); trong đó:

* Công trình từ năm 2016 chuyển qua thực hiện năm 2017: có 33 hạng mục công trình; kết quả thực hiện được 12 hạng mục với diện tích 57,35 ha (đạt 36,4% về số lượng công trình và đạt 59,8% về quy mô diện tích); trong đó:

+ Đã triển khai thực được 12 hạng mục, gồm: 6 tuyến đường giao thông, 01 hạng mục về công trình thủy lợi (kè sông Tô Hạp đoạn qua xã Ba Cùm Bắc, 02 hạng mục về đất thương mại dịch vụ tại thị trấn Tô Hạp, 01 dự án xây dựng trụ sở cơ quan (xây dựng trụ sở xã Thành Sơn), 01 hạng mục về đất quốc phòng (mở rộng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện theo GCN QSD Đất tại thị trấn Tô Hạp);

+ Các công trình dự án chưa triển khai thực hiện có 21 hạng mục gồm 7 tuyến đường giao thông, 01 hạng mục công trình thủy lợi (kè sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Hiệp), 01 hạng mục công trình văn hóa (công viên quảng trường tại thị trấn Tô Hạp), 01 hạng mục giáo dục (mở rộng Tiểu học Ba Cùm Nam), 01 hạng mục công trình thể thao (sân thể thao xã Sơn Hiệp), 02 hạng mục công trình di tích lịch sử văn hóa (căn cứ cách mạng công an tỉnh Khánh Hòa, bia di tích căn cứ cách mạng tại thị trấn Tô Hạp), 01 hạng mục nghĩa trang (nghĩa địa Ba Cùm Bắc), mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc (hủy bỏ không đưa vào kế hoạch 2018), hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ, đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, mở rộng mầm non Thành Sơn, bãi tập kết xử lý rác xã Thành Sơn.

* Công trình đề xuất mới năm 2017: Tổng số đưa vào 35 hạng mục công trình dự án, kết quả thực hiện được 21/35 hạng mục, đạt 60%, trong đó:

- Trong 21 công trình dự án đã triển khai thực hiện có: 9 tuyến đường giao thông, 4 hạng mục công trình thủy lợi (kè Sơn Trung, đập Suối Mả, kè Tà Lương, hệ thống nước tự chảy suối Lò Ô); 01 hạng mục công trình giáo dục (mở rộng trường Mầm non Vành Khuyên xã Sơn Bình); 01 dự án bố trí dân cư (khu tái

định cư Dốc Trâu); 02 hạng mục chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn, ở đô thị; 02 hạng mục chuyển đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm.

- Công trình dự án chưa triển khai thực hiện gồm: Xây dựng trụ sở công an phòng cháy chữa cháy của công an huyện, thác nước tạo cảnh quan cây Đa, dự án chỉnh trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp – Sơn Trung, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Liên Hòa, nghĩa địa xã Ba Cùm Bắc, trụ sở Bảo hiểm xã hội, trụ sở Liên đoàn lao động.

b. Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các công trình dự án phải thu hồi đất.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh về thông qua danh mục công trình dự án phải thu hồi đất trong năm 2015 có 36 hạng mục khi thực hiện phải thu hồi đất. Đến hết năm 2017 có 19/36 hạng mục đã được triển khai thực hiện (đạt 52,7%); có 14 hạng mục đề nghị được hủy bỏ (nguyên nhân do thay đổi quy mô diện tích thực hiện dự án, thay đổi kế hoạch đầu tư hoặc thay đổi địa điểm triển khai thực hiện dẫn đến không phải thu hồi đất). *(Chi tiết xem phụ biểu 10, 11, 12)*

- Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu hồi đất phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Khánh Hòa năm 2016, huyện Khánh Sơn có 40 hạng mục công trình dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đưa vào thực hiện năm 2016 với diện tích 40,59 ha (toàn bộ các công trình trên sử dụng vốn ngân sách nhà nước). Kết quả thực hiện đến hết năm 2017 có 19/40 hạng mục công trình dự án đã được triển khai thực hiện (đạt 47,5%); có 8/40 hạng mục công trình dự án đề nghị chuyển tiếp thực hiện trong năm 2018 (chiếm 20,0%); có 12/40 hạng mục đề nghị hủy bỏ, chiếm 30% (nguyên nhân do thay đổi quy mô diện tích phải thu hồi, thay đổi kế hoạch vốn đầu tư, thay đổi địa điểm đầu tư dẫn đến không phải thu hồi đất theo kế hoạch ban đầu hoặc người dân tự nguyện hiến đất).

(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị hủy bỏ xem phụ biểu 10, 11, 12)

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu hồi đất phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Khánh Hòa năm 2017; trên địa bàn huyện Khánh Sơn có 18 hạng mục công trình dự án. Kết quả thực hiện đến hết năm 2017 có 9 hạng mục công trình dự án được triển khai thực hiện (đạt 50%); có 6 hạng mục đề nghị chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2018 (chiếm 30,0%); có 3/18 hạng mục đề nghị hủy bỏ chiếm 16,6% (do thay đổi kế hoạch vốn, thay đổi địa điểm và quy mô diện tích phải thu hồi đất).

(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị hủy bỏ xem phụ biểu 10, 11, 12).

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về thu hồi đất phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa tỉnh Khánh Hòa; trên địa bàn

huyện Khánh Sơn có 10 hạng mục; kết quả có 8/10 hạng mục đã được triển khai thực hiện (đạt 80%); có 02 hạng mục đề nghị chuyển tiếp sang năm 2018.

(Chi tiết các công trình đã triển khai thực hiện, các công trình chuyển tiếp và các công trình đề nghị hủy bỏ xem phụ biểu 10,11,12).

c. Nghị quyết về chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Nghị quyết số 35/NQ-HDND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa; trong năm 2016, trong đó huyện Khánh Sơn cần chuyển 0,01 ha đất trồng lúa sang sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp và 0,29 ha đất rừng phòng hộ sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp.

Kết quả thực hiện đến hết năm 2017 các hạng mục trên đã triển khai thực hiện.

2.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2017

Tổng diện tích tự nhiên: Diện tích tự nhiên của huyện ổn định so với năm 2016;

* *Nhóm đất nông nghiệp*: thực hiện đạt 99,95% so với kế hoạch được duyệt; nhóm đất nông nghiệp có 7 chỉ tiêu, trong đó:

- Có 4/7 chỉ tiêu đạt trên 100% (*chiếm 57,14% chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp*).

- Có 3/7 chỉ tiêu đạt từ 70 -100% (*chiếm 42,85% chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp*);

* *Nhóm đất phi nông nghiệp*: thực hiện đạt 97,15% so với kế hoạch được duyệt; nhóm đất phi nông nghiệp có 18 chỉ tiêu chính, trong đó:

- Có 5/18 chỉ tiêu đạt từ 100% trở lên (*chiếm 27,7% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp*).

- Có 5/18 chỉ tiêu đạt từ 70- 99,9% (*chiếm 27,7% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp*).

- Có 1/18 chỉ tiêu đạt từ 50-69,9% (*chiếm 5,5% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp*)

- Có 7/18 chỉ tiêu thực hiện dưới 50% (*chiếm 39,1% chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp*).

* *Đất chưa sử dụng*: thực hiện đạt 99,04% so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 03: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2017

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu kế hoạch 2017 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.982,92	25.969,70	99,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA	159,47	162,00	101,59
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>156,08</i>	<i>158,63</i>	<i>101,63</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu kế hoạch 2017 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.304,85	1.317,29	100,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.088,05	3.110,42	100,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.882,91	11.872,74	99,91
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.881,65	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.649,09	7.609,10	99,48
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,91	16,51	97,63
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1659,98	1.612,72	97,15
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	690,83	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	1,83	0,78	42,69
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14,21	1,06	7,46
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,46	0,64	139,13
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	267,49	248,02	92,72
	Trong đó				
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,40	-	-
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,31	2,41	104,33
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,474	22,07	98,20
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,633	3,55	76,62
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,67	-	-
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8,30	4,80	57,83
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,94	3,27	82,99
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	135,53	132,41	97,70
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,68	16,19	97,06
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,43	10,49	100,58
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,29	111,54
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	4,49	112,53
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	17,86	14,32	80,18
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,57	4,36	95,40
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,48	480,77	100,06
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,28	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.209,87	6.269,78	99,04

2.1.2. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp: Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp 55,71 ha, kết quả thực hiện 23,11 ha, đạt 41,84% so với kế hoạch được duyệt.

- Chuyển đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở: Kế hoạch 2017 được duyệt đưa vào 0,36 ha, kết quả thực hiện được 0,06 ha, đạt 16,67% so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 04: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 huyện Khánh Sơn

TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch CMD SD năm 2017 (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)		(4)=(5)+...+(16)	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	55,71	23,31	41,84
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,14	0,08	57,14
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	LUC/PNN	0,14	0,06	42,86
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	19,90	3,23	16,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	21,36	6,07	28,42
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,16	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	14,15	13,93	98,45
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		14,88	13,24	88,98
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,36	0,06	16,67

2.1.3. Kết quả thu hồi đất

- Thu hồi đất nông nghiệp: Theo kế hoạch được duyệt, tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi để thực hiện công trình dự án năm 2017 là 38,87 ha, kết quả thực hiện được 15,71 ha, đạt 40,42% so với kế hoạch được duyệt.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp: Diện tích phải thu hồi theo kế hoạch được duyệt là 2,03 ha, kết quả thực hiện được 1,20 ha, đạt 59,11% theo kế hoạch được duyệt.

Bảng 03: Kết quả thu hồi đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch thu hồi đất được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng		40,90	16,91	41,34
1	Đất nông nghiệp	NNP	38,87	15,71	40,42
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,14	0,02	14,29
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,14	0,02	14,29
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	9,09	0,73	8,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14,65	1,03	7,03
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	14,83	13,93	93,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,03	1,20	59,11
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,10	0,15	13,64
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,04	0,04	100,00
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		0,16	-
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		0,85	-

2.1.4. Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng các mục đích

Năm 2017 diện tích đất chưa sử dụng khai thác đưa vào sử dụng 43,38 ha; kết quả thực hiện được 40,77 ha, đạt 93,98%.

Bảng 04: Kết quả đưa đất CSD vào sử dụng các mục đích năm 2017

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Đất CSD sử dụng vào các mục đích theo kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng (1+2)		43,38	40,77	93,98
1	Đất nông nghiệp	NNP	40,00	40,00	100,00
1.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	20,00	10,00	50,00
1.2	Đất rừng sản xuất	RSX	20,00	30,00	150,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,38	0,77	22,78
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,02	0,02	100,00
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,48	0,75	50,68
-	Đất giao thông	DGT	0,00	0,56	
-	Đất thủy lợi	DTL	0,00	0,19	

2.1.5. Đánh giá, rà soát danh mục công trình dự án đưa vào 3 năm liên tiếp nhưng chưa thực hiện.

Kết quả rà soát các công trình đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017 huyện Khánh Sơn có 5 công trình dự án đưa vào 3 năm liên tiếp nhưng chưa thực hiện gồm: Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ, mở rộng Tiểu học Ba Cùm Nam, Nhà tưởng niệm căn cứ cách mạng Công an tỉnh Khánh Hòa, di tích lịch sử cách mạng huyện Khánh Sơn, Trại thực nghiệm nghiên cứu khoa học – Sở Khoa học công nghệ.

- Đối với hạ tầng du lịch thác Tà Gụ: Là hạng mục kêu gọi đầu tư, trong 3 năm qua đã có 2 nhà đầu tư đăng ký nhưng không triển khai thực hiện. Hiện nay công trình trên đã có nhà đầu tư tại địa phương cam kết triển khai thực hiện trong năm 2018.

- Đối với nhà tưởng niệm căn cứ cách mạng công an tỉnh Khánh Hòa là nguồn vốn xã hội hóa (cựu chiến binh đóng góp xây dựng) nhưng chưa huy động đủ nguồn lực để đầu tư. Trong năm 2018 hạng mục trên vẫn tiếp tục đưa vào triển khai thực hiện.

- Đối với Trại thực nghiệm khoa học – Sở khoa học công nghệ đã bố trí được vốn nhưng vẫn còn khó khăn trong công tác thỏa thuận đất để thực hiện. Hạng mục trên tiếp tục đưa vào thực hiện trong năm 2018.

- Đối với hạng mục mở rộng Tiểu học Ba Cùm Nam do không cân đối được nguồn vốn năm 2018 nên hạng mục trên không đưa vào kế hoạch; đối với bia di tích lịch sử căn cứ cách mạng huyện Khánh Sơn hủy bỏ do thay đổi vị trí quy hoạch cũng như tính chất công trình.

2.2. Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017

Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đã tạo điều kiện cho huyện Khánh Sơn thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013, tạo điều kiện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của Khánh Sơn vẫn còn hạn chế nhất định sau:

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2017 nhìn chung vẫn còn đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra, do gặp phải một số nguyên nhân tồn tại, hạn chế sau:

- Không huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư các công trình dự án đưa vào kế hoạch như: xây dựng khu du lịch thác Tà Gụ, khu di tích lịch sử căn cứ cách mạng công an tỉnh, kè sông Tô Hạp...;

- Một số công trình trong kế hoạch thay đổi về vị trí hoặc điều chỉnh quy hoạch dẫn đến thay đổi quy mô diện tích chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất dẫn đến thay đổi phương án nên không thực hiện được hoặc thực hiện chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra (Trụ sở UBND xã Thành Sơn, Đội y tế dự phòng, mở rộng đường Hai Bà Trưng...).

- Một số công trình dự án không nằm trong kế hoạch vốn ban đầu, nhưng do nguồn vốn được cấp bổ sung nên khó khăn trong vấn đề triển khai thực hiện do phải bổ sung hồ sơ cũng như các căn cứ pháp lý có liên qua như: kè Tà Lương, đập dâng Suối Mả, Trung tâm nghiên cứu sản xuất giống nông nghiệp công nghệ cao, khu tái định cư Dốc Trầu..

- Nguồn thu ngân ngân sách của huyện còn rất hạn chế nên không đáp ứng được nhu cầu đầu tư, bên cạnh đó kế hoạch hỗ trợ vốn ngân sách từ cấp trên có nhiều thay đổi dẫn đến nhiều công trình dự án không triển khai thực hiện.

III/ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CỦA HUYỆN KHÁNH SƠN

3.1. Khái quát về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Khánh Sơn đến năm 2020

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn đã được UBND huyện tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý của các phòng ban chức năng và UBND các xã thị trấn. Về cơ bản Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện kế thừa Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Khánh Sơn được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/11/2013; ngoài ra có cập nhật các công trình dự án mới phát sinh như:

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tô Hạp đến năm 2025 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định 1249/QĐ-UBND ngày 18/05/2015;

- Bổ sung dự thảo quy hoạch thủy lợi tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, trong đó huyện Khánh Sơn bổ sung thêm 4 công trình lớn gồm: hồ Sơn Lâm, hồ Sơn

Trung, Hồ Sơn Bình và hồ Ba Cùm Bắc; ngoài ra bổ sung thêm các đập suối Mả, đập suối Cối, đập suối Ngựa.

- Bổ sung dự án đầu tư xây dựng đường D9 và chỉnh trang đô thị dọc bờ kè sông Tô Hạp – Sơn Trung;

- Điều chỉnh vị trí xây dựng sân vận động huyện ra khu vực đồng Ông Bà xã Sơn Trung;

- Cập nhật đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của huyện đến năm 2020, đề án phát triển cây ăn quả, cây lò ô; đề án trồng thử nghiệm cây măng le;

- Khép kín dân cư để bố trí quỹ đất ở đáp ứng nhu cầu của người dân, cập nhật bổ sung các hạng mục đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới của các xã.

Đối với các công trình dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn đều đã được bổ sung vào dự thảo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện và được các phòng ban chức năng của huyện và UBND các xã thống nhất.

3.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2018 của tổ chức và hộ gia đình cá nhân gồm nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2017 của tổ chức và hộ gia đình cá nhân chưa thực hiện, chuyển qua thực hiện năm 2018 và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức hộ gia đình cá nhân phát sinh mới trong năm 2018, trong đó:

a. Nhu cầu đất thực hiện các danh mục công trình dự án năm 2017 chưa thực hiện chuyển qua thực hiện năm 2018

- Nhu cầu năm 2017 chuyển qua thực hiện 2018 là 39,70 ha, để thực hiện 22 hạng mục công trình, dự án; toàn bộ nhu cầu trên của các tổ chức. Chi tiết theo bảng 06.

Bảng 06: Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2017 chưa thực hiện chuyển qua thực hiện năm 2018

TT	Hạng mục	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng nhu cầu		39,70	100,00
1	Nhu cầu của tổ chức		39,70	100,00
-	Đất thương mại dịch vụ	TMD	12,52	31,32
-	Đất giao thông	DGT	3,03	7,58
-	Đất thủy lợi	DTL	10,00	25,01
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,40	1,00
-	Đất cơ sở y tế	DYT	0,05	0,13
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	0,41	1,03
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	3,61	9,03
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	3,50	8,75
-	Đất di tích lịch sử	DDT	1,60	4,00
-	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,15	0,37
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,12	0,30
-	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA	0,67	1,68
-	Đất nghĩa trang nghĩa địa	NTD	3,54	8,85
-	Đất ở nông thôn	ONT	0,10	0,25
2	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân			0,00

b. Nhu cầu đất để thực hiện các danh mục công trình dự án đăng ký mới năm 2018

- Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký mới năm 2018 là 191,70 ha để thực hiện 35 hạng mục công trình dự án; trong đó:

+ Nhu cầu của các tổ chức: 39,87ha, chiếm 20,80%;

+ Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân: 151,83 ha, chiếm 79,20%.

Chi tiết nhu cầu theo từng loại đất xem bảng:

Bảng 07: Tổng hợp nhu cầu đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký mới năm 2018 của huyện Khánh Sơn

	Hạng mục	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng		191,70	100
1	Nhu cầu của tổ chức		39,87	20,80
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDT	4,00	2,08
-	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,14	0,07
-	Đất giao thông	DGT	13,65	7,11
-	Đất thủy lợi	DTL	8,97	4,67
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,21	1,67
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,35	0,18
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	1,81	0,94
-	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA	3,00	1,56
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,12
-	Đất ở nông thôn	ONT	4,50	2,34
2	Nhu cầu hộ gia đình cá nhân		151,83	79,20
-	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	0,03
-	Đất ở đô thị	ODT	0,44	0,23
-	Đất ở nông thôn	ONT	1,56	0,81
-	Đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm	HNK+CLN	95,58	49,79
-	Đất rừng sản xuất	RSX	54,20	28,23

(Chi tiết các công trình, dự án xem biểu 10 KH)

3.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2018 của huyện Khánh Sơn như sau:

Bảng 11: Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2018 huyện Khánh Sơn

ĐVT: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2017	Diện tích năm 2018	Tăng (+); giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		33.852,76	33.852,76	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.969,70	25.954,28	-15,42
1.1	Đất trồng lúa	LUA	162,00	135,57	-26,43
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>158,63</i>	<i>134,42</i>	<i>-24,21</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1317,29	1.272,30	-44,99
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3110,42	3.152,95	42,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11872,74	11.872,74	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1881,65	1.881,65	-

1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7609,10	7.622,56	13,46
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16,51	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1613,28	1.686,28	73,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	690,83	-
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	-
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,06	13,58	12,52
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,69	0,05
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	248,02	292,43	44,41
	Trong đó:				-
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	-	0,75	0,75
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	2,37	-0,04
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,07	23,91	1,84
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,55	6,30	2,75
-	Đất giao thông	DGT	191,09	207,61	16,52
-	Đất thủy lợi	DTL	24,46	43,43	18,97
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,50	0,50	-
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,75	0,75	-
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-	3,61	3,61
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	2,04	2,04	-
-	Đất chợ	DCH	1,15	1,15	-
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	1,60	1,60
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	6,94	3,67
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,41	138,26	5,85
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	16,19	16,55	0,36
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,49	10,18	-0,31
2.11	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,29	-
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	4,49	-
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	14,32	17,86	3,54
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,36	4,67	0,31
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,77	478,27	-2,50
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.269,78	6.212,20	-57,58
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,47	1.677,47	-

* Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu số 08

Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2018:

* *Diện tích đất tự nhiên toàn huyện:* Năm 2018, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện có 33.852,76 ha, không thay đổi so với năm 2017.

3.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2017 có 25.969,70 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 25.954,28 ha, giảm 15,42 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 25.900,08 ha; trong đó diện tích giảm trong năm kế hoạch 69,62 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

3.3.1.1. Đất trồng lúa

- Diện tích năm 2017 có 162,00 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 135,57 ha, giảm 26,43 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 135,57 ha; diện tích chuyển mục đích trong năm kế hoạch 26,43 ha, chuyển sang sử dụng các mục đích: đất trồng cây hàng năm 7,20 ha, đất trồng cây lâu năm 16,66 ha, đất cơ sở thể thao 2,39 ha, đất ở nông thôn 0,14 ha, đất ở đô thị 0,04 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng lúa: 0 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

- Diện tích năm 2017 có 158,63 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2018 có 134,42 ha, giảm 24,21 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 134,42 ha; diện tích giảm do chuyển sang sử dụng mục đích khác 24,21 ha; giảm do chuyển sang sử dụng mục đích: đất trồng cây hàng năm 7,20 ha, đất trồng cây lâu năm 14,50 ha, đất cơ sở thể dục thể thao 2,39 ha, đất ở nông thôn 0,08 ha, đất ở đô thị 0,04 ha.

3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2017 có 1.317,29 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1.272,30 ha, giảm 44,99 ha so với năm 2017.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.265,10 ha; diện tích giảm do chuyển sang sử dụng mục đích khác: 52,19 ha, do chuyển sang sử dụng các mục đích: đất trồng cây lâu năm 30,0 ha, đất an ninh 0,03 ha, đất thương mại dịch vụ 9,19 ha, đất giao thông 1,53 ha, đất thủy lợi 4,42 ha, đất cơ sở thể thao 0,20 ha, đất di tích danh thắng 0,10 ha, đất ở nông thôn 1,58 ha, đất ở đô thị 0,10 ha, đất nghĩa địa 0,71 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây hàng năm: 7,20 ha.

3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2017 có 3.110,42 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 3.152,95 ha, tăng 42,54 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3.075,17 ha; diện tích giảm do chuyển sang các mục đích khác 35,24 ha, chuyển sang các mục đích: đất thương mại dịch vụ 3,33 ha, đất giao thông 9,96 ha, đất thủy lợi 9,77 ha, đất cơ sở văn hóa 0,11 ha, đất cơ sở giáo dục đào tạo 1,58 ha, đất cơ sở thể thao 0,41 ha, đất di tích danh thắng 1,49 ha, đất ở nông thôn 4,16

ha, đất ở đô thị 0,30 ha, đất trụ sở cơ quan 0,08 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa 0,37 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,18 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 77,78 ha, chuyển từ mục đích đất trồng lúa 16,66 ha, đất trồng cây hàng năm khác 30,0 ha, đất rừng sản xuất 30,42 ha.

3.3.1.4. Đất rừng phòng hộ

- Diện tích năm 2017 có 11.872,74 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 11.872,74 ha, không thay đổi so với năm 2017.

3.3.1.5. Đất rừng đặc dụng

- Diện tích năm 2017 có 1.881,65 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1.881,65 ha, ổn định so với hiện trạng năm 2017.

3.3.1.6. Đất rừng sản xuất

- Diện tích năm 2017 có 7.609,10 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 7.622,56 ha, tăng 13,46 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 7.568,36 ha; diện tích giảm do chuyển mục đích sử dụng trong năm kế hoạch 40,74 ha, do chuyển sang các mục đích: đất trồng cây lâu năm 30,42 ha, đất giao thông 4,56 ha, đất thủy lợi 1,80 ha, đất cơ sở văn hóa 0,21 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 2,50 ha, đất nghĩa địa 1,25 ha.

3.3.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích năm 2017 có 16,51 ha.

- Diện tích năm kế hoạch 2018 có 16,51 ha, ổn định so với hiện trạng 2017.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2017 có 1.613,28 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1.686,28 ha, tăng 73,0 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1.613,28 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 73,00 ha.

Trong đó:

3.3.2.1. Đất quốc phòng

- Diện tích năm 2017 có 690,83 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 690,83 ha, ổn định so với năm 2017.

3.3.2.2. Đất an ninh

- Diện tích năm 2017 có 0,78 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,78 ha, ổn định so với hiện trạng 2017.

3.3.2.3. Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích năm 2017 có 1,06 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 13,58 ha, tăng 12,52 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 1,06 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 12,52 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 9,19 ha, đất trồng cây lâu năm 3,33 ha..

Đất thương mại dịch vụ tăng do năm kế hoạch 2018 thực hiện hạng mục: Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ, diện tích 12,52 ha.

3.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2017 có 0,64 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,69 ha, tăng 0,05 ha so với năm 2017; tăng do cho dân chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại thị trấn Tô Hạp;

3.3.2.5. Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích năm 2017 có 248,02 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 292,18 ha, tăng 44,16 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 247,52 ha, trong đó diện tích giảm trong năm kế hoạch 0,50 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 44,66 ha; chuyển từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

a. Đất cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2017: 0 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,75 ha, tăng 0,75 ha so với năm 2017, tăng từ các mục đích: đất trồng cây lâu năm 0,11 ha, đất rừng sản xuất 0,21 ha, đất giao thông 0,08 ha, đất cơ sở thể thao 0,35 ha.

Đất cơ sở văn hóa tăng do năm kế hoạch 2017 thực hiện các hạng mục:

- + Công viên quảng trường tại thị trấn Tô Hạp (đối diện công an huyện), diện tích 0,40 ha;

- + Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn (TT Tô Hạp) diện tích 0,35 ha (xây dựng sân vận động thị trấn cũ).

b. Đất cơ sở y tế

- Diện tích năm 2017 có 2,41 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 2,37 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2017; giảm do chuyển trạm y tế xã Thành Sơn cũ sang đất ở.

c. Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

- Diện tích năm 2017 có 22,07 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 23,73 ha, tăng 1,66 ha so với năm 2017; trong đó:
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 21,51 ha, giảm 0,56 ha do chuyển sang đất: an ninh 0,18 ha, đất thể thao 0,21 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,17 ha.
 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giáo dục - đào tạo: 2,22 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây lâu năm 1,58 ha, đất giao thông 0,04 ha, đất cơ sở thể thao 0,11 ha, đất ở nông thôn 0,06 ha, đất trụ sở cơ quan 0,39 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,04 ha.

Đất cơ sở giáo dục, đào tạo tăng do trong năm kế hoạch 2018 thực hiện các hạng mục:

- + Mở rộng mầm non xã Thành Sơn, diện tích 0,14 ha (trụ sở UBND xã cũ);
- + Xây dựng Mầm non Anh Đào (điểm Tà Giang II xã Thành Sơn), diện tích 0,20 ha;
- + Xây dựng mầm non Sao Mai, diện tích 0,27 ha (trung tâm bảo trợ xã hội cũ);
- + Mở rộng Tiểu học TT Tô Hạp, diện tích 0,11 ha (sân TT thị trấn);
- + Xây dựng trường PTTH Tây huyện Khánh Sơn, diện tích 1,50 ha (xã Sơn Lâm).

d. Đất cơ sở thể dục - thể thao

- Diện tích năm 2017 có 3,55 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 6,30 ha, tăng 2,75 ha so với năm 2017; trong đó:
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,09 ha; giảm 0,46 ha do chuyển sang các mục đích: đất cơ sở văn hóa 0,35 ha, đất cơ sở giáo dục 0,11 ha.

Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất cơ sở thể dục - thể thao: 3,21 ha, chuyển từ đất trồng lúa 2,39 ha, đất trồng cây hàng năm 0,20 ha, đất trồng cây lâu năm 0,41 ha, đất cơ sở giáo dục 0,21 ha.

Đất cơ sở thể dục thể thao tăng do năm kế hoạch 2018 thực hiện các hạng mục:

- + Sân vận động huyện Khánh Sơn, diện tích 3,0 ha (khu vực đồng Ông Bà

xã Sơn Trung).

+ Sân thể thao thôn Liên Hiệp xã Sơn Hiệp (đất UB xã cũ), diện tích 0,21 ha;

e. Đất giao thông

- Diện tích năm 2017 có 191,09 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 207,54 ha, tăng 16,45 ha so với năm 2017.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 190,86 ha, giảm 0,23 ha do chuyển sang các mục đích: đất an ninh 0,07 ha, đất cơ sở văn hóa 0,08 ha, đất cơ sở giáo dục 0,04 ha, đất ở nông thôn 0,04 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất giao thông: 16,68 ha; chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 1,53 ha, đất trồng cây lâu năm 9,96 ha, đất rừng sản xuất 4,56 ha, đất ở nông thôn 0,10 ha, sông suối 0,03 ha, đất chưa sử dụng 0,50 ha.

Đất giao thông tăng do năm kế hoạch 2018 thực hiện dự án: 7 hạng mục đường giao thông từ năm 2017 chuyển sang 2018 và 9 hạng mục đề xuất mới năm 2018; (chi tiết xem biểu 10).

f. Đất thủy lợi

- Diện tích năm 2017 có 24,46 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 43,43 ha, tăng 18,97 ha so với năm 2017.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 24,46 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất thủy lợi: 18,97 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng cây hàng năm khác 4,42 ha, đất trồng cây lâu năm 9,77 ha, đất rừng sản xuất 1,80 ha, đất ở đô thị 0,08 ha, đất sông suối 2,41 ha, đất chưa sử dụng 0,50 ha.

Đất thủy lợi tăng do trong năm kế hoạch 2018 thực hiện các hạng mục:

+ Kè sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp), diện tích 10 ha;

+ Đập suối Cối xã Sơn Lâm, diện tích 2,0 ha;

+ Đập dâng suối Ngựa xã Sơn Lâm, diện tích 2,0 ha.

+ Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp, diện tích 0,97 ha;

+ Hệ thống nước tưới- nước tự chảy xã Sơn Lâm, diện tích 4,0 ha.

g. Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2017 có 0,50 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,50 ha, ổn định số với năm 2017.

h. Đất bưu chính viễn thông

- Diện tích năm 2017 có 0,75 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,75 ha, ổn định so với năm 2017.

i. Đất cơ sở dịch vụ về xã hội

- Diện tích năm 2017 có 2,04 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 2,04 ha, ổn định so với năm 2017.

j. Đất chợ

- Diện tích năm 2017 có 1,15 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1,15 ha, ổn định so với năm 2017.

3.3.2.7. Đất có di tích lịch sử - văn hóa

- Diện tích năm 2017 có 0 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1,60 ha; tăng 1,60 ha so với năm 2017; tăng do xây dựng Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa tại xã Ba Cạm Nam.

3.3.2.8. Đất danh lam thắng cảnh

- Diện tích năm 2017 có 4,80 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 8,30 ha, tăng 3,5 ha so với năm 2017. Tăng do xây dựng Thác nước cảnh quan khu vực cây Đa (xã Ba Cạm Bắc), diện tích 3,50 ha.

3.3.2.8. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích năm 2017 có 3,27 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 6,94 ha, tăng 0,67 so với năm 2017. Tăng do xây dựng bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn, diện tích 0,67 ha.

3.3.2.9. Đất ở tại nông thôn

- Diện tích năm 2017 có 132,41 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 138,26 ha, tăng 5,85 ha so với năm 2017.
- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 132,24 ha, giảm 0,17 ha do chuyển sang các mục đích: đất giao thông 0,10 ha, đất cơ sở giáo dục 0,06 ha, đất danh thắng 0,01 ha.
- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại nông thôn: 6,02 ha, do chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 0,14 ha, đất trồng cây hàng năm khác 1,58 ha, đất trồng cây lâu năm 4,16 ha, đất giao thông 0,04 ha, đất sông suối 0,06 ha.

Đất ở nông thôn tăng do trong năm kế hoạch 2018 thực hiện các hạng mục: chỉnh trang dân cư dọc bờ kè Tô Hạp, diện tích 4,5 ha, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn của 7 xã (theo danh sách đăng ký của các hộ

gia đình) và quỹ đất ở dự phòng cho các hộ có nhu cầu phát sinh mới trong năm kế hoạch 2018 nhưng chưa đăng ký với các xã.

3.3.2.10. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2017 có 16,19 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 16,55 ha, tăng 0,36 ha so với năm 2017; trong đó:
 - Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 16,11 ha; giảm 0,08 ha do chuyển sang đất giao thông.
 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất ở tại đô thị: 0,44 ha, chuyển từ các mục đích: đất trồng lúa 0,04 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,10 ha, đất trồng cây lâu năm 0,20 ha (theo đăng ký chuyển mục đích của các hộ gia đình cán nhân tại thị trấn Tô Hạp).

3.3.2.11. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích năm 2017 có 10,49 ha.
 - Diện tích kế hoạch năm 2018 có 10,18 ha; trong đó:
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 10,10 ha, giảm 0,39 ha do chuyển sang đất cơ sở giáo dục.
 - Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,08 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm.
- Đất trụ sở cơ quan tăng do năm kế hoạch thực hiện hạng mục:
- + Mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc, diện tích 0,08 ha;
 - + Trạm quản lý bảo vệ rừng khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, diện tích 0,06 ha (trạm y tế xã Sơn Hiệp cũ).

3.3.2.12. Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp

- Diện tích năm 2017 có 0,29 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 0,29 ha, giữ nguyên so với năm 2017.

3.3.2.13. Đất tôn giáo

- Diện tích năm 2017 có 4,49 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 4,49 ha, giữ nguyên so với năm 2017.

3.3.2.14. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

- Diện tích năm 2017 có 14,32 ha.
- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 17,86 ha, tăng 3,54 ha so với năm 2017; trong đó:
 - Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 14,32 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang: 3,54 ha, chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,71 ha, đất trồng cây lâu năm 0,37 ha, đất rừng sản xuất 1,25 ha, đất chưa sử dụng 1,21 ha.

Đất nghĩa địa tăng do năm kế hoạch 2018 thực hiện các hạng mục:

+ Nghĩa địa Thành Sơn, diện tích 1,54 ha;

+ Nghĩa địa xã Ba Cạm Bắc, diện tích 2,0 ha.

3.3.2.15. Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích năm 2017 có 4,36 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 4,67 ha, tăng 0,31 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,32 ha, giảm 0,04 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang đất sinh hoạt cộng đồng: 0,35 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,18 ha, đất cơ sở y tế 0,17 ha.

Diện tích tăng do thực hiện các hạng mục:

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Liên Hòa (xã Sơn Bình), diện tích 0,12 ha;

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang II xã Thành Sơn, diện tích 0,06 ha;

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O xã Sơn Trung, diện tích 0,17 ha (đất điểm trường TH do xã quản lý).

3.3.2.17. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích năm 2017 có 480,77 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 478,27 ha, giảm 1,67 so với năm 2017; do chuyển sang đất thủy lợi.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2017 có 6.269,78 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 6.212,20 ha, giảm 57,58 ha so với năm 2017; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 6.212,20 ha; diện tích giảm 57,58 ha, do chuyển sang các mục đích: đất rừng sản xuất 54,20 ha, đất giao thông 0,50 ha, đất thủy lợi 0,50 ha, đất nghĩa địa 1,21 ha.

3.3.4. Đất đô thị

- Diện tích năm 2017 có 1.677,47 ha.

- Diện tích kế hoạch năm 2018 có 1.677,47 ha, giữ nguyên so với năm 2017.

3.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017

Trong năm kế hoạch 2018 để thực hiện các công trình, dự án cần chuyển mục đích các loại đất như sau:

* *Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp*: Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp năm 2018 là 69,62 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 2,57 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp 21,49 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp 35,24 ha;
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 10,32 ha;

* *Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp*: Năm 2018 chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 84,98 ha.

* *Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở*: Năm 2018 đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở 0,14 ha.

Bảng 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích chuyển mục đích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	69,62
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,57
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>2,51</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	21,49
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	35,24
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,32
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		84,98
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	16,66
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất trồng cây lâu năm	RSX/CLN	30,42
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,14

* *Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 07/CH*

3.5. Diện tích thu hồi đất năm 2018

Diện tích phải thu hồi đất khi thực hiện các công trình dự án năm 2018 của huyện Khánh Sơn là 53,66 ha;

- Thu hồi đất nông nghiệp 50,57 ha, gồm: đất trồng lúa 2,39 ha, đất trồng cây hàng năm khác 10,43 ha, đất trồng cây lâu năm 29,19 ha, đất rừng sản xuất 8,56 ha.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp 3,09 ha.

Bảng 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích thu hồi đất (ha)
	Tổng cộng		53,66
1	Đất nông nghiệp	NNP	50,60
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,39
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29,19
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	8,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,09
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,51
-	Đất giao thông	DGT	0,23
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,11
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,08
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,10

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 08/CH).

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

- Khai thác đất chưa sử dụng để sử dụng mục đích nông nghiệp: 54,20 ha;
- Khai thác sử dụng mục đích phi nông nghiệp: 3,38 ha.

Bảng 14: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích khai thác sử dụng các mục đích (ha)
	Tổng cộng (1+2)		57,58
1	Đất nông nghiệp	NNP	54,20
1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	54,20
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,38
2.1	Đất phát triển hạ tầng các cấp	DHT	1,00
2.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,17
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	1,21

(Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 09/CH).

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2018

Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2018 của huyện Khánh Sơn như sau:

3.7.1. Danh mục các công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Bảng 15: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2018 của huyện Khánh Sơn

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
	TỔNG CỘNG	57 hm	216,47	
A	HẠNG MỤC NĂM 2017 CHƯA THỰC HIỆN CHUYÊN QUA THỰC HIỆN 2018	22 hm	42,68	

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện	Địa điểm
I	Các công trình do đơn vị tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện	22 hm	42,68	
1	Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp	TMD	12,52	Xã Sơn Hiệp
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ô Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cùm Bắc
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư đài tưởng niệm (đường khu tái định cư Dốc Trầu)	DGT	0,52	Xã Ba Cùm Bắc
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình
5	Điểm dừng chân đỉnh đèo	DGT	1,50	Xã Ba Cùm Bắc
6	Mở rộng đường thôn Xà Bói (từ trường Tiểu học đến đường liên xã)	DGT	0,22	Xã Sơn Hiệp
7	Đường D9	DGT	3,00	Xã Sơn Trung
8	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp)	DTL	10,00	
9	Quảng trường - công viên khu vực trước đài tưởng niệm huyện	DVH	0,40	TT Tô Hạp
10	Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ TE (<i>trạm y tế cũ</i>)	DYT	0,05	Xã Sơn Trung
11	MR trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn
12	Mầm non Sao Mai	DGD	0,27	Xã Ba Cùm Bắc
13	Trạm thực nghiệm Khoa học - Công nghệ Khánh Sơn (Sở Khoa học và Công nghệ)	DKH	3,61	Xã Sơn Trung
14	Thác nước tạo cảnh quan của Cây Da	DDL	3,50	Xã Ba Cùm Bắc
15	Khu sinh hoạt chính trị truyền thông của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,64	Xã Ba Cùm Nam
16	Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn	TSC	0,04	TT Tô Hạp
17	Bảo hiểm xã hội huyện Khánh Sơn	TSC	0,10	TT Tô Hạp
18	Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa	DSH	0,12	Xã Sơn Bình
19	Bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn	DRA	0,67	Xã Thành Sơn
20	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn
21	Nghĩa địa Ba Cùm Bắc (thôn Tha Mang)	NTD	2,00	Xã Ba Cùm Bắc
22	Chuyển mục đích đất trạm y tế xã Thành Sơn sang đất ở	ONT	0,04	Xã Thành Sơn
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân			
B	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT MỚI NĂM 2018	35 hm	173,79	
I	Công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện	29 hm	39,86	
1	Xây dựng thác Tà Gụ	DDT	4,00	Xã Sơn Hiệp
2	Trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc	TSC	0,08	Xã Ba Cùm Bắc
3	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn
4	Nối tiếp đường Liên Bình đi khu sản xuất thôn Ha Nít xã Sơn Lâm	DGT	4,25	Xã Sơn Lâm
5	Mở đường tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Suối Phèn, xã Sơn Hiệp	DGT	4,00	Xã Sơn Hiệp
6	Đường từ đất Mầu Hồng Ngạnh đến đất Bo Bo Minh Xanh	DGT	0,10	Xã Sơn Bình

STT	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện	Địa điểm
7	Đường từ nhà ô Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng suối Sóc	DGT	0,17	Xã Sơn Bình
8	Đường từ nhà Cao Văn Tịnh đến nhà Bo Bo Thị Thắm	DGT	0,11	Xã Sơn Bình
9	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình
10	Nâng cấp đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã ba tỉnh lộ 9 nhà ô Bính (giai đoạn 2)	DGT	0,30	TT Tô Hạp
11	Nâng cấp, mở rộng đường từ Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, dài 270 m	DGT	0,20	TT Tô Hạp
12	Đường đi khu sản xuất Suối Chính thôn Hòn Gầm (giai đoạn II)	DGT	1,20	Xã Ba Cùm Nam
13	Đường vào khu sản xuất Suối Hai thôn Ka Tơ (giai đoạn II)	DGT	0,40	Xã Ba Cùm Nam
14	Bãi đỗ xe và đường vào nhà Dài thôn Hòn Dung	DGT	0,50	Xã Sơn Hiệp
15	Xây dựng Đập dâng suối Cối	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
16	Xây dựng đập suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
17	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm
18	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	0,97	TT Tô Hạp
19	Sân thể thao thôn Liên Hiệp (đất trụ sở UB xã cũ)	DTT	0,21	Xã Sơn Hiệp
20	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	Xã Sơn Trung
21	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	DVH	0,35	Thị trấn Tô Hạp
22	Trường PTTH Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm
23	Mở rộng trường Tiểu học thị trấn Tô Hạp	DGD	0,11	
24	Trường Mầm non Anh Đào xã Thành Sơn (điểm Tà Giang II)	DGD	0,20	Xã Thành Sơn
25	Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn	DRA	3,00	Xã Sơn Trung
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O	DSH	0,17	Xã Sơn Trung
28	Chỉnh trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp xã Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung
29	Trạm QL BV rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	TSC	0,06	Xã Sơn Hiệp
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân	6 hm	133,93	-
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05	
2	Cánh đồng mẫu sản xuất cây mía tím năng suất cao	BHK	10,60	Xã Sơn Hiệp
3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại 7 xã và thị trấn Tô Hạp	ONT	1,90	
4	Chuyển mục đích đất lúa sang đất trồng cây hàng năm ở các xã		7,20	Các xã, thị trấn
5	CMD đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang trồng cây lâu năm		77,78	
6	Đất rừng sản xuất		54,20	

3.7.2. Danh mục các công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 khi thực hiện phải trình HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2017

Tổng cộng có 21 hạng mục đề xuất mới năm 2018 khi thực hiện phải thu hồi đất phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2017

Bảng 16: Danh mục công trình dự án đề xuất mới năm 2018 khi thực hiện phải trình HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2017

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Diện tích (ha)	Địa điểm
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH	21 hm	34,43	
I	Nhóm công trình thuộc Điểm a, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai 2013	3 hm	1,78	
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc	TSC	0,08	Ba Cùm Bắc
2	Trường Trung học phổ thông Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm
3	Tường Mâm non Anh Đào (điểm Tà Giang 2)	DGD	0,20	Xã Thành Sơn
II	Nhóm công trình thuộc Điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013	13 hm	24,69	
4	Xây dựng đập suối Cối xã Sơn Lâm	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
5	Xây dựng đập suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm
6	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm
7	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	0,97	TT Tô Hạp
8	Điểm dừng chân đỉnh đèo	DGT	1,50	Xã Ba Cùm Bắc
9	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất thôn Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn
10	Nối tiếp đường Liên Bình đi khu sản xuất thôn Ha Nít xã Sơn Lâm	DGT	4,00	Xã Sơn Lâm
11	Đường tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Suối Phèn	DGT	4,00	Xã Sơn Hiệp
12	Nâng cấp đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã ba tỉnh lộ 9 đến nhà ông Bính (giai đoạn 2)	DGT	0,30	TT Tô Hạp
13	Đường trường Tiểu học đến ao bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình
14	Bãi đỗ xe và đường vào nhà dài thôn Hòn Dung	DGT	0,50	Xã Sơn Hiệp
15	Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn	DRA	3,00	Xã Sơn Trung
16	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn
III	Nhóm công trình thuộc điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai 2013	3 hm	3,46	
17	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	Xã Sơn Trung
18	Quảng trường - công viên khu vực trước đài tượng niệm huyện	DVH	0,40	TT Tô Hạp
19	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	Xã Thành Sơn
IV	Nhóm công trình thuộc Điểm d, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai 2013	1 hm	4,50	
20	Chính trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp - Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung
B:	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH	1 hm	1,64	
I	Nhóm công trình thuộc Điểm a, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai 2013		1,64	
21	Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,64	Ba Cùm Nam

(Chi tiết các văn bản pháp lý có liên quan xem phụ biểu 01)

3.6.3. Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, dưới 20 ha đất rừng đặc dụng đề nghị HĐND tỉnh thông qua kỳ họp cuối năm 2017

Bảng 17: Danh mục công trình dự án chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Cộng	Trong đó			Địa điểm
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH	01 hm	2,39	2,39	-	-	
1	Sân vận động huyện Khánh Sơn		2,39	2,39			Xã Sơn Trung

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018

3.8.1. Cơ sở tính toán

- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất;

- Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà về việc ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015, ổn định 05 năm 2015 -2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 31A/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 32A/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà v/v quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, xác định và điều chỉnh đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà;

- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ các loại vật nuôi, cây trồng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn.
- Căn cứ diện tích các loại đất chuyển đổi mục đích sử dụng đất và diện tích đất sẽ thu hồi trong năm 2018 của huyện Khánh Sơn.

3.8.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2017 gồm có:

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 17,02 tỷ đồng.
- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 8,78 tỷ đồng.
- Cân đối: dương 8,24 tỷ đồng (khoản thu vượt các khoản chi).

(Chi tiết xem phụ lục số 03 kèm báo cáo).

IV/ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai; trong đó việc tuyên truyền và đẩy mạnh công tác bảo vệ, trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng, đảm bảo độ che phủ thực vật, chống xói mòn rửa trôi đất là rất quan trọng;
- Với đặc thù là huyện miền núi, đa phần đất canh tác đều có độ dốc, do vậy trong quá trình canh tác cần áp dụng các biện pháp canh tác trên đất dốc cho phù hợp, đồng thời chuyển dần diện tích đất trồng cây hàng năm có độ dốc lớn sang trồng cây lâu năm để hạn chế xói mòn, rửa trôi đất;
- Thực hiện tốt công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn và các xã để đưa về nơi tập kết và xử lý theo quy định;
- Hỗ trợ các hộ gia đình xây dựng các công trình phụ đảm bảo vệ sinh môi trường; phát triển chăn nuôi và xây dựng chuồng trại xa khu dân cư, xa nguồn nước để đảm bảo vệ sinh chung.

4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn đến người dân trong huyện.

- Có sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng ban chức năng của huyện trong việc tham mưu đề xuất đầu tư xây dựng công trình và kế hoạch phân bổ nguồn vốn, đặc biệt là sự phối hợp giữa phòng Tài nguyên - Môi trường và phòng Tài chính – Kế hoạch của huyện.

- Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, trong đó cần phải thu hồi cả phần diện tích phần phụ cận để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đồng thời ưu tiên người bị thu hồi đất được giao hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ. Bảo vệ và cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa, đồng thời hỗ trợ ngân sách cho địa phương sản xuất lúa, chính sách hỗ trợ người sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ kế hoạch phát triển cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội.

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về đất đai; đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý đất đai; thực hiện nghiêm chỉnh việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Những khu dân cư quy hoạch bố trí xen ghép hoặc cải tạo chỉnh trang thì cho phép nhân dân được phép tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất mà không tiến hành thu hồi đất để nâng cao tính khả thi của phương án kế hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được tốt nhất.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng được phê duyệt để điều tra, lập kế hoạch đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cho số lao động tại các khu vực sẽ bị thu hồi đất, nhằm giúp cho người bị thu hồi đất nhanh chóng tìm được việc làm mới và ổn định cuộc sống.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I/ KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn được xây dựng trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhu cầu của các xã thị trấn, đồng thời đối chiếu với kế hoạch phân bổ nguồn vốn năm 2018 để đề xuất thực hiện công trình, các công trình, dự án trong kế hoạch 2018 đã lựa chọn những công trình, dự án có tính khả thi cao để tính nhu cầu sử dụng đất cho các ngành năm 2018 nên phù hợp với thực tiễn của địa phương trong năm tới. Quá trình xây dựng phương án quy hoạch có sự tham gia của các ngành, các cấp dưới sự chỉ đạo thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện.

Kết quả của kế hoạch sử dụng đất đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo Thông tư 29/2014/TT-BTNMT. Phương án đã xác định được quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành năm 2018 như: nhu cầu đất phát triển giao thông, thủy lợi, đất giáo dục, y tế, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ, phát triển khu đô thị, cụm công nghiệp, khu du lịch,...

Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Khánh Sơn sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện Khánh Sơn đã đề ra cho giai đoạn 2015 - 2020 và phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện.

II/ KIẾN NGHỊ

UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh sớm triển khai thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện (*do tỉnh làm chủ đầu tư*), để huyện xây dựng các công trình khác có tính kết nối liên vùng nhằm khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên vào phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện có hiệu quả ngày càng cao hơn.

Tăng cường công tác giám sát thực hiện kế hoạch, tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng và hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm để kế hoạch có tính khả thi cao.

Hiện trạng sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính														
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn							
1	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)																	
1.1	Đất nông nghiệp	NNP	33.852,76	1.677,47	3.785,34	4.308,64	3.341,53	3.413,28	4.759,62	5.204,50	7.362,38							
	Đất trồng lúa	LUA	162,00	15,69	52,28	8,97	27,67	17,81	27,32	6,11	6,15							
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	158,63	15,69	52,18	8,97	27,67	16,70	27,32	3,95	6,15							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.317,29	115,54	197,90	166,56	109,75	139,66	321,51	95,74	170,63							
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.110,42	274,46	1.195,84	164,69	210,58	244,33	414,89	390,11	215,52							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.872,74	29,05	543,86	2.809,34	244,02	938,22	2.208,58	2.086,23	3.013,44							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	-	-	-	982,80	460,29	438,56	-	-							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.609,10	729,06	968,19	710,84	957,32	1.256,73	1.173,87	998,13	814,96							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	1,98	2,07	0,53	2,55	3,23	3,13	2,60	0,42							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.613,28	116,96	158,95	56,35	798,31	111,46	126,33	111,62	133,30							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	3,09	-	-	687,23	-	-	0,51	-							
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,72	-	-	-	-	-	0,06	-							
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,06	1,06	-	-	-	-	-	-	-							
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,28	0,18	0,02	-	-	-	0,14	0,02							
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	248,02	33,28	52,58	20,91	29,42	23,07	43,45	21,68	23,63							
	Trong đó:																	
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	0,08	0,16	0,22	1,17	0,21	0,12	0,31	0,14							
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,07	3,94	3,72	0,90	6,45	1,45	2,52	1,75	1,34							
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,55	0,47	0,37	1,02	-	-	0,99	0,70	-							
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	-	-	-	-	4,80	-	-	-							
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	-	0,61	-	0,60	0,63	0,51	0,92	-							
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,41	-	29,89	14,45	25,80	17,40	16,76	11,81	16,30							
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	16,19	16,19	-	-	-	-	-	-	-							
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,49	5,14	2,10	0,76	0,37	0,51	0,65	0,31	0,65							
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,26	-	-	-	-	-	0,03	-							
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	3,99	-	-	0,50	-	-	-	-							
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	14,32	0,91	0,79	4,89	1,05	3,47	1,84	1,19	0,18							
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,36	1,33	0,31	0,43	0,34	0,47	0,10	1,21	0,17							
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,77	50,71	72,48	14,85	52,96	60,68	63,01	73,76	92,32							
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	-	0,01	0,04	0,04	0,43	0,01	-	0,03							
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.269,78	394,73	666,26	391,36	8,53	241,55	45,43	1.513,96	3.007,96							
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,47	1.677,47	-	-	-	-	-	-	-							

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính									
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn		
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	1.677,47	3.785,34	4.308,64	3.341,53	3.413,28	4.759,62	5.204,50	7.362,38		
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.954,28	1.158,00	2.962,50	3.872,89	2.521,01	3.040,66	4.586,74	5.204,50	4.233,88		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	135,57	12,15	49,74	8,97	19,58	16,25	21,32	3,95	3,61		
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	134,42	12,15	49,64	8,97	19,58	15,20	21,32	3,95	3,61		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.272,30	109,67	196,11	162,76	107,89	127,71	313,10	88,64	166,42		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.152,95	277,50	1.223,71	166,55	209,35	241,03	428,34	386,95	219,53		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.872,74	29,05	543,86	2.809,34	244,02	938,22	2.208,58	2.086,23	3.013,44		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	-	-	-	982,80	460,29	438,56	-	-		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.622,56	727,65	947,02	724,74	954,82	1.253,93	1.173,71	1.010,23	830,46		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	1,98	2,07	0,53	2,55	3,23	3,13	2,60	0,42		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.686,28	125,04	167,08	59,89	812,49	131,07	127,50	125,09	138,12		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	3,09	-	-	687,23	-	-	0,51	-		
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,72	-	-	-	-	-	0,06	-		
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	13,58	1,06	-	-	-	12,52	-	-	-		
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,69	0,33	0,18	0,02	-	-	-	0,14	0,02		
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	292,43	42,87	55,12	22,74	35,82	29,99	44,36	35,39	26,13		
	Trong đó:												
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,75	0,75	-	-	-	-	-	-	-		
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,37	0,08	0,16	0,22	1,17	0,21	0,12	0,31	0,10		
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	23,91	4,05	3,99	0,90	6,28	1,24	2,52	3,25	1,68		
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	6,30	0,01	0,37	1,02	3,00	0,21	0,99	0,70	-		
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,60	-	-	1,60	-	-	-	-	-		
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8,30	-	3,50	-	-	4,80	-	-	-		
2.6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,94	-	0,61	-	3,60	0,63	0,51	0,92	0,67		
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	138,26	-	30,18	14,56	30,47	17,65	16,90	11,97	16,53		
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,55	16,55	-	-	-	-	-	-	-		
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,18	5,14	1,93	0,76	0,37	0,51	0,65	0,31	0,51		
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,26	-	-	-	-	-	0,03	-		
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	3,99	-	-	0,50	-	-	-	-		
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	17,86	0,91	2,79	4,89	1,05	3,47	1,84	1,19	1,72		
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,67	1,33	0,31	0,43	0,51	0,47	0,22	1,21	0,19		
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	478,27	48,78	72,45	14,85	52,90	60,60	63,01	73,36	92,32		
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	-	0,01	0,04	0,04	0,43	0,01	-	0,03		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.212,20	394,43	655,76	375,86	8,03	241,55	45,38	1.500,81	2.990,38		
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,47	1.677,47									

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính							Xã Thành Sơn
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	69,62	7,78	8,13	3,54	13,68	19,61	1,12	13,02	2,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,57	0,04	0,04	-	2,39	0,06	-	-	0,04
	Tr. đó: đất chuyên lúa nước	LUC/PNN	2,51	0,04	0,04	-	2,39	-	-	-	0,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	21,49	2,37	0,79	0,30	5,06	11,45	0,41	0,60	0,51
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	35,24	3,96	6,05	1,64	3,73	5,30	0,55	11,82	2,19
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,32	1,41	1,25	1,60	2,50	2,80	0,16	0,60	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		84,98	7,00	36,42	3,50	5,70	3,50	14,00	8,66	6,20
	Trong đó:										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	16,66	3,50	-	-	2,50	-	6,00	2,16	2,50
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất trồng cây lâu năm	RSX/CLN	30,42		30,42						-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,14	-	-	-	0,10	-	-	-	0,04

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác
 - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Kế hoạch thu hồi đất năm 2018 của huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				TT Tó Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)				
	Tổng			9,52	7,87	1,60	13,53	6,70	0,34	11,50	2,59				
1	Đất nông nghiệp	NNP	53,66	7,09	7,56	1,59	13,43	6,62	0,34	11,42	2,52				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,39	-	-	2,39	-	-	-	-	-				
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2,39	-	-	2,39	-	-	-	-	-				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	10,43	2,22	0,66	0,10	5,01	1,99	-	-	0,45				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29,19	3,46	5,65	1,49	3,53	1,83	0,34	10,82	2,07				
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	8,56	1,41	1,25	-	2,50	2,80	-	0,60	-				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3,09	2,44	0,31	0,01	0,10	0,08	-	0,08	0,07				
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,51	0,43	-	-	0,04	-	-	0,04	-				
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	DTT	0,35	0,35	-	-	-	-	-	-	-				
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	0,16	0,08	-	0,04	-	-	-	0,04	-				
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,11	-	0,01	-	-	-	-	0,04	0,03				
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,08	0,08	-	-	-	-	-	-	-				
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,25	-	-	-	-	-	-	-	-				
2.2.1	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,04	-	-	-	-	-	-	-	0,04				
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,10	1,93	0,03	-	0,06	0,08	-	-	-				

Danh mục công trình dự án trong năm Kế hoạch 2018 huyện Khánh Sơn

ST	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	57 hm	216,47			
A	HẠNG MỤC NĂM 2017 CHƯA THỰC HIỆN CHUYỂN QUA THỰC HIỆN 2018	22 hm	42,68			
I	Các công trình do đơn vị tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện	22 hm	42,68			
1	Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp	TMD	12,52	Xã Sơn Hiệp		Quyết định 527/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
2	Đường nhà ông Tùng đi rẫy sản xuất ở Cao La Hành	DGT	0,25	Xã Ba Cùm Bắc		
3	Đường vào khu quy hoạch khu dân cư dài tường niêm (đường khu tái định cư Dốc Trầu)	DGT	0,52	Xã Ba Cùm Bắc		
4	Nối tiếp đường BTXM thôn Kô Lắc (rộng từ 3,5m lên 5,0 m)	DGT	0,31	Xã Sơn Bình		
5	Điểm dừng chân đỉnh đèo	DGT	1,50	Xã Ba Cùm Bắc	Tờ BD 19, thửa 200	
6	Mở rộng đường thôn Xà Bói (từ trường Tiểu học đến đường liên xã)	DGT	0,22	Xã Sơn Hiệp		
7	Đường D9	DGT	3,00	Xã Sơn Trung		
8	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp, xã Sơn Hiệp)	DTL	10,00	TT Tô Hạp, Sơn Hiệp		
9	Quảng trường - công viên khu vực trước đài tượng niêm huyện	DVH	0,40	TT Tô Hạp	Tờ số 20 (thửa 79, 4, 5, 3)	
10	Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ TE (trạm y tế cũ)	DYT	0,05	Xã Sơn Trung		
11	MR trường Mầm non Thành Sơn	DGD	0,14	Xã Thành Sơn		Kế hoạch vốn 2016-2018
12	Mầm non Sao Mai	DGD	0,27	Xã Ba Cùm Bắc		
13	Trạm thực nghiệm Khoa học - Công nghệ Khánh Sơn (Sở Khoa học và Công nghệ)	DKH	3,61	Xã Sơn Trung		
14	Thác nước tạo cảnh quan của Cây Đa	DDL	3,50	Xã Ba Cùm Bắc		Quyết định 572/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
15	Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,64	Xã Ba Cùm Nam	Tờ BD số 7 (thửa số 65, 66)	
16	Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn	TSC	0,04	TT Tô Hạp	Thửa số 61, 62 tờ bản đồ số 12 (DT 438 m ²)	
17	Bảo hiểm xã hội huyện Khánh Sơn	TSC	0,10	TT Tô Hạp	Tờ số 13, thửa 51 (DT 1047,4m ²)	

ST	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú
18	Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa	DSH	0,12	Xã Sơn Bình	Tờ 33, thửa số 2	Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa
19	Bãi tập kết xử lý rác thải xã Thành Sơn	DRA	0,67	Xã Thành Sơn		
20	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn		Kế hoạch vốn năm 2018
21	Nghĩa địa Ba Cùm Bắc (thôn Tha Mang)	NTD	2,00	Xã Ba Cùm Bắc		
22	Chuyển mục đích đất trạm y tế xã Thành Sơn sang đất ở	ONT	0,04	Xã Thành Sơn	Tờ bản đồ 22, thửa 22	Trạm y tế Thành Sơn cũ
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân					
B	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT MỚI NĂM 2018	35 hm	173,79			
I	Công trình dự án do các đơn vị, tổ chức làm chủ đầu tư và tổ chức thực hiện	29 hm	39,86			
1	Xây dựng thác Tà Gụ	DDT	4,00	Xã Sơn Hiệp		Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
2	Trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc	TSC	0,08	Xã Ba Cùm Bắc	Tờ bản đồ 36, thửa 87	Mở rộng theo Kế hoạch đầu tư công năm 2018
3	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn		Quyết định số 217b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
4	Nối tiếp đường Liên Bình đi khu sản xuất thôn Ha Nít xã Sơn Lâm	DGT	4,25	Xã Sơn Lâm		Quyết định số 218b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
5	Mở đường tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Suối Phèn, xã Sơn Hiệp	DGT	4,00	Xã Sơn Hiệp		Quyết định số 219b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
6	Đường từ đất Máu Hồng Ngạnh đến đất Bo Bo Minh Xanh	DGT	0,10	Xã Sơn Bình		Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
7	Đường từ nhà ở Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng suối Sóc	DGT	0,17	Xã Sơn Bình		Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
8	Đường từ nhà Cao Văn Tịnh đến nhà Bo Bo Thị Thám	DGT	0,11	Xã Sơn Bình		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 13/03/2016 của UBND huyện Khánh Sơn

ST	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú
9	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 13/03/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
10	Nâng cấp đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã ba tỉnh lộ 9 nhà ô Bình (giai đoạn 2)	DGT	0,30	TT Tô Hạp		Công văn số 221/UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
11	Nâng cấp, mở rộng đường từ Cao Văn Bé vào khu 7 hộ thôn Dốc Gạo, dài 270 m	DGT	0,20	TT Tô Hạp		
12	Đường đi khu sản xuất Suối Chính thôn Hòn Gầm (giai đoạn II)	DGT	1,20	Xã Ba Cùm Nam		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
13	Đường vào khu sản xuất Suối Hai thôn Ka Tơ (giai đoạn II)	DGT	0,40	Xã Ba Cùm Nam		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
14	Bãi đỗ xe và đường vào nhà Dài thôn Hòn Dung	DGT	0,50	Xã Sơn Hiệp	Tờ bản đồ 16, thửa (4,9,13,15,17)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
15	Xây dựng Đập dâng suối Cỏi	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm	Tờ bản đồ số 7, thửa 26, 37,34	Công văn số 2853/UBND -VP ngày 10 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện chi đạo của đ/c BT tỉnh ủy
16	Xây dựng đập suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm		
17	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm		Quyết định số 580b/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
18	Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	0,97	TT Tô Hạp		Công văn số 1211/UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
19	Sân thể thao thôn Liên Hiệp (đất trụ sở UB xã cũ)	DTT	0,21	Xã Sơn Hiệp	Tờ bản đồ 15, thửa đất 34	
20	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00		Tờ bản đồ 25 (thửa đất 28,29,30,31,32,181,182,183,184,194, 202,203,204, 164,170,172,172, 142, 143,144,..) tờ bản đồ 26 (thửa 119,141, 145, 150,151, ...)	Công văn số 221/UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
21	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	DVH	0,35	Thị trấn Tô Hạp	Tờ bản đồ số 12 (thửa số 69)	Thông báo số 48/TB-UBND ngày 18/08/2017 của UBND huyện Khánh Sơn

ST	Tên công trình, dự án	Mã QH	Diện tích	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú
22	Trường PTTH Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm	Tờ bản đồ số 9 (thửa đất 159, 176,) tờ 10 (thửa 117, 130)	Thông báo số 48/TB-UBND ngày 18/08/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
23	Mở rộng trường Tiểu học thị trấn Tô Hạp	DGD	0,11	Xã Thành Sơn	Tờ bản đồ số 12 (một phần thửa 69)	
24	Trường Mầm non Anh Đào xã Thành Sơn (điểm Tà Giang II)	DGD	0,20	Xã Thành Sơn	Tờ bản đồ số 4 (thửa 56,63,57)	Bãi rác huyện Khánh Sơn
25	Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn	DRA	3,00	Xã Sơn Trung	Tờ bản đồ số 4 (thửa số 76)	
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	Xã Sơn Trung	Tờ 22, thửa 54 (đất điểm trường TH do UBND xã quản lý)	
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O	DSH	0,17	Xã Sơn Trung		Công văn số 777b/UBND ngày 07/09/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
28	Chính trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp xã Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung		Trạm y tế Sơn Hiệp cũ
29	Trạm QLBV rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	TSC	0,06	Xã Sơn Hiệp	Tờ 15, thửa 39	
II	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân	6 hm	133,93	-		
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,05		Thửa 84, tờ bản đồ 31	Cơ sở xây chuỗi khô
2	Cánh đồng mẫu sản xuất cây mía tím năng suất cao	BHK	10,60	Xã Sơn Hiệp		
3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại 7 xã và thị trấn Tô Hạp	ONT	1,90			Các xã và thị trấn Tô Hạp
4	Chuyển mục đích đất lúa sang đất trồng cây hàng năm ở các xã	CLN	7,20			Ba Cùm Bắc, Sơn Trung, Sơn Hiệp
5	Chuyển mục đích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang trồng cây lâu năm	CLN	77,78	-		Các xã và thị trấn
6	Đất rừng sản xuất	RSX	54,20			Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc, Sơn Lâm, Thành Sơn

Phụ biểu 01:

Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải bồi đất để phát triển lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện Khánh Sơn năm 2018 được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa thông qua năm 2018

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH				
I	Nhóm công trình thuộc Điểm a, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai 2013	21 hm	34,43		
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Ba Cạm Bắc	TSC	0,08	Xã Ba Cạm Bắc	Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 huyện Khánh Sơn
2	Trường Trung học phổ thông Tây Khánh Sơn	DGD	1,50	Xã Sơn Lâm	
3	Tường Mầm non Anh Đào (điểm Tà Giang 2)	DGD	0,20	Xã Thành Sơn	
II	Nhóm công trình thuộc Điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013	13 hm	24,69		
4	Xây dựng đập suối Cối xã Sơn Lâm	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm	Công văn số 2853/UBND -VP ngày 10 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện chỉ đạo của đ/c BT tỉnh ủy
5	Xây dựng đập suối Ngựa	DTL	2,00	Xã Sơn Lâm	Công văn số 2853/UBND -VP ngày 10 tháng 04 năm 2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thực hiện chỉ đạo của đ/c BT tỉnh ủy
6	Hệ thống nước sinh hoạt, nước tưới xã Sơn Lâm	DTL	4,00	Xã Sơn Lâm	Quyết định số 580b/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
7	Đập dâng hồ nước tạo cánh quan thị trấn Tô Hạp	DTL	0,97	TT Tô Hạp	Công văn số 1221/UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
8	Điểm dừng chân đỉnh đèo	DGT	1,50	Xã Ba Cạm Bắc	Quyết định 527/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
9	Đường từ cầu Hàm Leo đi khu sản xuất thôn Tà Giang II	DGT	2,20	Xã Thành Sơn	Quyết định số 217b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
10	Nối tiếp đường Liên Bình đi khu sản xuất thôn Ha Nít xã Sơn Lâm	DGT	4,00	Xã Sơn Lâm	Quyết định số 218b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
11	Mở đường tỉnh lộ 9 vào khu sản xuất Suối Phèn, xã Sơn Hiệp	DGT	4,00	Xã Sơn Hiệp	Quyết định số 219b/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
12	Nâng cấp đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã ba tỉnh lộ 9 đến nhà ông Bính (giai đoạn 2)	DGT	0,30	TT Tô Hạp	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 của huyện Khánh Sơn
13	Đường từ trường Tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	DGT	0,22	Xã Sơn Bình	Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 13/03/2016 của UBND huyện Khánh Sơn

STT	Tên công trình, dự án	Mã đất	Diện tích (ha)	Địa điểm	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư
14	Bãi đỗ xe và đường vào nhà dài thôn Hòn Dung	DGT	0,50	Xã Sơn Hiệp	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 huyện Khánh Sơn
15	Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn	DRA	3,00	Xã Sơn Trung	Quyết định số 1117b/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND huyện Khánh Sơn
16	Xây dựng nghĩa trang xã Thành Sơn	NTD	1,54	Xã Thành Sơn	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018
III	Nhóm công trình thuộc điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai 2013	3 hm	3,46		
17	Sân vận động huyện Khánh Sơn	DTT	3,00	Xã Sơn Trung	Công văn số 1221/UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Khánh Sơn
18	Quảng trường - công viên khu vực trước đài tượng niệm huyện	DVH	0,40	TT Tô Hạp	Quyết định 527/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
19	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tà Giang 2	DSH	0,06	Xã Thành Sơn	Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 của huyện Khánh Sơn
IV	Nhóm công trình thuộc Điểm d, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai 2013	1 hm	4,50		
20	Chình trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp - Sơn Trung	ONT	4,50	Xã Sơn Trung	Công văn số 777b/UBND ngày 07/09/2016 của UBND huyện Khánh Sơn
B:	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH	1 hm	1,64		
I	Nhóm công trình thuộc Điểm a, Khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai 2013		1,64		
21	Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa	DDT	1,64	Ba Cạm Nam	

* Ghi chú: - Các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 40/2016 và Nghị quyết số 03 năm 2017 chưa triển khai thực hiện tiếp tục được triển khai thực hiện trong năm kế hoạch 2018.

Phụ biểu 02:

Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải chuyển mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ; dưới 20 ha đất rừng đặc dụng trên địa bàn huyện Khánh Sơn được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua năm 2018

ST T	Tên công trình, dự án	Mã đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Cộng	Trong đó			Địa điểm	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng		
A	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH	01 hm	3,00	2,39	2,39	-	-		
1	Sân vận động huyện Khánh Sơn		3,00	2,39	2,39			Xã Sơn Trung	

Phụ biểu 03:

Ước tính thu chi tài chính về đất đai năm 2018 của huyện Khánh Sơn

TT	Hạng mục	Ước tính thu chi tài chính về đất đai đến năm 2018				
		Diện tích (ha)	Vị trí	Tỷ lệ TH (%)	Đơn giá (1000 đ/ha)	Thành tiền (1000 đồng)
A	CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT					17.026.020
I	THU TIỀN GIAO ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH					15.526.020
1	Đất ở tại nông thôn					13.072.140
-	Xã Ba Cạm Nam	0,15	1	0,50	3.500.000	262.500
-	Xã Ba Cạm Bắc	0,32				605.440
+	Khu vực mặt đường tỉnh lộ 9	0,05	1	0,65	7.200.000	224.640
+	Khu vực còn lại	0,27	2	0,40	3.500.000	380.800
-	Xã Sơn Trung	4,75				10.245.000
+	Đường liên xã (Sơn Trung - Sơn Hiệp)		1	1,00	7.200.000	0
+	Khu vực bờ kè Tô Hạp - Sơn Trung	4,50		0,30	7.200.000	9.720.000
+	Các khu vực còn lại	0,25	2	0,60	3.500.000	525.000
-	Xã Sơn Hiệp	0,28	1	0,50	4.320.000	604.800
-	Xã Sơn Bình	0,14				401.100
+	Khu vực mặt đường tỉnh lộ 9	0,02	1	1,00	7.200.000	151.200
+	Khu vực còn lại	0,12	2	0,60	3.500.000	249.900
-	Xã Sơn Lâm	0,20				529.800
+	Khu vực mặt đường tỉnh lộ 9	0,03	1	1,00	5.760.000	172.800
+	Khu vực còn lại	0,17	2	0,60	3.500.000	357.000
-	Xã Thành Sơn	0,22	1	0,55	3.500.000	423.500
1.2	Đất ở tại thị trấn Tô Hạp	0,44				2.453.880
-	Loại đường số 2					726.000
-	Loại đường số 3					1.727.880
III	THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT					1.200.000
1	Tiền sử dụng đất + thuê nhà đất					1.000.000
2	Thuế chuyển quyền sử dụng đất					200.000
V	THU PHÍ LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH					300.000
B	CHI PHÍ ĐÈN BÙ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH					8.778.936
1	Đền bù hoa màu trên đất					4.337.609
-	Cây hàng năm	10,43			80.000	834.504
-	Cây lâu năm	29,19			120.000	3.503.105
2	Đền bù tài sản trên đất (nhà ở, vật kiến trúc...)					432.000
3	Đền bù thu hồi đất					4.009.327
a	Đất cây hàng năm	10,43				667.603
-	Vị trí 1	6,26	1,00		80.000	500.702
-	Vị trí 2	4,17	2,00		40.000	166.901
b	Đất cây lâu năm	29,19				3.036.024
-	Vị trí 1	17,52	1,00		120.000	2.101.863
-	Vị trí 2	11,68	2,00		80.000	934.161
c	Đất rừng sản xuất (tính diện tích đất rừng trồng sx)	8,56			20.000	171.200
e	Đất ở đô thị	0,08			1.200.000	96.000
g	Đất ở nông thôn	0,11			350.000	38.500
	C. CÂN ĐỐI THU - CHI					8.247.084

Theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc ban hành giá các loại đất năm 2015 và ổn định giá 5 năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

Hiện trạng sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính								Xã Thành Sơn
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	1.677,47	3.785,34	4.308,64	3.341,53	3.413,28	4.759,62	5.204,50	7.362,38	
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.969,70	1.165,78	2.960,13	3.860,93	2.534,69	3.060,27	4.587,86	3.578,92	4.221,12	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	162,00	15,69	52,28	8,97	27,67	17,81	27,32	6,11	6,15	
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	158,63	15,69	52,18	8,97	27,67	16,70	27,32	3,95	6,15	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.317,29	115,54	197,90	166,56	109,75	139,66	321,51	95,74	170,63	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.110,42	274,46	1.195,84	164,69	210,58	244,33	414,89	390,11	215,52	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.872,74	29,05	543,86	2.809,34	244,02	938,22	2.208,58	2.086,23	3.013,44	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	-	-	-	982,80	460,29	438,56	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.609,10	729,06	968,19	710,84	957,32	1.256,73	1.173,87	998,13	814,96	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	1,98	2,07	0,53	2,55	3,23	3,13	2,60	0,42	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.613,28	116,96	158,95	56,35	798,31	111,46	126,33	111,62	133,30	
2.1	Đất quốc phòng	QOP	690,83	3,09	-	-	687,23	-	-	0,51	-	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,72	-	-	-	-	-	0,06	-	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,06	1,06	-	-	-	-	-	-	-	
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,28	0,18	0,02	-	-	-	0,14	0,02	
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	248,02	33,28	52,58	20,91	29,42	23,07	43,45	21,68	23,63	
	Trong đó											
-	Đất cơ sở y tế	DYT	2,41	0,08	0,16	0,22	1,17	0,21	0,12	0,31	0,14	
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	22,07	3,94	3,72	0,90	6,45	1,45	2,52	1,75	1,34	
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,55	0,47	0,37	1,02	-	-	0,99	0,70	-	
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	-	-	-	-	4,80	-	-	-	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	-	0,61	-	0,60	0,63	0,51	0,92	-	
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	132,41	-	29,89	14,45	25,80	17,40	16,76	11,81	16,30	
2.9	Đất ở tại đô thị	ODT	16,19	16,19	-	-	-	-	-	-	-	
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,49	5,14	2,10	0,76	0,37	0,51	0,65	0,31	0,65	
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,26	-	-	-	-	-	0,03	-	
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,49	3,99	-	-	0,50	-	-	-	-	
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	14,32	0,91	0,79	4,89	1,05	3,47	1,84	1,19	0,18	
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,36	1,33	0,31	0,43	0,34	0,47	0,10	1,21	0,17	
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,77	50,71	72,48	14,85	52,96	60,68	63,01	73,76	92,32	
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	-	0,01	0,04	0,04	0,43	0,01	-	0,03	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.269,78	394,73	666,26	391,36	8,53	241,55	45,43	1.513,96	3.007,96	
4	Đất đổ thị*	KDT	1.677,47	1.677,47	-	-	-	-	-	-	-	

Phụ biểu 06:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2017 của huyện Khánh Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu kế hoạch 2017 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	33.852,76	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.982,92	25.969,70	99,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA	159,47	162,00	101,59
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>156,08</i>	<i>158,63</i>	<i>101,63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.304,85	1.317,29	100,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.088,05	3.110,42	100,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.882,91	11.872,74	99,91
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.881,65	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.649,09	7.609,10	99,48
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,91	16,51	97,63
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.659,98	1.612,72	97,15
2.1	Đất quốc phòng	CQP	690,83	690,83	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	1,83	0,78	42,69
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	14,21	1,06	7,46
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,46	0,64	139,13
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	267,49	248,02	92,72
	<i>Trong đó</i>				
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,31</i>	<i>2,41</i>	<i>104,33</i>
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>22,474</i>	<i>22,07</i>	<i>98,20</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>4,633</i>	<i>3,55</i>	<i>76,62</i>
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,67	-	-
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8,30	4,80	57,83
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,94	3,27	82,99
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	135,53	132,41	97,70
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,68	16,19	97,06
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,43	10,49	100,58
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,29	111,54
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	4,49	112,53
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	17,86	14,32	80,18
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,57	4,36	95,40
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	480,48	480,77	100,06
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	-	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,28	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.209,87	6.269,78	99,04
4	Đất đô thị*	KDT	1.677,47	1.677,47	100,00

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Phụ biểu 07:

Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính							
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Trung	Xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Bình	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	23,31	3,21	13,33	0,35	1,32	0,59	2,05	1,37	1,09
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,08	-	0,06	-	0,02	-	-	-	-
	<i>Tr đó: đất chuyển lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,06</i>	-	<i>0,04</i>	-	<i>0,02</i>	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	3,23	1,05	1,55	0,03	0,20	0,09	-	0,09	0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	6,07	0,28	3,42	0,07	1,10	-	0,10	0,44	0,66
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	13,93	1,88	8,30	0,25	-	0,50	1,95	0,84	0,21
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		13,24	-	0,70	1,67	4,40	-	-	-	4,20
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	3,40	-	0,70	-	1,20	-	-	-	1,50
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,06	-	0,06	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Phụ biểu 08:

Kết quả thu hồi đất năm 2017 của huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính							
				TT Tô Hạp	Xá Ba Cùm Bắc	Xá Ba Cùm Nam	Xá Sơn Trung	Xá Sơn Hiệp	Xá Sơn Bình	Xá Sơn Lâm	Xá Thành Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(12)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng		16,91	2,06	9,01	0,29	0,93	0,51	2,19	0,84	1,08
1	Đất nông nghiệp	NNP	15,71	2,02	8,84	0,29	0,23	0,51	1,95	0,84	1,03
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,02	-	0,02	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,02	-	0,02	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,73	0,04	0,32	0,03	0,11	0,01	-	-	0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1,03	0,10	0,20	0,01	0,12	-	-	-	0,60
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	13,93	1,88	8,30	0,25	-	0,50	1,95	0,84	0,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,20	0,04	0,17	-	0,70	-	0,24	-	0,05
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,15	-	0,01	-	0,01	-	0,08	-	0,05
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,04	0,04	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,16	-	-	-	-	-	0,16	-	-
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,85	-	0,16	-	0,69	-	-	-	-

Phụ biểu 09:

Kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018 của huyện Khánh Sơn - tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính				
				TT Tô Hạp	Xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Nam	Xã Sơn Lâm	Xã Thành Sơn
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp		40,77	0,02	0,75	20,00	10,00	10,00
1.1	Đất rừng phòng hộ	NNP	40,00	-	-	20,00	10,00	10,00
1.2	Đất rừng sản xuất	RPH	10,00	-	-	-	10,00	-
2	Đất phi nông nghiệp	RSX	30,00	-	-	20,00	-	10,00
2.1	Đất quốc phòng	PNN	0,77	0,02	0,75	-	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	CQP	0,02	0,02	-	-	-	-
-	Đất giao thông	DHT	0,75	-	0,75	-	-	-
-	Đất thủy lợi	DGT	0,56	-	0,56	-	-	-
-		DTL	0,19	-	0,19	-	-	-

Phụ biểu số 10:

So sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2017 với năm 2016 của huyện Khánh Sơn

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2016 (ha)	Diện tích năm 2017		
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6) = (5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		33.852,76	33.852,76	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.953,01	25.969,70	76,71	16,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA	175,32	162,00	0,62	-13,32
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>171,93</i>	<i>158,63</i>	<i>0,61</i>	<i>-13,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.310,68	1.317,29	5,07	6,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.113,09	3.110,42	11,98	-2,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.862,74	11.872,74	45,72	10,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.881,65	1.881,65	7,25	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	7.593,03	7.609,10	29,30	16,07
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	16,51	16,51	0,06	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.589,20	1.613,28	4,77	24,08
2.1	Đất quốc phòng	CQP	689,12	690,83	42,82	1,71
2.2	Đất an ninh	CAN	0,78	0,78	0,05	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	1,06	0,07	0,99
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,64	0,64	0,04	
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	231,40	248,02	15,37	16,62
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>				
-	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,41</i>	<i>2,41</i>	<i>0,97</i>	
-	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>21,83</i>	<i>22,07</i>	<i>8,90</i>	<i>0,24</i>
-	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>3,55</i>	<i>3,55</i>	<i>1,43</i>	
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	4,80	4,80	0,30	
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,27	3,27	0,20	
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	127,62	132,41	8,21	4,79
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	16,03	16,19	1,00	0,16
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,14	10,49	0,65	0,35
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,29	0,29	0,02	
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,99	4,49	0,28	0,50
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,32	14,32	0,89	
2.15	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX				
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,52	4,36	0,27	-0,16
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	481,65	480,77	29,80	-0,88
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,56	0,56	0,03	
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác còn lại					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	6.310,55	6.269,78	18,52	-40,77

Phụ biểu 11:

Các công trình dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết 40/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND đã được triển khai thực hiện

TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích đưa vào nghị quyết		Năm triển khai thực hiện			Ghi chú
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	
I	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	19/35 hm	46,30	7 hm	11 hm	1 hm		
1	Nhà làm việc khối mặt trận, đoàn thể, quán sự của thị trấn Tô Hạp	TT Tô Hạp	0,12	x				
2	Mở rộng kéo dài đường Hai Bà Trưng (đoạn từ nhà ông Nguyễn Tuấn Tiền đến nhà ông Nguyễn Quang Hữu)	TT Tô Hạp	0,43	x				
3	Mở rộng đường TL9 nối xã Ba Cùm Bắc - TT Tô Hạp giai đoạn 2	TT Tô Hạp	0,1			x		
4	Cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn	TT Tô Hạp	0,03	x				
5	Đường liên thôn từ nhà ông Hậu đến nhà ông Nhiều	Ba Cùm Nam	0,74		x			
6	Đường vào khu sản xuất suối lớn xã Ba Cùm Nam	Ba Cùm Nam	0,83		x			
7	Mở rộng và nối dài tuyến đường từ rẫy ông Cư tới rẫy ông Hạnh	Sơn Trung	0,2	x				
8	Kéo dài tuyến đường từ nhà Cao Sáng đến nhà Bo Bo Biền	Sơn Trung	0,68		x			
9	Nối dài đường vào khu sản xuất thôn Chi Chay	Sơn Trung	0,48		x			
10	Mở rộng, nâng cấp đường từ đất ông Cao Quỳnh đến đất Bo Bo Việt	Sơn Bình	0,08		x			
11	MR nâng cấp đường nhà ông Doãn Trọng Toàn đến đất bà Cao Thị Giáo	Sơn Bình	0,04		x			
12	Mở mới tuyến đường từ Cao Hồng Thạnh đến nghĩa địa thôn Liên Bình	Sơn Bình	0,04		x			
13	Mở rộng, nâng cấp, nối dài tuyến từ rẫy ông Cao Lượng đến rẫy ông Cao Ngọc Thạch	Sơn Lâm	0,11		x			
14	Mở rộng, nâng cấp, nối dài tuyến đường từ nhà ông Máu Hồng Lực đến nhà ông Vũ Xuân Ngộ	Sơn Lâm	0,32		x			
15	Mở rộng, nâng cấp, nối dài trạm gác rừng (KSX A Pa 1)		0,26	x				
16	Kênh từ đập A Pa 2 đến cánh đồng sản xuất lúa A Pa 2 (dài 500m, rộng 0,6m)	Thành Sơn	0,03		x			
17	Mở rộng Trường Miềm non Vành Khuyên xã Sơn Bình	Sơn Bình	0,08		x			
18	Sân thể thao trung tâm xã Sơn Trung	Sơn Trung	1,73	x			Đã thực hiện thu hồi đất nhưng chưa đầu tư xây dựng và hoàn thiện	
19	Trồng rừng phòng hộ xã Sơn Lâm	Sơn Lâm	40,00	x				
II	Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	19/40 hm	18,46	15 hm	3 hm			
1	Mở rộng Tiểu học xã Ba Cùm Bắc	Ba Cùm Bắc	0,14		x			
2	Mở rộng đường từ nhà ông Bang đến nhà ông Bút	Ba Cùm Bắc	0,18		x			
3	Mở rộng đường đi khu sản xuất suối Đẩu Bò 1	Ba Cùm Nam	0,29		x			
4	Đường vào khu sản xuất suối Hai	Ba Cùm Nam	0,04			x		
5	Mở mới đường đi suối Chình	Ba Cùm Nam	1,05		x			

TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích đưa vào nghị quyết	Năm triển khai thực hiện			Ghi chú
				Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	
6	Nâng cấp mở rộng đường nhà ông Đặng Thừa đến nghĩa địa Tà Nĩa	Sơn Trung	0,08			x	
7	Nâng cấp mở rộng đường từ đường Ngô Quyền đi nhà ông Huỳnh thôn Tà Nĩa	Sơn Trung	0,04		x		
8	Nâng cấp đường nhà bà Phương đến rẫy ông Anh (giai đoạn I)	Sơn Trung	0,07		x		
9	Mở rộng, nối dài đường từ tỉnh lộ 9 đến nhà Bà Bo Chiên	Sơn Bình	0,08		x		
10	Đường Võ Đình Từ đến Mầu Là Nĩa	Sơn Lâm	0,18		x		
11	Đường Cô Róa Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Sơn Lâm, Thành Sơn	1,56		x		
12	Cầu treo qua sông Tô Hạp (từ tuyến số 15)	Sơn Lâm	0,03		x		
13	Đường dân sinh thôn Tà Giang II	Thành Sơn	0,04		x		
14	Nâng cấp, BTXM đường thôn Tà Giang I	Thành Sơn	0,12		x		
15	BTXM đường thôn Apa I	Thành Sơn	0,15		x		
16	Hệ thống đường lâm sinh phục vụ sản xuất lâm sinh, bảo vệ rừng phòng cháy chữa cháy rừng	TT Tô Hạp, Sơn Trung, Sơn Hiệp, Sơn Bình, Ba Cùm Nam	14,00			x	Đã thực hiện được 1 phần trong năm 2017
17	Nhà SHCĐ tổ dân phố Hạp Cường	TT Tô Hạp	0,03		x		
18	Mở rộng nhà SHCĐ thôn Hòn Dung	Sơn Hiệp	0,06		x		
19	Chỉnh trang tổ dân phố Hạp Cường	TT Tô Hạp	0,32		x		
III	Danh mục công trình theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	9/19 hm	2,80			9 hm	
1	Mở rộng Mầm non Vành Khuyên xã Sơn Bình	Sơn Bình	0,24			x	
2	Nâng cấp mở rộng đường xóm 8 thôn Ma O	Sơn Trung	0,15			x	
3	Đường vào khu sản xuất Lê Doãn Thức	Sơn Trung	0,19			x	
4	Đường từ Mầu Lợi B đến nhà bà Tro Thị Kềm	Ba Cùm Nam	0,25			x	
5	Mở rộng đường Hai Bà Trưng	TT Tô Hạp	0,11			x	
6	Mở rộng đường tỉnh lộ 9 giáp xã Ba Cùm Bắc	TT Tô Hạp	0,23			x	
7	Đường từ thôn Hòn Dung đi khi sản xuất Tà Gụ xã Sơn Hiệp	Sơn Hiệp	0,51			x	
8	Nối tiếp đường nội đồng từ nhà ở Lương đi Mầu Hồng Năm	Ba Cùm Bắc	0,16			x	
9	Bờ Kê sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Trung	Sơn Trung	0,96			x	
D	Danh mục công trình theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	8 hm	16,42			9 hm	
1	Khu tái định cư Dốc Trâu	Xã Ba Cùm Bắc	4,75			x	
2	Đường Hai Bà Trưng (đoạn ngã ba Hai Bà Trưng - Trần Phú đến ngã ba Hai Bà Trưng - Kim Đông)	TT Tô Hạp	0,51			x	
3	Trụ sở làm việc xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	0,35			x	
4	Đường liên xã Sơn Trung - Sơn Hiệp	TT Tô Hạp	0,60			x	
5	Đường D9	Xã Sơn Trung	3,00			x	
6	Đường vào cầu treo Cam Khánh	Xã Sơn Lâm	1,00			x	
7	Đập dâng suối Mã	Xã Sơn Lâm, m	1,10			x	
8	Kê bờ suối Tà Lương tại thôn Tà Lương	TT Tô Hạp	1,50			x	

Phụ biểu 12:

Các công trình dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết 40/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND chưa triển khai thực hiện đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện

TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích đưa vào nghị quyết (ha)	Đề xuất	
				Chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng		20,02	15 hm	
I	Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		-		
	Không có công trình đề nghị chuyển tiếp				
II	Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		3,68	8 hm	
1	Đường ông Tùng đi khu sản xuất rẫy ông Cao La Hành	Ba Cùm Bắc	0,25	x	
2	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Đệ đến đập Suối Sóc	Sơn Bình	0,17	x	Thực hiện năm 2018
3	Mở rộng, nối dài đường thôn Kô Lắc đến khu sản xuất	Sơn Bình	0,26	x	
4	Mở rộng đường từ Bo Bo Thắng đến nhà Bo Bo thị Thẩm	Sơn Bình	0,11	x	
5	Mở rộng đường nội đồng thôn Ha Nít	Sơn Lâm, Thành Sơn	0,37	x	
6	Đường đi vào khu sản xuất Sơn Bình đi thôn Cam Khánh đi thôn Ha Nít	Sơn Lâm	1,01	x	
7	Đường rẫy ông Lê Ngọc Thạch đến đường số 20	Sơn Lâm	1,18	x	
8	Nghĩa địa Thành Sơn	Thành Sơn	0,33	x	
III	Danh mục công trình theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		6,34	6 hm	
1	Thác nước cảnh quan Cây Đa	Ba Cùm Bắc	3,50	x	
2	Mắm non Sao Mai	Ba Cùm Bắc	0,27	x	
3	Đường Bo Bo Biển đến Máu Chuẩn	Ba Cùm Nam	0,23	x	
4	Mở rộng đường thôn Xà Bối (đoạn từ trường Tiểu học đến đường liên xã)	Sơn Hiệp	0,22	x	
5	Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa	Sơn Bình	0,12	x	
6	Nghĩa địa Ba Cùm Bắc (thôn Tha Mang)	Ba Cùm Bắc	2,00	x	
IV	Danh mục công trình theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/07/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		13,61	2 hm	
1	Kè bảo vệ sông Tô Hạp (đoạn qua TT Tô Hạp và Sơn Hiệp)	TT Tô Hạp, Sơn Hiệp	10,00	x	
2	Trạm thực nghiệm khoa học Công nghệ Khánh Sơn (Sở Khoa học Công nghệ Khánh Hòa)	Xã Sơn Trung	3,61	x	

Phụ biểu 13:

Các công trình dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết 40/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND chưa triển khai thực hiện nhưng đề nghị hủy bỏ

TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích đưa vào nghị quyết (ha)	Đề nghị hủy bỏ	Ghi chú
	Tổng cộng			29 hm	
I	Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		19,81	14 hm	
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Thành Sơn	Thành Sơn	0,20	x	Thay đổi diện tích thu hồi để thực hiện dự án
2	Mở mới đường Đinh Tiên Hoàng	Tô Hạp, Sơn Trung	3,44	x	Thay đổi kế hoạch đầu tư và diện tích thu hồi đất
3	Nối dài, đường nhà ông Xuân đến rẫy ông Huỳnh Văn Phong	Ba Cùm Bắc	0,31	x	Chuyển sang nguồn vốn xây dựng nông thôn mới
4	Mở rộng Trường Tiểu học thị trấn Tô Hạp	TT Tô Hạp	0,16	x	Không phải thu hồi đất
5	Bia di tích căn cứ cách mạng huyện Khánh Sơn	TT Tô Hạp	0,2	x	Hủy bỏ do thay đổi kế hoạch vốn đầu tư trung hạn
6	Khu nhà tương niệm, căn cứ cách mạng Công an tỉnh Khánh Hòa	Ba Cùm Nam	1,47	x	Hủy bỏ do thay đổi diện tích thu hồi đất
7	Khu tập kết xử lý rác thải của huyện	Sơn Trung	3,00	x	Thay đổi kế hoạch vốn, DT thu hồi thực hiện dự án
8	Thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư suối La Huay	Ba Cùm Bắc	3,00	x	Thay đổi tên dự án và quy mô diện tích thực hiện
9	Thu hồi đất xây dựng khu tái định cư suối Đầu Bò, xã Ba Cùm Nam	Ba Cùm Nam	3,40	x	Thay đổi kế hoạch đầu tư thực hiện
10	Thu hồi đất khu tái định cư Kra nóa	Sơn Bình	3,00	x	Thay đổi kế hoạch đầu tư thực hiện
11	Mở mới tuyến đường vào khu sản xuất Liên Bình	Sơn Lâm	0,26	x	Đã thực hiện được 1 phần
12	Mở mới tuyến đường vào khu sản xuất Tà Giang 2	Thành Sơn	1,13	x	Thay đổi diện tích thu hồi
13	Đội y tế dự phòng, Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em	Sơn Trung	0,05	x	Thay đổi địa điểm, không phải thu hồi đất
14	Mở rộng Trường Tiểu học Ba Cùm Nam	Ba Cùm Nam	0,19	x	Thay đổi kế hoạch đầu tư và triển khai thực hiện
II	Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		18,23	12 hm	
1	Trụ sở UBND xã Ba Cùm Bắc	Ba Cùm Bắc	0,08	x	Đưa vào nghị quyết để triển khai thực hiện 2018
2	Mở rộng đường Ka Tơ đi Hòn Gầm (đoạn còn lại)	Ba Cùm Nam	0,28	x	Thay đổi kế hoạch vốn và diện tích thu hồi
3	Mở rộng đường từ nhà ông Bang đến nhà ông Bút	Ba Cùm Bắc	0,18	x	Thay đổi sang nguồn vốn xây dựng NTM
4	Mở rộng đường UBND xã đi khu sản xuất suối lồ Ô	Ba Cùm Bắc	0,47	x	Thay đổi sang nguồn vốn xây dựng NTM
5	Mở mới đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn qua xã Sơn Trung)	Sơn Trung	0,57	x	Thay đổi kế hoạch vốn và diện tích thu hồi
6	Nâng cấp mở rộng đường vào Trung tâm dạy nghề huyện	Sơn Trung	0,22	x	Thay đổi kế hoạch đầu tư và diện tích thu hồi đất
7	Hồ Sơn Trung	Sơn Trung	15,32	x	Thay đổi kế hoạch vốn và diện tích thu hồi
8	Kê Tô Hạp (đoạn qua xã Sơn Hiệp)	Sơn Hiệp	0,28	x	Thay đổi quy mô diện tích phải thu hồi đất
9	Nhà văn hóa thiếu nhi huyện	TT Tô Hạp	0,40	x	Thay đổi vị trí sang gần cầu Sơn Trung
10	Nhà văn hóa TT xã Sơn Bình	Sơn Bình	0,27	x	Không thực hiện thu hồi đất để mở rộng
11	Sân thể thao Sơn Hiệp	Sơn Hiệp	0,08	x	Thay đổi địa điểm, diện tích và kế hoạch đầu tư
12	Chinh trang sân thể thao Trung tâm xã Sơn Bình	Sơn Bình	0,08	x	Không mở rộng
III	Danh mục công trình theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa		4,21	3 hm	
1	Nối tiếp đường BTXM vào khu sản xuất Apat đi trạm Y tế	Thành Sơn	0,46	x	Thay đổi kế hoạch vốn
2	Điểm dừng chân định đèo xã Ba Cùm Bắc	Ba Cùm Bắc	0,80	x	Thau đổi diện tích thu hồi (đưa vào Nghị quyết năm 2018)
3	Dự án chỉnh trang đô thị dọc bờ kè sông Tô Hạp - Sơn Trung (trong đó có đường D9)	Sơn Trung	2,95	x	Do thay đổi quy mô diện tích, đề nghị đưa vào Nghị quyết để thực hiện năm 2018

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

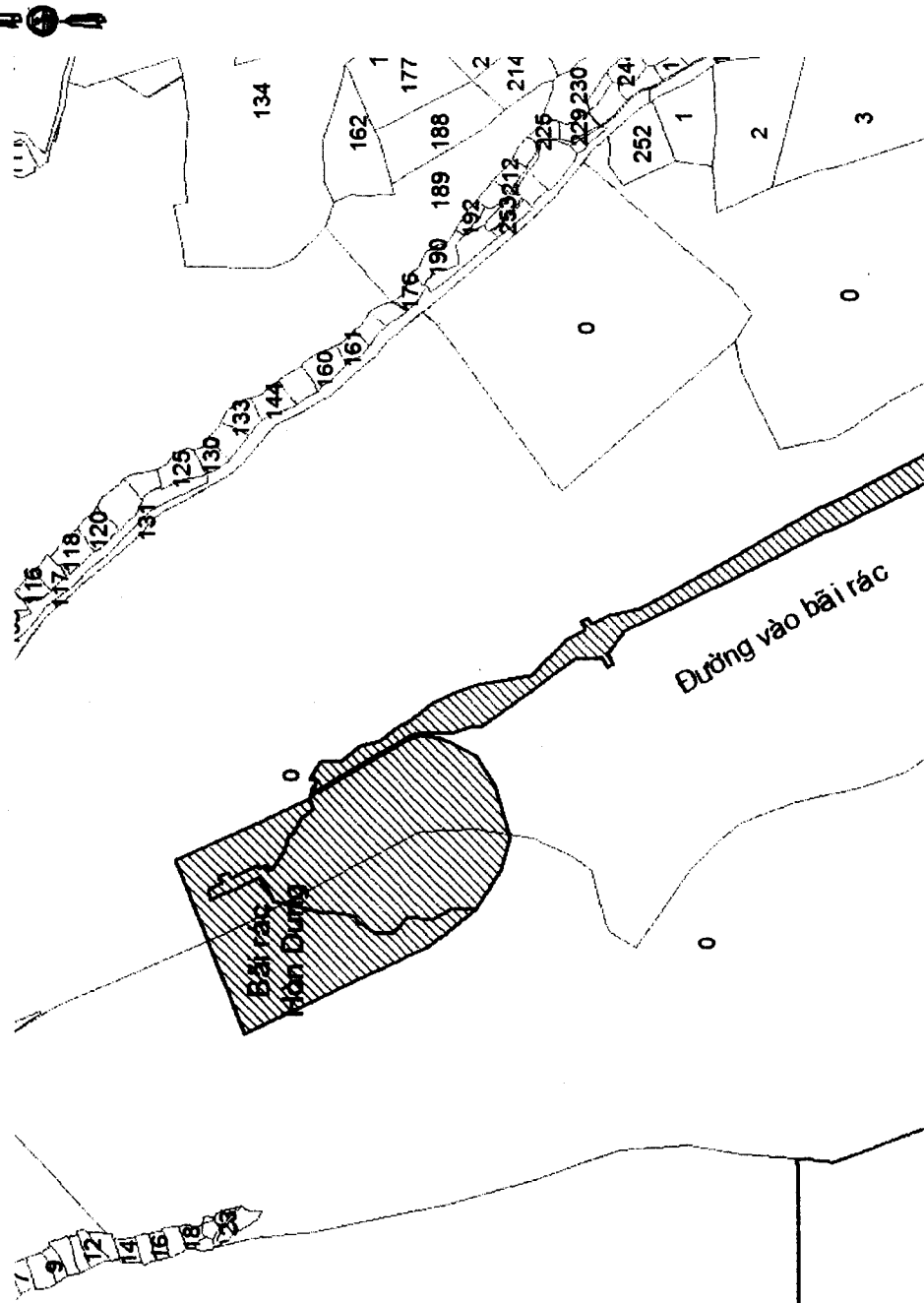
XÃ: SƠN TRUNG

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Xây dựng bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Hòn Dung

3. DIỆN TÍCH: 3,00 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



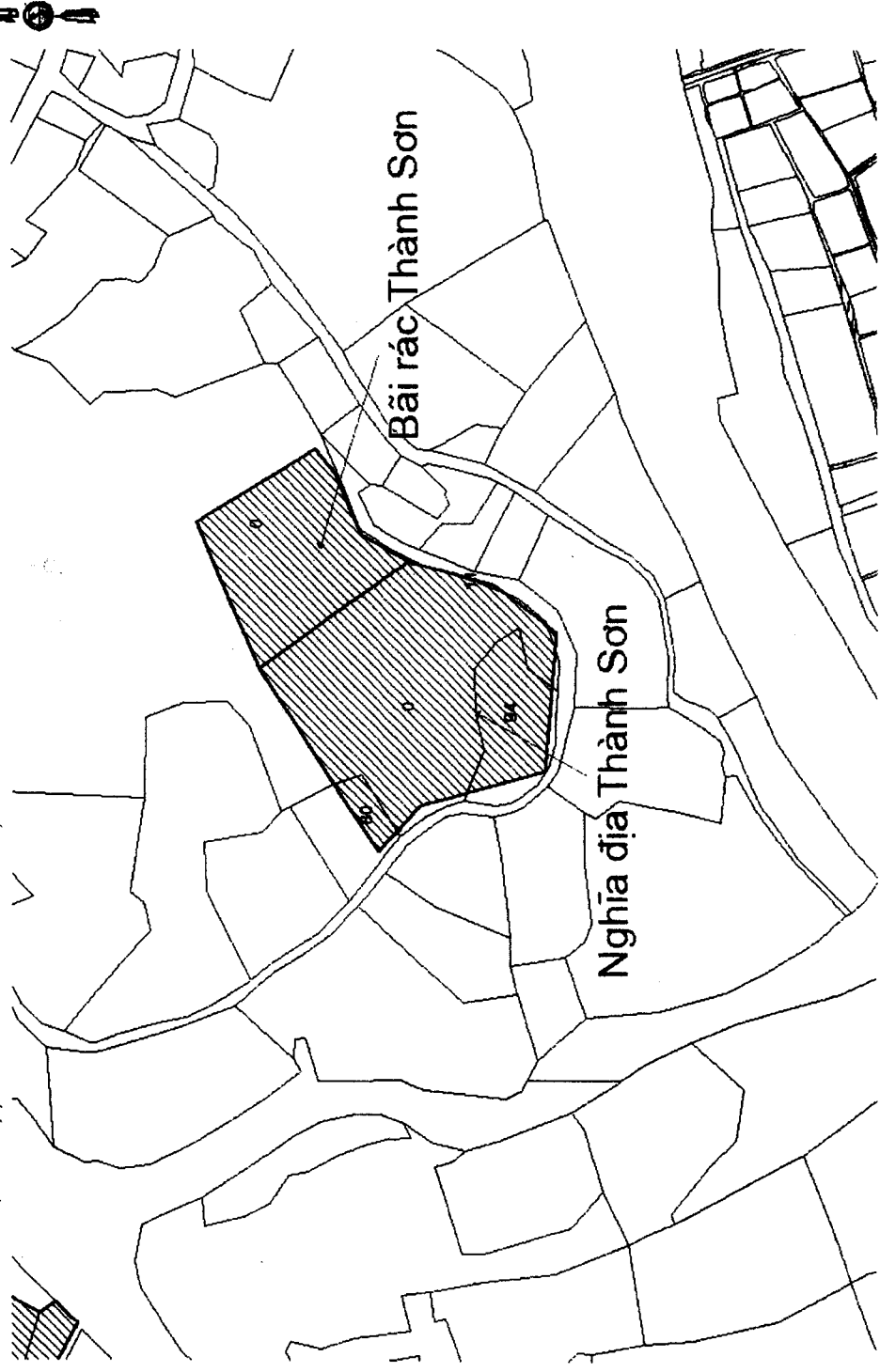
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: THÀNH SƠN

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Nghĩa địa Thành Sơn; Bãi rác Thành Sơn
2. ĐỊA ĐIỂM: Nghĩa địa Thành Sơn: Thửa số 11, 80, 94 (tờ bản đồ số 10); Bãi rác Thành Sơn (thôn Tà Giang 1)
3. DIỆN TÍCH: Nghĩa địa Thành Sơn: 1,54 ha; ; Bãi rác Thành Sơn : 0,67 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

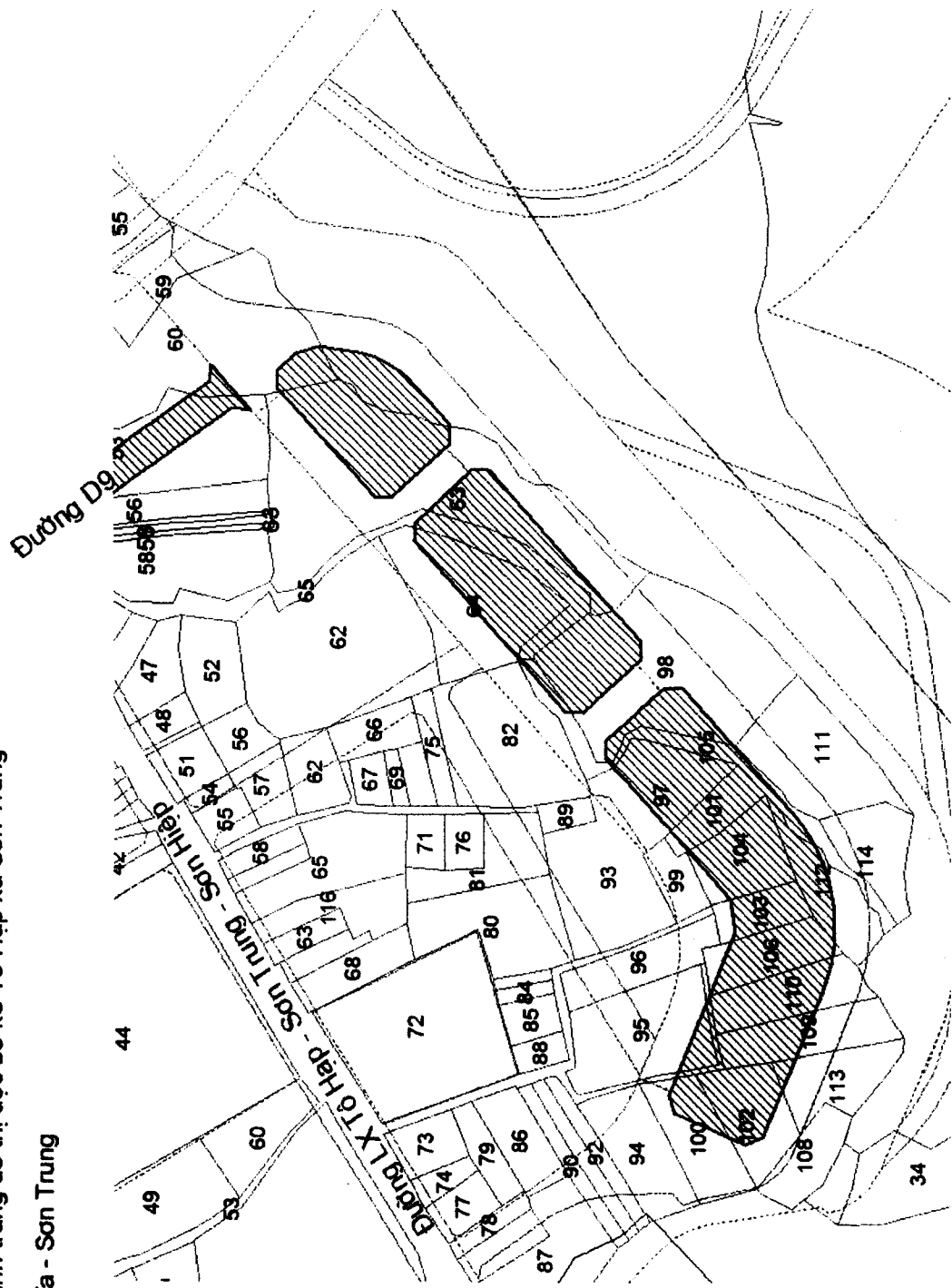
XÃ: SƠN TRUNG

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Chính trang đô thị dọc bờ kè Tô Hạp xã Sơn Trung

2. ĐỊA ĐIỂM: Thôn Tà Nĩa - Sơn Trung

3. DIỆN TÍCH: 4,5 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



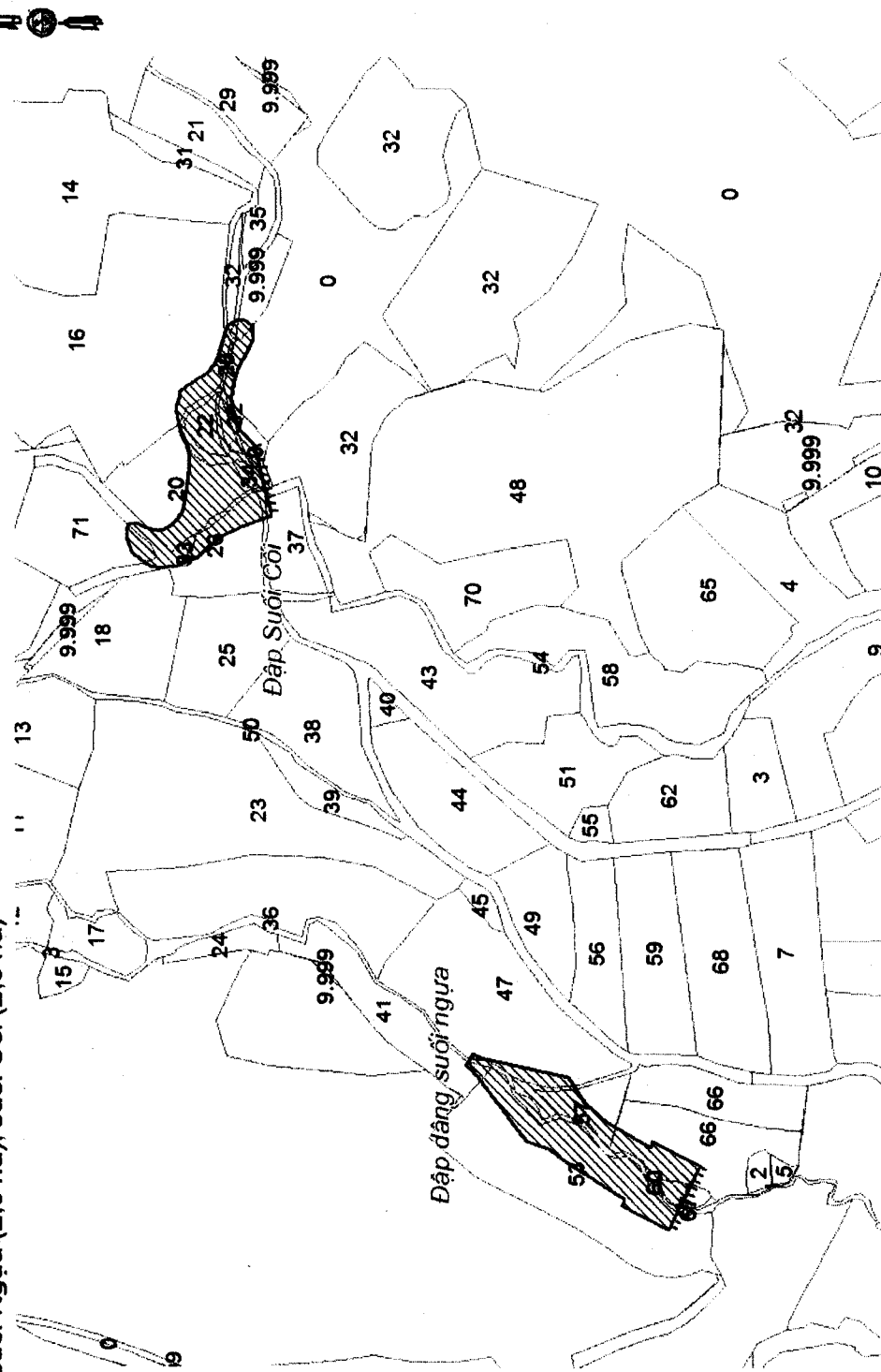
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: SƠN LÂM

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Đập dâng suối Ngựa; suối Cối
2. ĐỊA ĐIỂM: Đập dâng suối Ngựa; suối Cối (thôn Cam Khánh)
3. DIỆN TÍCH: Đập dâng suối Ngựa (2,0 ha); suối Cối (2,0 ha)



CHỮ DẪN

 Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

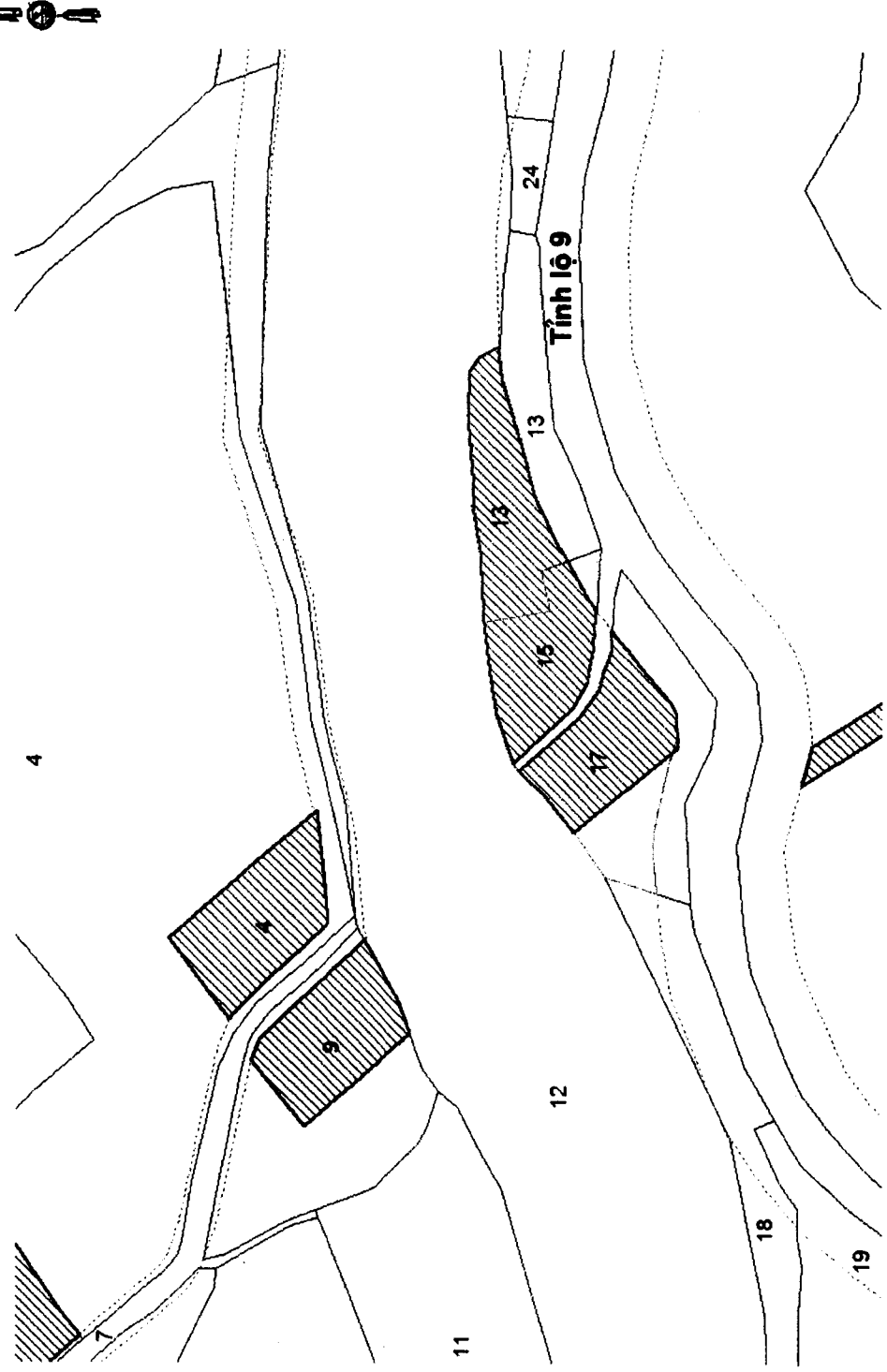
XÃ: SƠN HIỆP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Điểm dừng chân cầu treo Sơn Hiệp

2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ BĐ16 thửa đất số 13, 15, 17

3. DIỆN TÍCH: 0,50 ha



CHÚ DẪN
Vị trí công trình,
dự án

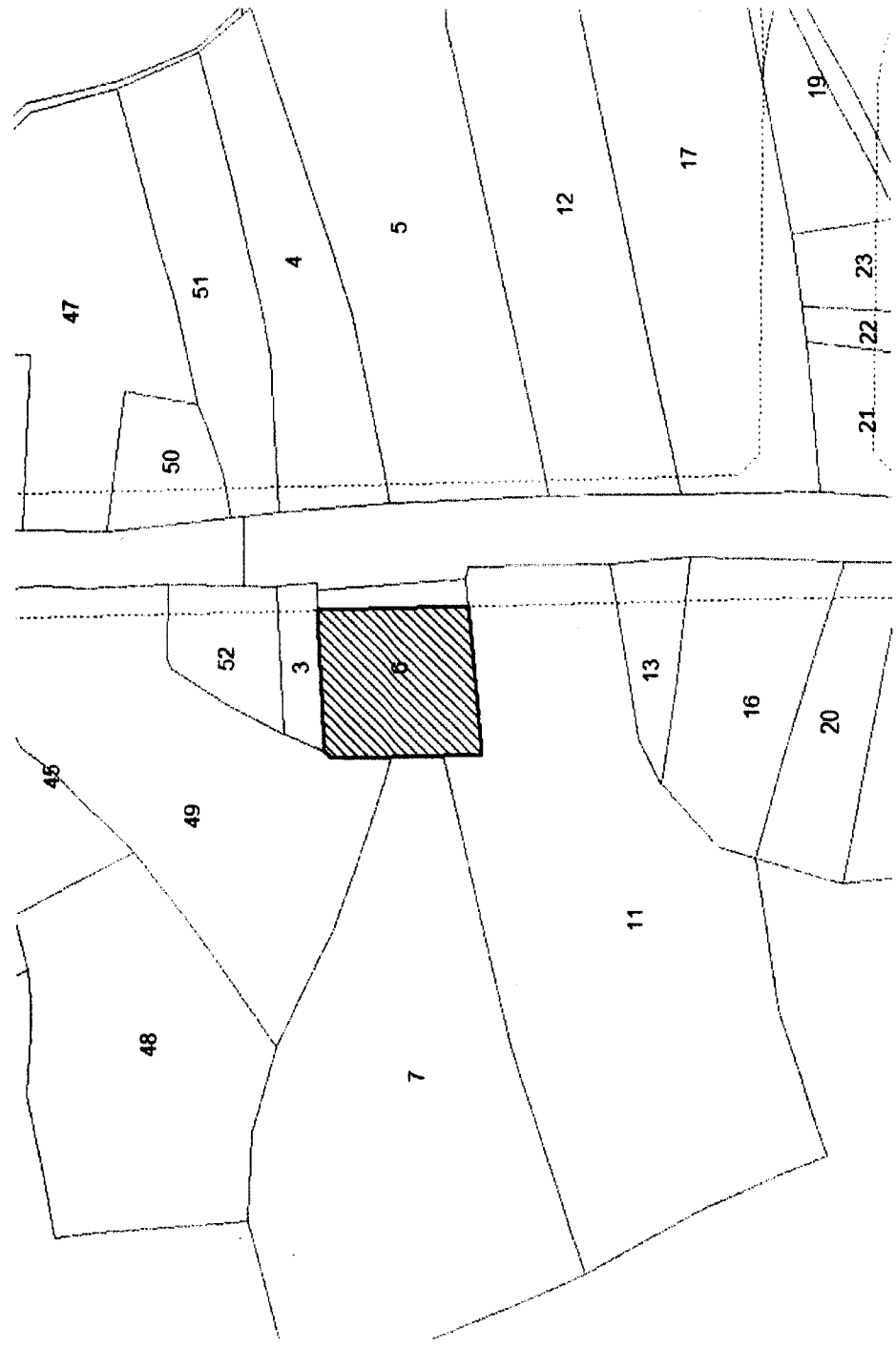
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

TỈNH KHÁNH HÒA

XÃ: SƠN TRUNG

HUYỆN KHÁNH SƠN

- 1. TÊN CÔNG TRÌNH: Đội y tế dự phòng, Đội chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em
- 2. ĐỊA ĐIỂM: UBND xã cũ : Thửa 6 (tờ 26)
- 3. DIỆN TÍCH: 0,05 ha



CHÚ DẪN

 Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

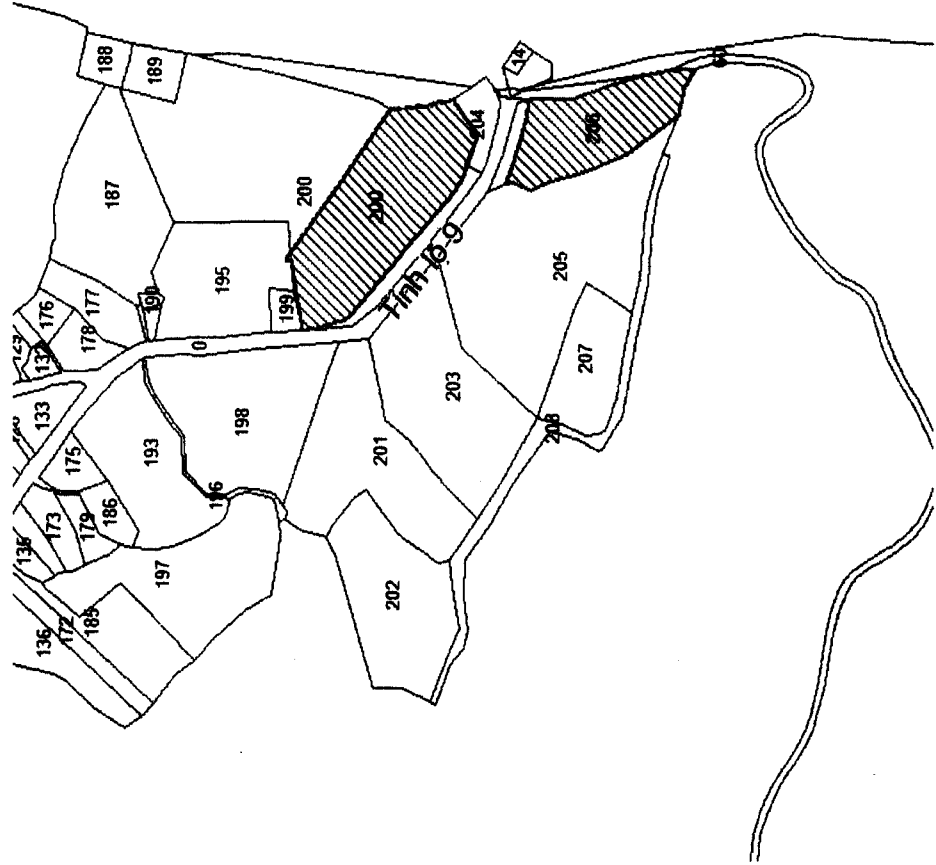
XÃ: BA CỤM BẮC

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Điểm du lịch đỉnh đèo

2. ĐỊA ĐIỂM: Thửa 200, 206 từ ĐD 19 thôn Dốc Trầu - Ba Cùm Bắc

3. DIỆN TÍCH: 1,0 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN


XÃ: SƠN HIỆP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Hạ tầng khu du lịch thác Tà Gụ xã Sơn Hiệp
2. ĐỊA ĐIỂM: Đối diện khu danh thắng thác Tà Gụ (Thác Tà Gụ - xã Sơn Hiệp)
3. DIỆN TÍCH: 12,52 ha



CHÚ DẪN

 Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

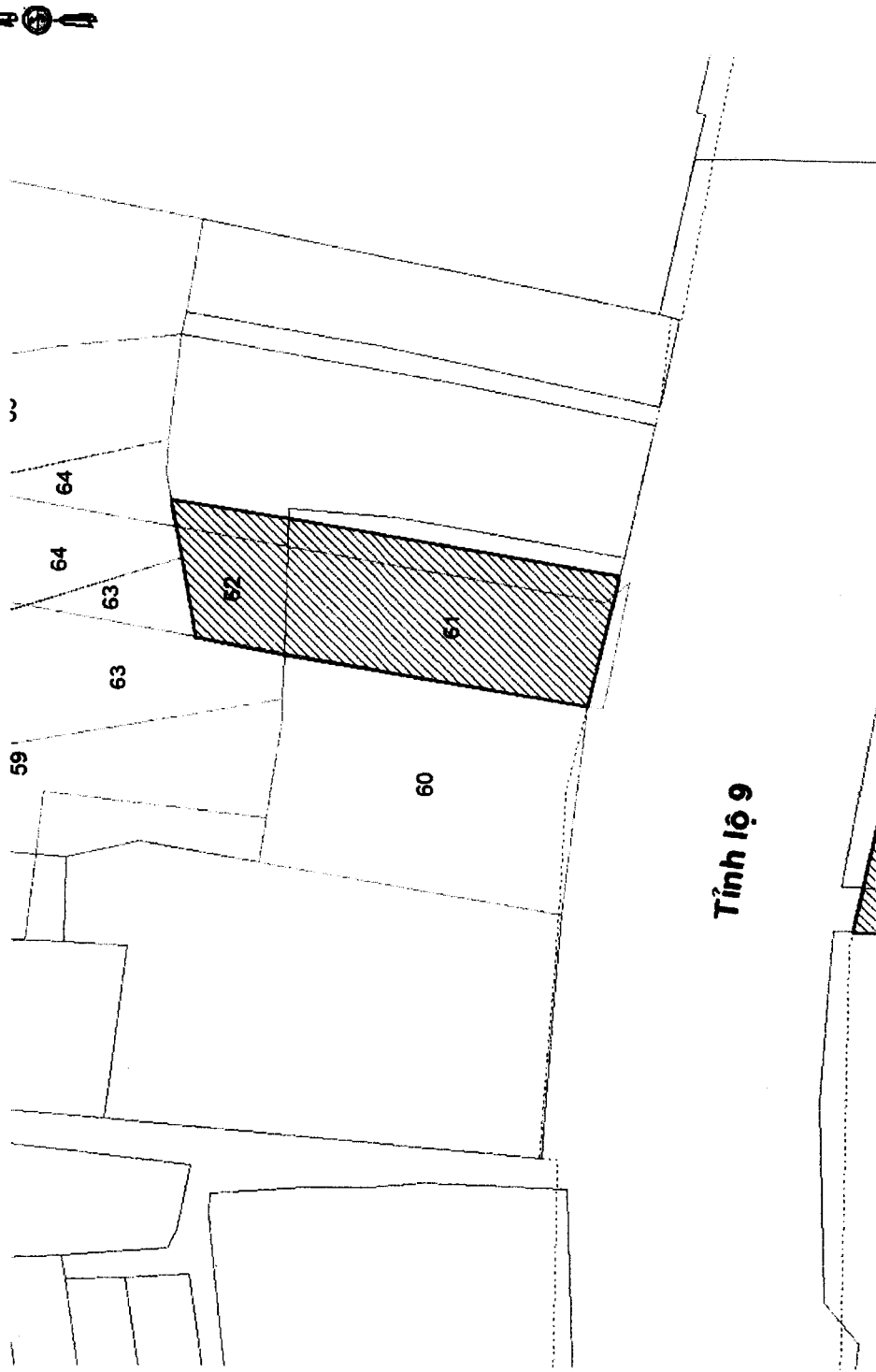
XÃ: TT TỎ HẠP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Liên đoàn Lao động huyện Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ bản đồ 12, thửa 61, 62

3. DIỆN TÍCH: 0,04 ha



CHÚ DẪN
Vị trí công trình,
dự án



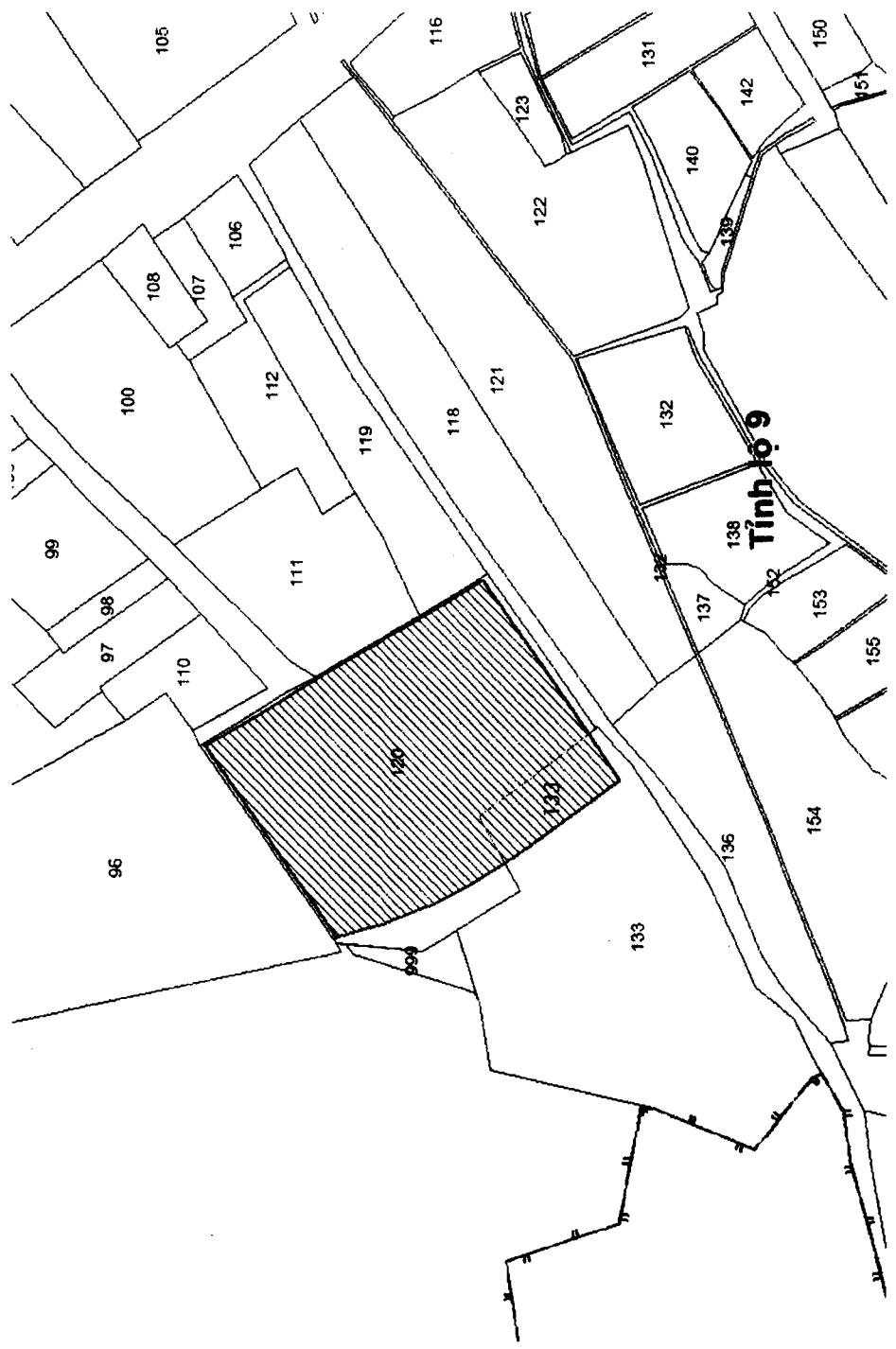
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN


XÃ: BA CỤM BẮC

TỈNH KHÁNH HÒA

- 1. TÊN CÔNG TRÌNH: Trường MN điểm A Thị
- 2. ĐỊA ĐIỂM: Thửa 120, 133 tờ BĐ 24;
- 3. DIỆN TÍCH: 0,27 ha



CHÚ DẪN

 Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: THÀNH SƠN

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Mở rộng trường MN Thành Sơn và CMD trạm y tế sang đất ở
2. ĐỊA ĐIỂM: Mở rộng trường MN Thành Sơn (Tờ BĐ 22 thửa 18) và CMD trạm y tế sang đất ở (tờ BĐ 22, thửa 22)
3. DIỆN TÍCH: Mở rộng trường MN Thành Sơn (0,14 ha) và CMD trạm y tế sang đất ở (0,04 ha)



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: TT TÔ HẠP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Thửa 69 (tờ bản đồ 12)

3. DIỆN TÍCH: 0,35 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



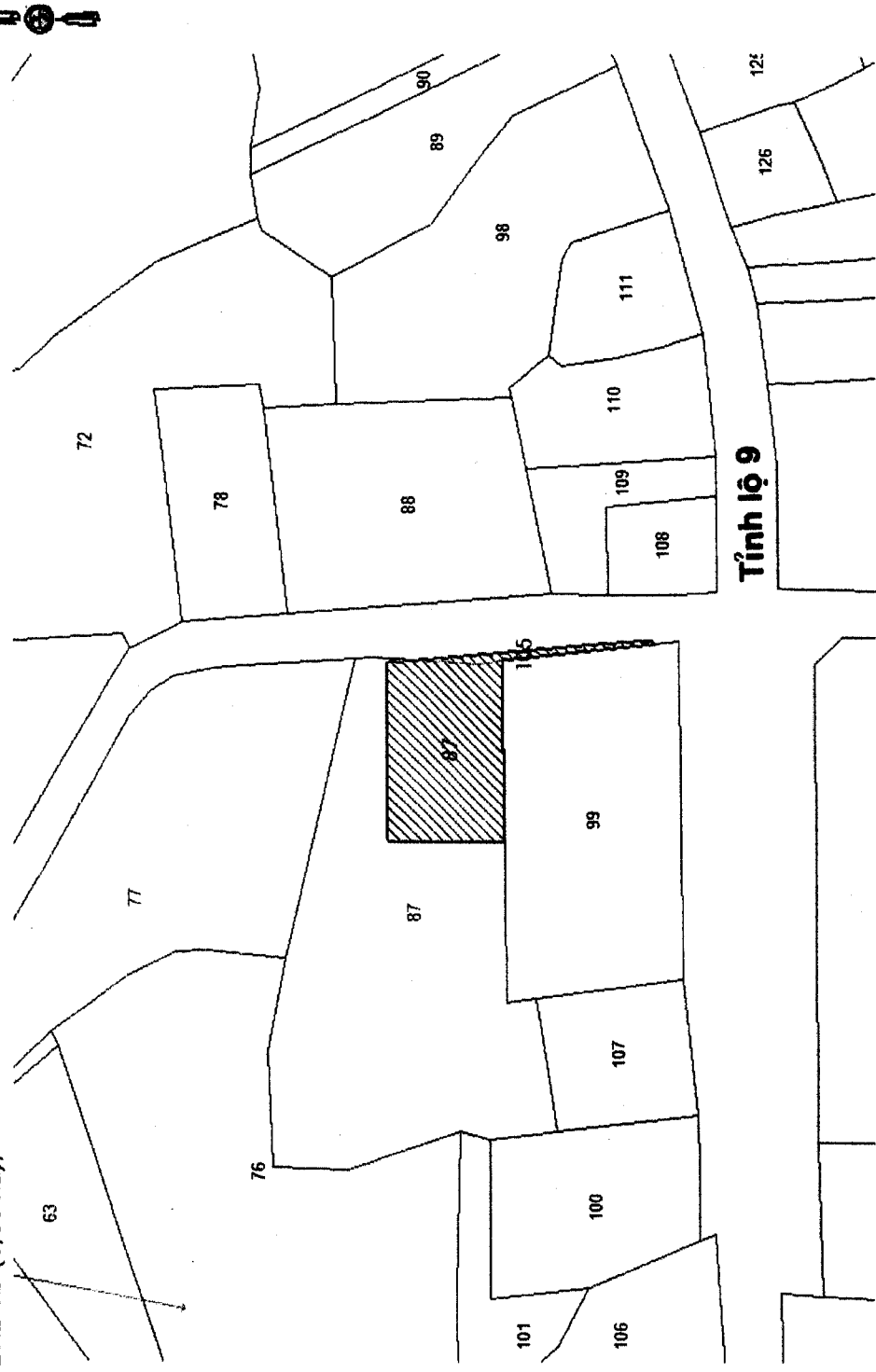
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN


XÃ: BA CỤM BẮC

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Mở rộng UBND xã
2. ĐỊA ĐIỂM: MR UBND xã (Thửa 87, tờ BĐ 36);
3. DIỆN TÍCH: mở rộng UBND xã (0,08 ha).



CHÚ DẪN

 Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

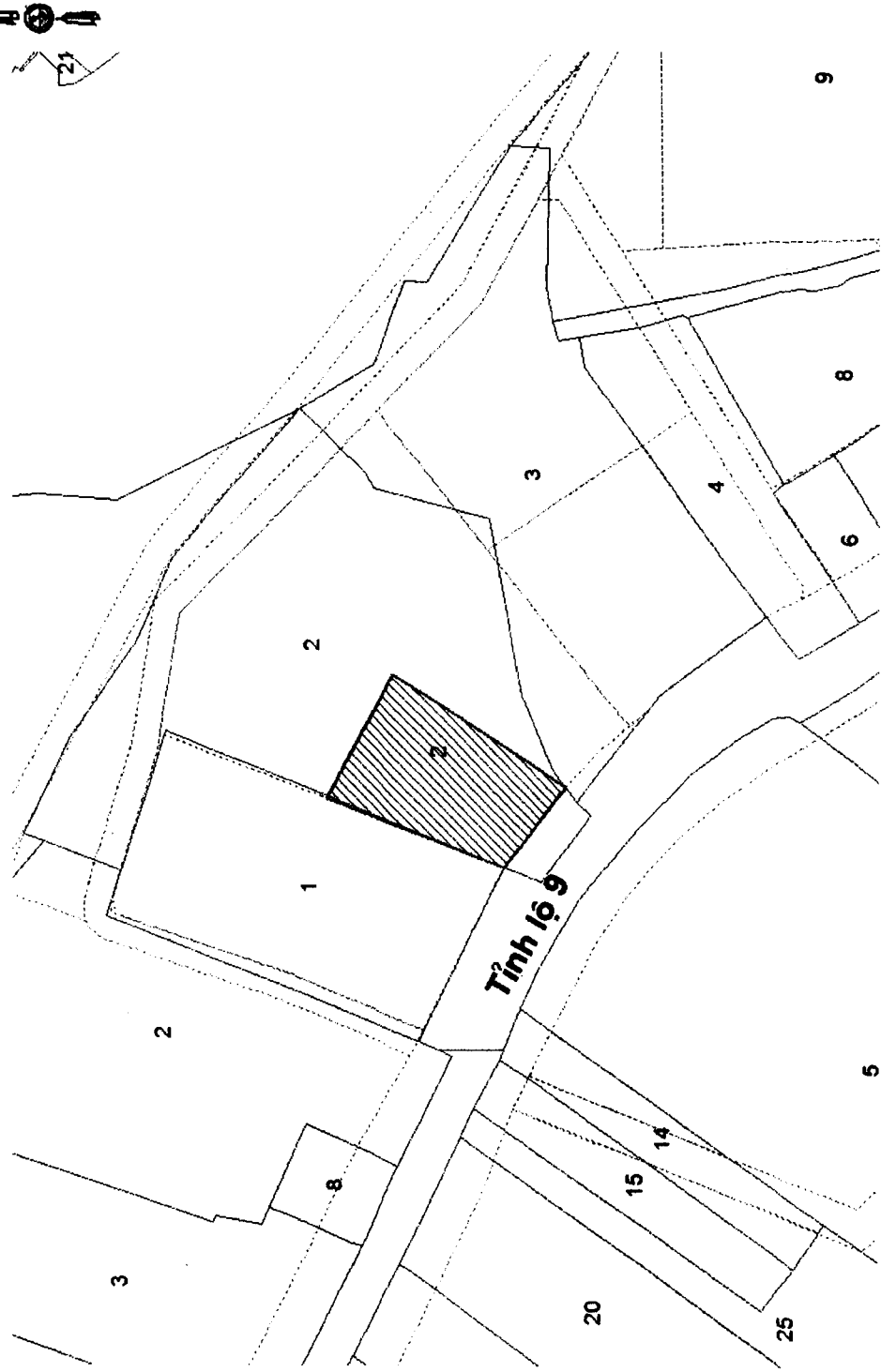
XÃ: SƠN BÌNH

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Nhà cộng đồng thôn Liên Hòa - Sơn Bình

2. ĐỊA ĐIỂM: Thửa 2 - tờ 33

3. DIỆN TÍCH: 0,12 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: TT TÔ HẠP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Bảo hiểm xã hội huyện Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ bản đồ 13, thửa 51

3. DIỆN TÍCH: 0,1 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

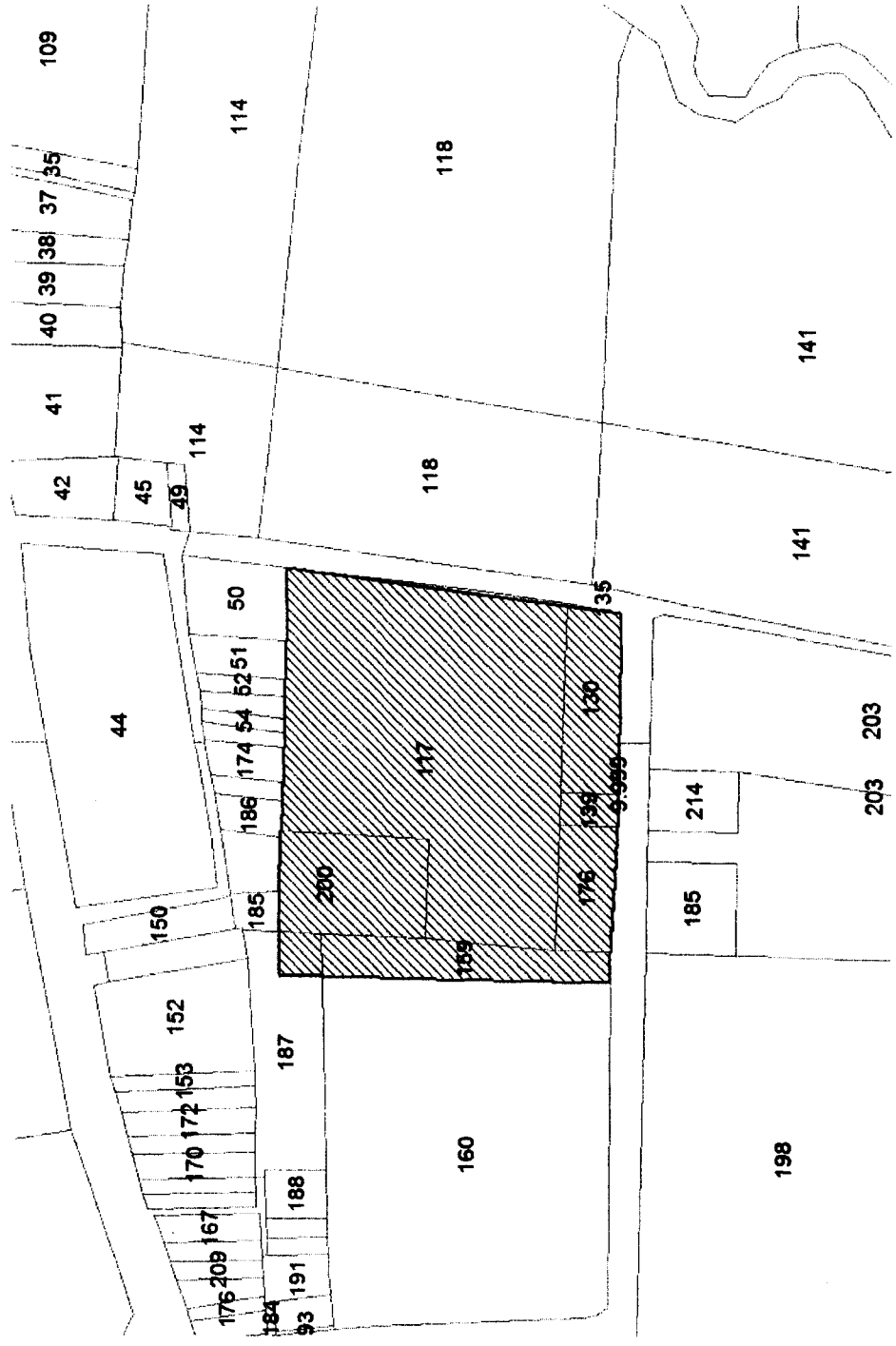
XÃ: SƠN LÂM

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Trường PTTH Tây Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ bản đồ số 09 (thửa đất 159, 176,) Tờ bản đồ số 10 (thửa số 117, 130)

3. DIỆN TÍCH: 1,50 ha



CHÚ DẪN
Vị trí công trình,
dự án

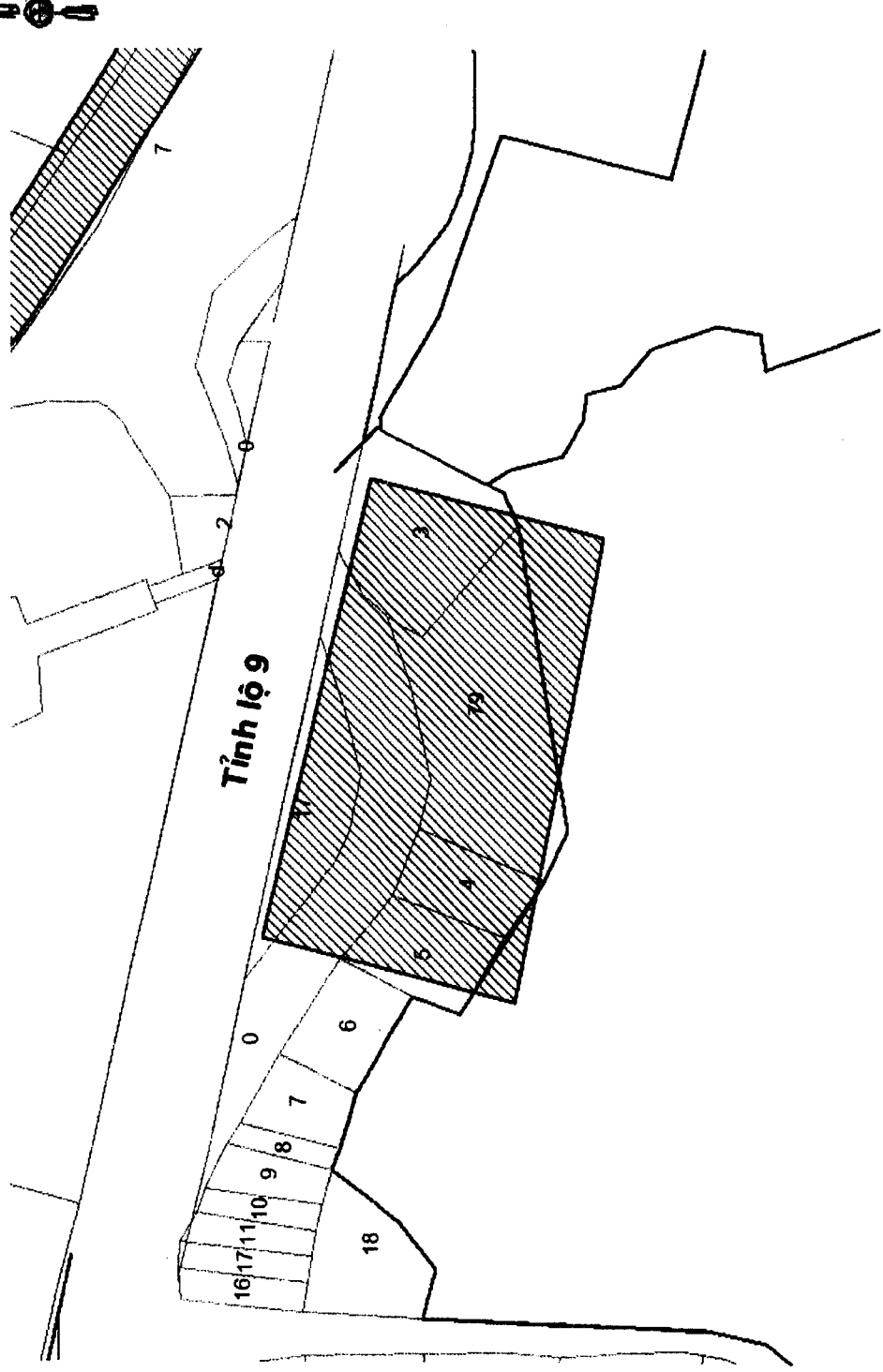
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: TT TÔ HẠP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Quảng trường, công viên trước đài tưởng niệm huyện
2. ĐỊA ĐIỂM: Thửa 79, 4, 5, 3 (từ bản đồ 20)
3. DIỆN TÍCH: 0,40 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



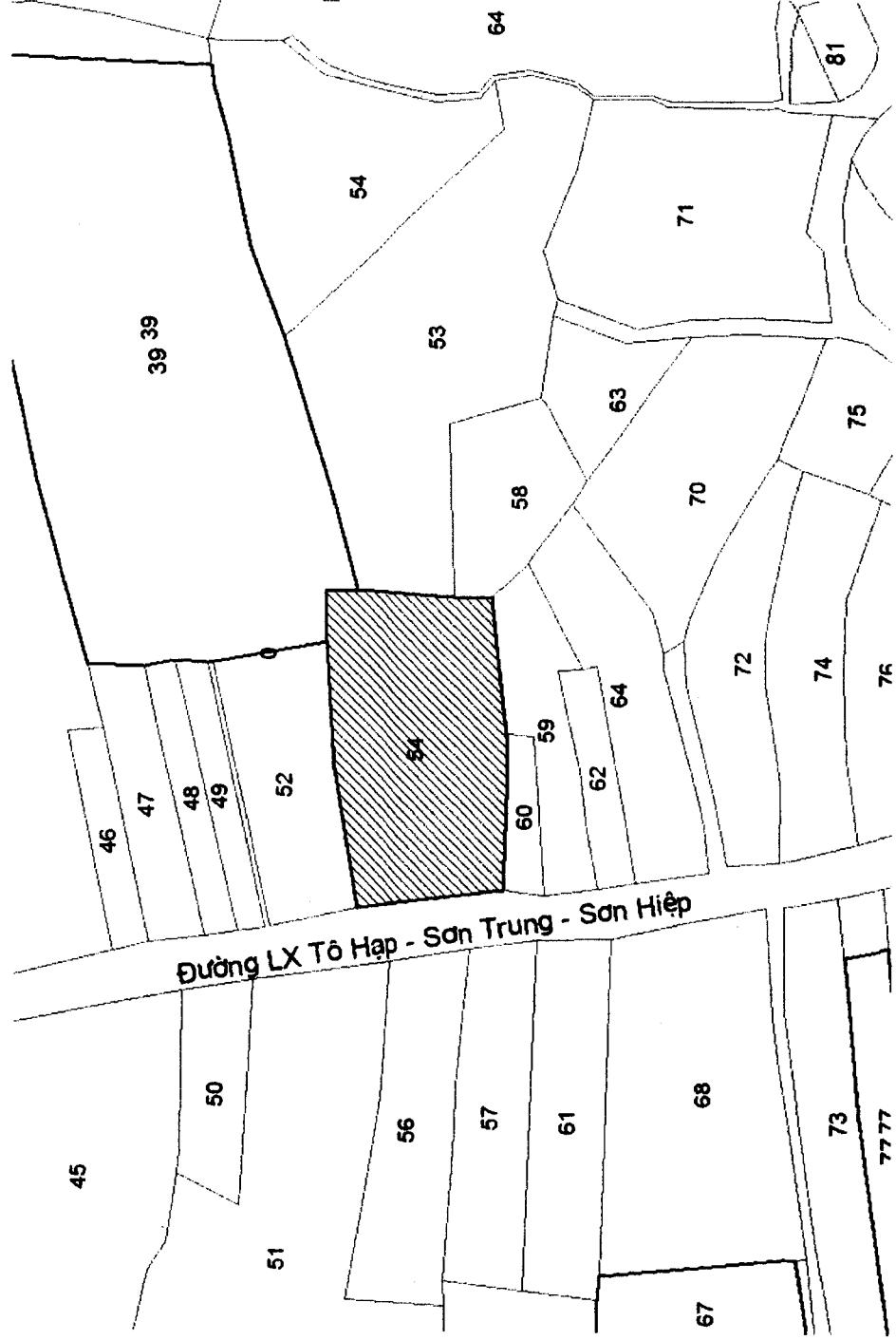
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: SƠN TRUNG

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ma O
2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ 22 - thửa 54
3. DIỆN TÍCH: 0,17 ha



CHÚ DẪN
Vị trí công trình,
dự án



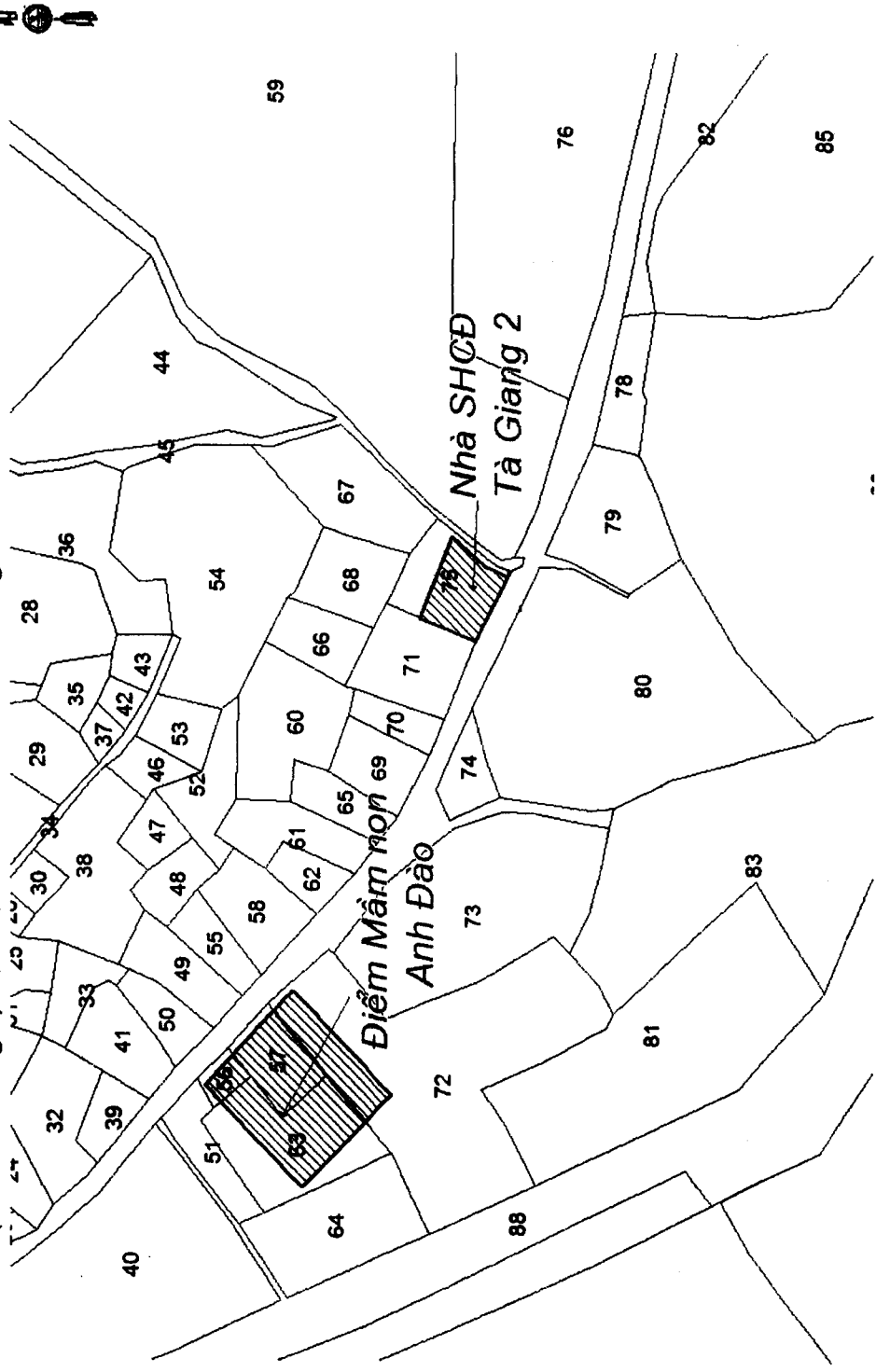
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: THÀNH SƠN

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Trường Mầm non Anh Đào xã Thành Sơn (điểm Tà Giang II); Nhà SHCD thôn Tà Giang 2
2. ĐỊA ĐIỂM: Trường MN Anh Đào (điểm Tà Giang II) - Tờ 04 thửa 56,57,63; Nhà SHCD thôn Tà Giang II (Tờ 04 thửa 76)
3. DIỆN TÍCH: Trường MN Anh Đào (điểm Tà Giang II): 0,2 ha; Nhà SHCD thôn Tà Giang II: 0,06 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình, dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

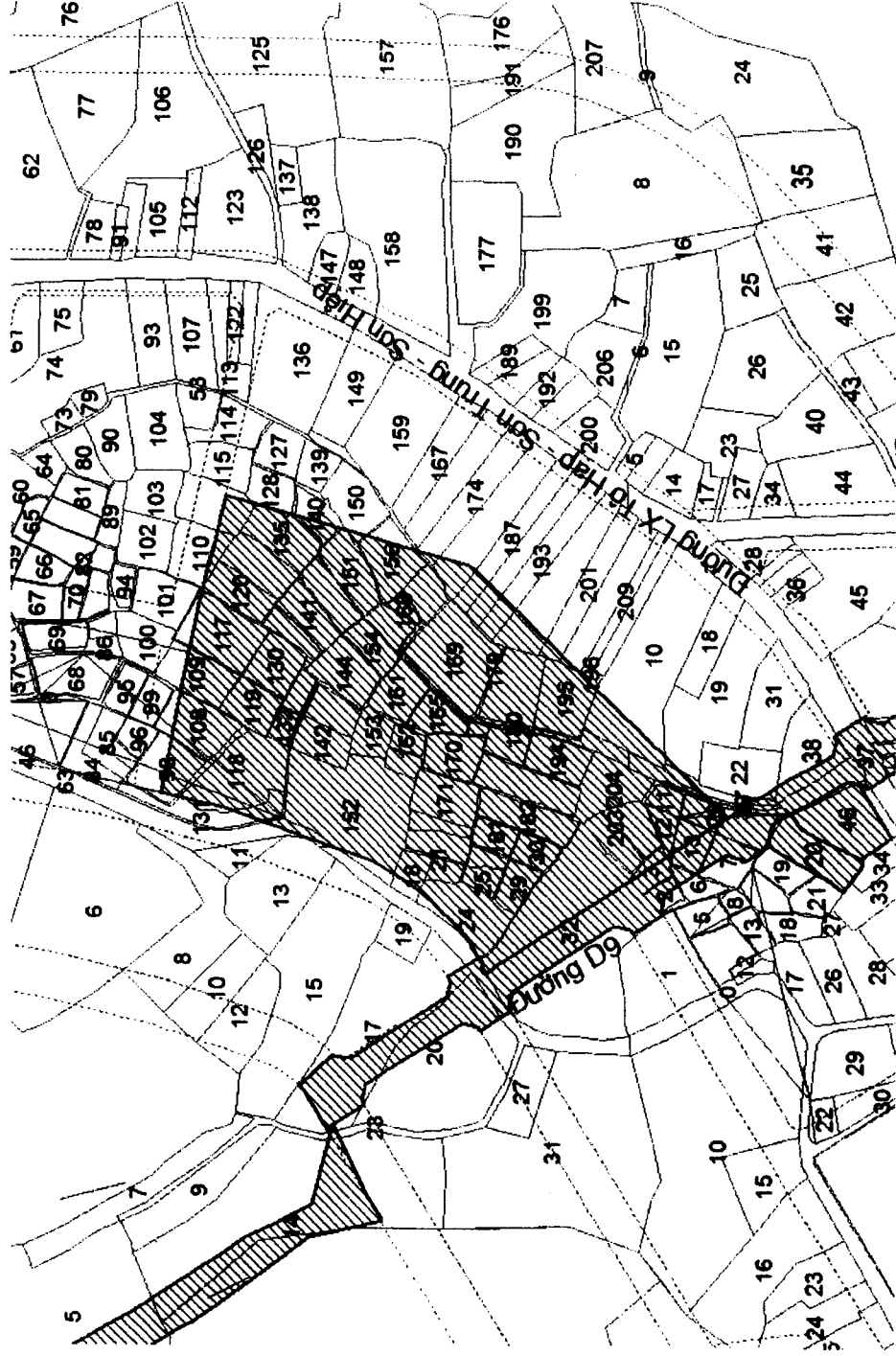
XÃ: SƠN TRUNG

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Sân vận động huyện Khánh Sơn

2. ĐỊA ĐIỂM: Tờ số 25; tờ số 26

3. DIỆN TÍCH: 3.00 ha



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



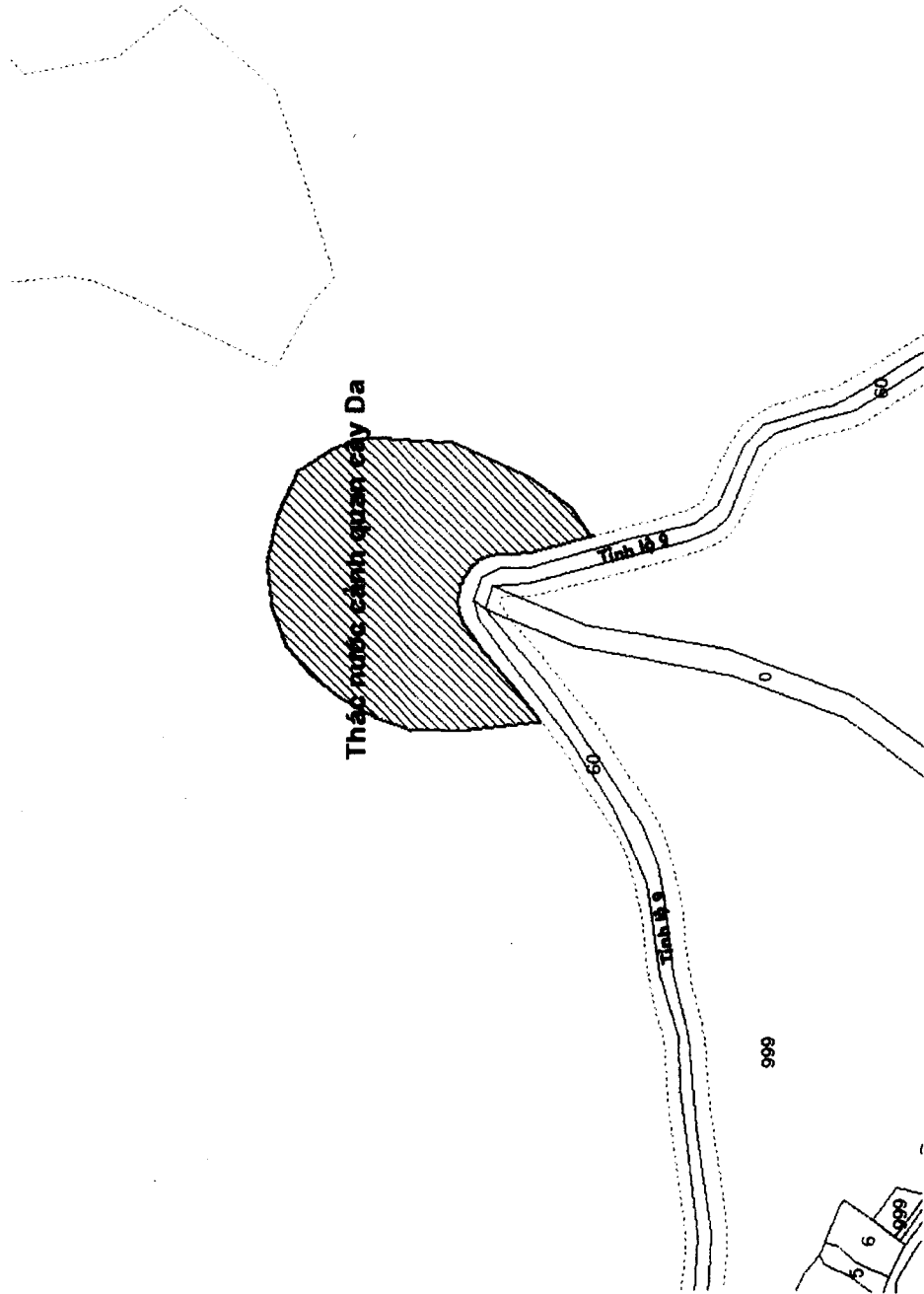
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: BA CỤM BẮC

TỈNH KHÁNH HÒA

- 1. TÊN CÔNG TRÌNH: Thác nước cảnh quan cây Da
- 2. ĐỊA ĐIỂM: TL9 - Thôn Dốc Trầu - Ba Cùm Bắc
- 3. DIỆN TÍCH: 3,0 ha



CHỦ DẪN
Vị trí công trình,
dự án

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: SƠN HIỆP

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Sân thể thao thôn Liên Hiệp +Trạm Quản lý BVR khu bảo tồn TN Hòn Bà

2. ĐỊA ĐIỂM: Sân thể thao thôn Liên Hiệp (thửa 34 - tờ 15)+Trạm Quản lý BVR khu bảo tồn TN Hòn Bà (Thửa 39 - tờ 15)

3. DIỆN TÍCH: Sân thể thao thôn Liên Hiệp (0,21ha) +Trạm Quản lý BVR khu bảo tồn TN Hòn Bà (0,06ha)



CHÚ DẪN

Vị trí công trình,
dự án



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018
XÃ SƠN TRUNG**

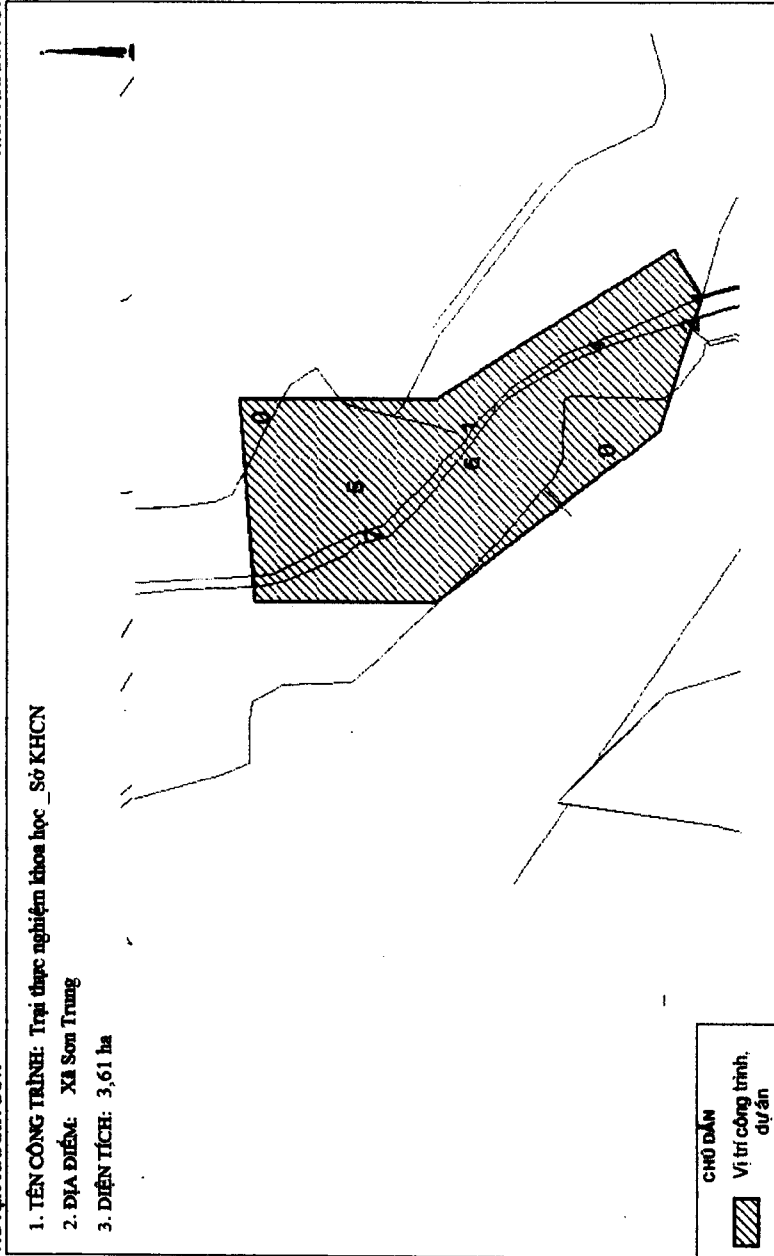
TỈNH KHÁNH HÒA

HUYỆN KHÁNH SƠN

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Trại thực nghiệm khoa học _ Sở KHCHN

2. ĐỊA ĐIỂM: Xã Sơn Trung

3. DIỆN TÍCH: 3,61 ha



**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

HUYỆN KHÁNH SƠN

XÃ: BA CỤM NAM

TỈNH KHÁNH HÒA

1. TÊN CÔNG TRÌNH: Khu sinh hoạt chính trị truyền thống của lực lượng công an Khánh Hòa
2. ĐỊA ĐIỂM: Thôn Suối Me - xã Ba Cùm Nam (Thửa 63, 65, 66, 68, 87 (từ 7); thửa 87 (từ 14))
3. DIỆN TÍCH: 1,64 ha

